

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**TÀI LIỆU TẬP HUẤN**

**NÂNG CAO KỸ NĂNG LÒNG GHÉP GIỚI TRONG  
QUẢN LÝ, GIÁO DỤC HỌC SINH CỦA GIÁO VIÊN CHỦ  
NHIỆM Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**

**(Tài liệu lưu hành nội bộ)**

**Chịu trách nhiệm nội dung:**

Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục

**Biên soạn:**

Đỗ Thị Tường Vi

Bùi Thanh Xuân

**Hà Nội, tháng 05 năm 2019**

## LỜI NÓI ĐẦU

*Nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng lồng ghép các thông tin về giới, bình đẳng giới, chống phân biệt đối xử trên cơ sở giới cho giáo viên chủ nhiệm lớp trong hoạt động quản lý, giáo dục học sinh ở trường trung học phổ thông nhằm xoá bỏ định kiến giới và mọi hình thức phân biệt đối xử về giới trong giáo dục phổ thông, phát huy tối đa tiềm năng của học sinh để không bị cản trở bởi định kiến giới và phân biệt đối xử về giới; đồng thời tuyên truyền, triển khai thực hiện việc đổi mới giáo dục phổ thông tại các địa phương, đơn vị một cách đồng bộ, hiệu quả.*

*Thực hiện Kế hoạch số 255/KH-BGDĐT ngày 25/03/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT), Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục phối hợp với Dự án Trung học phổ thông giai đoạn 2 tổ chức lớp Tập huấn nâng cao kỹ năng lồng ghép giới trong quản lý, giáo dục học sinh cho giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường trung học phổ thông.*

*Nội dung cơ bản của lớp Tập huấn:*

*- Nghiên cứu và xây dựng tài liệu hướng dẫn kỹ năng lồng ghép giới trong quản lý, giáo dục học sinh cho giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường trung học phổ thông.*

*- Tập huấn nâng cao nhận thức về giới, bình đẳng giới, chống phân biệt đối xử trên cơ sở giới cho giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường trung học phổ thông.*

*- Tập huấn nâng cao kỹ năng lồng ghép giới trong quản lý, giáo dục học sinh cho giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường trung học phổ thông.*

*Cuốn tài liệu này được biên soạn để làm tài liệu cho Tập huấn nâng cao kỹ năng lồng ghép giới trong quản lý, giáo dục học sinh cho giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường trung học phổ thông và là tài liệu cho các giáo viên tham khảo trong quá trình làm giáo viên chủ nhiệm ở trường trung học phổ thông.*

## MỤC LỤC

		<b>TRANG</b>
	Lời nói đầu	2
	Mục lục	3
	Chữ viết tắt	4
<b>Phần I</b>	<b>Các kiến thức cơ bản về giới</b>	<b>5</b>
1	Giới tính và giới	6
2	Vai trò giới, định kiến giới và phân biệt đối xử về giới	12
3	Cân bằng giới, công bằng giới và bình đẳng giới	17
4	Nhạy cảm giới, trách nhiệm giới và lồng ghép giới	21
	Bài tập và câu hỏi trắc nghiệm	25
<b>Phần II</b>	<b>Phòng chống bạo lực học đường trên cơ sở giới</b>	<b>29</b>
1	Khái niệm	29
2	Các hành vi của bạo lực giới và XHTD trẻ em trong trường học	31
3	Thực trạng, hệ quả và nguyên nhân của BLG trong trường học	33
4	Quy trình xử lý các tình huống BLG trong trường học và kỹ năng hỗ trợ, xử lý BLG của GVCN	39
	Bài tập và câu hỏi trắc nghiệm	49
<b>Phần III</b>	<b>Lồng ghép giới trong quản lý, giáo dục học sinh của GVCN ở trường trung học phổ thông</b>	<b>51</b>
1	Vai trò, nhiệm vụ của GVCN và sự cần thiết phải LGG trong quản lý, giáo dục HS ở trường trung học phổ thông	51
2	Định hướng LGG trong quản lý, giáo dục học sinh của GVCN	56
3	Giới thiệu một số ví dụ về tổ chức các hoạt động học tập/bài học phòng chống và ứng phó với BLHĐTCSG	70
	Một số bài tập tình huống thực hành LGG trong quản lý, giáo dục học sinh ở trường trung học phổ thông của GVCN	85
<b>Phần IV</b>	<b>PHỤ LỤC</b>	<b>88</b>
	Phụ lục 1: Giải thích thuật ngữ	88
	Phụ lục 2: Các văn bản pháp quy về BDG và LGG trong GD&ĐT	92
	Phụ lục 3: Đáp án các câu hỏi trắc nghiệm	94
	<b>Tài liệu tham khảo</b>	<b>95</b>

## CÁC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Nghĩa của từ
BBĐG	Bất bình đẳng giới
BĐG	Bình đẳng giới
BGH	Ban Giám hiệu
BL	Bạo lực
BLG	Bạo lực giới
BLHĐTCSG	Bạo lực học đường trên cơ sở giới
CNTT	Công nghệ thông tin
GV	Giáo viên
GVCN	Giáo viên chủ nhiệm
HS	Học sinh
KHTN, KHXH	Khoa học tự nhiên, khoa học xã hội
LGBT	Lesbian, Gay, Bisexual, Transgender
LGG	Lồng ghép giới
LTQĐTD	Lây truyền qua đường tình dục
PBĐXVG	Phân biệt đối xử về giới
QRTD	Quấy rối tình dục
THPT	Trung học phổ thông
XHTD TE	Xâm hại tình dục trẻ em

# PHẦN I. CÁC KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ GIỚI

## A. MỤC TIÊU

Kết thúc phần này, người học có khả năng:

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về giới, bình đẳng giới và lồng ghép giới.
- Nhận biết được các thành tố tác động đến quá trình xã hội hóa giới. Nguyên nhân và hệ quả của bất bình đẳng giới.
- Hiểu được bình đẳng giới thực chất và nhận diện được các biểu hiện của bất bình đẳng giới trong trường học
- Phân tích được tầm quan trọng của việc có nhạy cảm giới và trách nhiệm giới; từ đó, xác định được trách nhiệm của bản thân trong việc thực hiện lồng ghép giới trong các hoạt động quản lý, giáo dục học sinh trong nhà trường.

## B. CÁC NỘI DUNG CHÍNH

Phần này cung cấp một số kiến thức cơ bản về giới, đặt nền tảng và định hướng cho việc hiểu những nội dung ở các phần tiếp theo. Nam giới và nữ giới - bất kể họ sinh sống ở xã hội nào - đều có các nhu cầu, mối quan tâm và vai trò khác nhau. Trong nhiều trường hợp, những sự khác biệt này chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố như tầng lớp, chủng tộc, sắc tộc, văn hoá, truyền thống và thời đại. Vì thế, tuy có những trường hợp nam giới bị thiệt thòi hơn so với nữ giới, nhưng trên cơ sở các số liệu thống kê chính thống của quốc tế và của Việt Nam, thì đa số phụ nữ và trẻ em gái thường có vị thế xã hội thấp hơn, ít có cơ hội và khả năng tiếp cận các nguồn lực, họ cũng ít có quyền ra quyết định và ít có tiếng nói ảnh hưởng hơn so với nam giới và trẻ em trai. Điều này dẫn đến sự bất bình đẳng giới, nếu những bất bình đẳng này được giải quyết, cả hai giới sẽ có những phát triển công bằng<sup>1</sup>.

Do vậy, chúng ta cần xóa bỏ tình trạng bất bình đẳng giới, thay đổi mối quan hệ giới theo chiều hướng tiến bộ và bình đẳng; trong vấn đề này, giáo dục đóng vai trò chủ đạo, trong đó đội ngũ giáo viên, đặc biệt là giáo viên chủ nhiệm được coi là các bên tham gia đặc biệt quan trọng.

Để thực hiện được điều này, các nhà quản lý giáo dục, cán bộ giáo viên và giáo viên chủ nhiệm trong các cơ sở giáo dục cần có hiểu biết đầy đủ các kiến thức cơ bản về giới,

---

<sup>1</sup> UNESCO. Hướng dẫn bình đẳng giới trong chính sách và thực tiễn đào tạo giáo viên. Chuyên đề 1 – Hiểu biết về giới, trang 14. Xuất bản năm 2015 bởi UNESCO, số 7, Place de Fontenoy, 75352 Paris 07SP, Pháp.

bình đẳng giới, đa dạng giới và các vấn đề liên quan đến giới; làm cơ sở cho việc lồng ghép quan điểm bình đẳng giới trong hoạt động giáo dục của nhà trường, bao gồm các chính sách, chương trình và dịch vụ cung cấp cho người học; nhằm thúc đẩy các cơ hội phát triển bình đẳng cho cả nam, nữ học sinh, giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục.

## 1. GIỚI TÍNH VÀ GIỚI

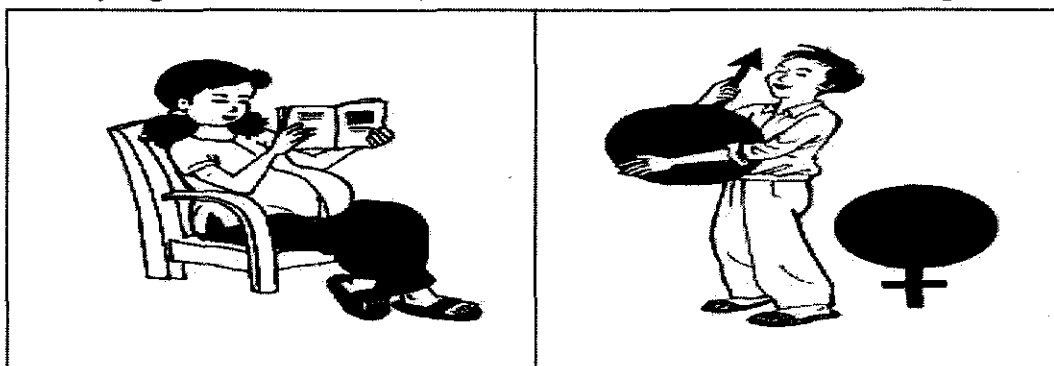
### 1.1. Phân biệt giới tính và giới

❖ **Giới tính (Sex)** là thuật ngữ dùng để “chỉ các đặc điểm sinh học của nam và nữ”<sup>2</sup>.

Các đặc điểm sinh học của nam và nữ được thể hiện ở một số khía cạnh cụ thể như: cấu tạo cơ thể, đặc điểm sinh lí hay chức năng sinh sản<sup>3</sup>. Trong đó sự khác nhau rõ ràng nhất về giới tính giữa nam và nữ là chức năng sinh sản.

Ví dụ: Phụ nữ có buồng trứng, tử cung, kinh nguyệt, có thể mang thai, sinh đẻ, tiết sữa cho con bú. Nam giới có dương vật, tinh hoàn, có thể sản sinh tinh trùng để thụ thai.

Như vậy, "giới tính là khái niệm chỉ sự khác biệt về mặt sinh học giữa nam và nữ,



cũng như các đặc tính sinh học phân biệt nam và nữ. Do đó, một người có thể là nam hoặc nữ bất kể họ thuộc chủng tộc, tầng lớp, tuổi tác hoặc sắc tộc nào”<sup>4</sup>.

❖ **Giới (Gender)** là thuật ngữ dùng để “chỉ đặc điểm, vị trí, vai trò của nam và nữ trong tất cả các mối quan hệ xã hội”<sup>5</sup>.

Nói cách khác, “giới là một khái niệm xã hội và văn hóa nhằm xác định và phân biệt các vai trò, đặc điểm và trách nhiệm khác nhau của nam và nữ”<sup>6</sup>.

Ví dụ: Người ta thường cho rằng nam giới mạnh mẽ, quyết đoán, nên làm các công việc nặng như cày bừa, xây dựng, cầu đường, khai thác hầm mỏ,...Phụ nữ dịu dàng, cần

<sup>2</sup> Luật Bình đẳng giới, 2006. Điều 5, Khoản 2

<sup>3</sup> Quỹ Hỗ trợ sáng kiến tư pháp, 2015. Hướng dẫn Lồng ghép giới, trang 8.

<sup>4</sup> UNESCO. Hướng dẫn bình đẳng giới trong chính sách và thực tiễn đào tạo giáo viên. Chuyên đề 1 – Hiểu biết về giới. Xuất bản năm 2015 bởi UNESCO, số 7, Place de Fontenoy, 75352 Paris 07SP, Pháp. Trang 12

<sup>5</sup> Luật Bình đẳng giới, 2006. Điều 5, Khoản 1

<sup>6</sup> UNESCO Băng Cốc – Mạng lưới về Giới trong Giáo dục khu vực Châu Á – Thái Bình Dương. Bộ công cụ thúc đẩy bình đẳng giới trong giáo dục, trang 6

thận, chịu khó; nên làm các công việc nhẹ nhàng như nội trợ, giáo viên, cấy gặt, thư ký,... Tuy nhiên, thực tế có nhiều nữ giới mạnh mẽ và quyết đoán; tương tự có nhiều nam giới dịu dàng, cẩn thận và chịu khó.

❖ **Giới tính và giới khác nhau như thế nào?**

Giới tính là sự khác biệt sinh học giữa nam và nữ, những khác biệt này mang tính bẩm sinh và phổ biến chung trên toàn cầu; còn giới được sử dụng để xác định các đặc tính về mặt xã hội của một người là nam hay nữ, những đặc tính giới này do học hỏi mà có, nên rất đa dạng và có thể thay đổi theo thời gian và không gian. Chúng ta có thể phân biệt đặc điểm khác nhau giữa giới tính và giới theo bảng 1 dưới đây

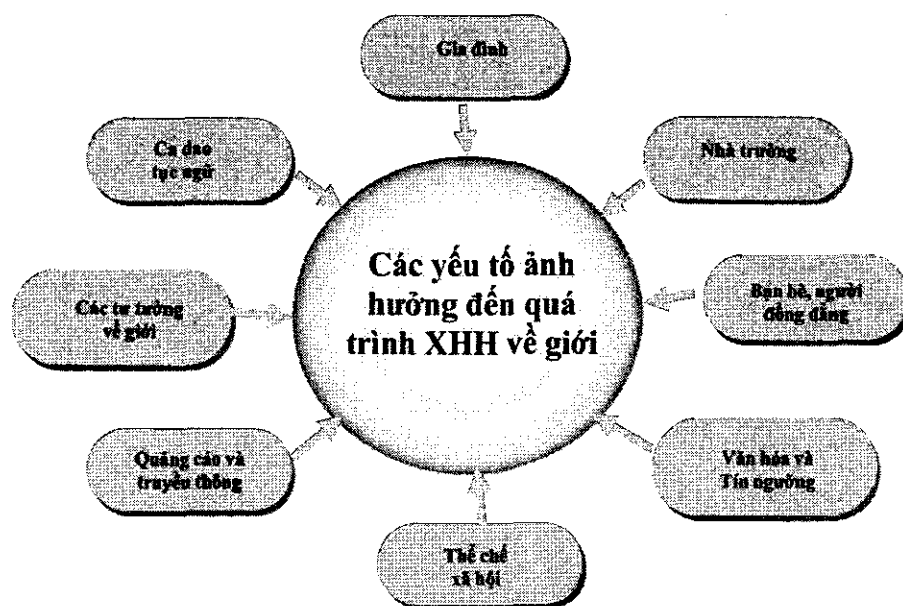
**Bảng 1. Phân biệt đặc điểm khác nhau giữa giới tính và giới**

<b>Giới tính</b>	<b>Giới</b>
<i>Là đặc trưng sinh học; bẩm sinh, sinh ra đã có</i>	<i>Là đặc trưng văn hóa, xã hội; do học hỏi mà có</i>
Ví dụ: Có tinh trùng là đặc điểm giới tính của nam giới. Có kinh nguyệt, mang thai, sinh đẻ là đặc điểm giới tính của phụ nữ	Ví dụ: Nam giới có thể cho con bú sữa bằng bình, có thể chăm sóc gia đình. Phụ nữ có thể đi làm, kiếm tiền.
<i>Đồng nhất, giống nhau trong cùng một giới, phổ biến trên toàn thế giới.</i> Ví dụ: Ở mọi nơi, phụ nữ đều có tử cung, buồng trứng và có thể mang thai. Nam giới đều có tinh hoàn và có thể sản xuất tinh trùng để duy trì nòi giống.	<i>Đa dạng, khác nhau ở các quốc gia, vùng, miền và giữa các nền văn hóa.</i> Ví dụ: Ở nhiều nơi, nam giới làm giáo viên mẫu giáo hay nhà thiết kế thời trang giới; nhiều phụ nữ cũng mạnh mẽ, quyết đoán hay là nhà kinh doanh giới
<i>Không thay đổi theo không gian và thời gian</i> Ví dụ: Từ thế hệ này sang thế hệ khác, nam giới không thể mang thai, phụ nữ không thể sản sinh ra tinh trùng.	<i>Có thể thay đổi theo quá trình phát triển dưới tác động của các yếu tố văn hóa, xã hội</i> Ví dụ: Trước đây phụ nữ không hoặc ít được tham gia quản lý xã hội; ngày nay, nhiều phụ nữ là tổng thống, thủ tướng giới. Trước đây nam giới không hoặc ít làm việc nhà; ngày nay, nhiều nam giới làm nội trợ và chăm sóc con cái tốt.

Con người khi sinh ra đã có những đặc điểm về giới tính; những đặc điểm này hầu như không thay đổi trong suốt cuộc đời và cũng không thể hoán đổi giữa nam và nữ. Còn đặc điểm về giới không phải là bất biến mà thay đổi theo thời gian, thay đổi trong các nền văn hoá khác nhau hoặc trong cùng nền văn hoá, tùy thuộc vào trình độ phát triển của kinh tế-xã hội và các yếu tố khác.

## 1.2. Quá trình hình thành các đặc điểm giới

Từ quan niệm và đặc trưng ở trên, chúng ta thấy những khác biệt về giới giữa nam và nữ là do quá trình học hỏi và tiếp nhận từ gia đình, nhà trường và giao tiếp xã hội, chứ không phải sinh ra đã có.



Hình 1. Mô hình xã hội hóa giới

Quá trình xã hội hóa giới diễn ra liên tục, dần dần đã hình thành hai khuôn mẫu về người nam giới và người nữ giới với những chuẩn mực về giá trị và vai trò giới khác nhau trong xã hội. Do vậy, ngay từ khi sinh ra và trong suốt quá trình lớn lên, thông qua sự giáo dục và trải nghiệm xã hội, những cô bé và cậu bé thường phải nhập tâm những quan niệm và học hỏi theo những **khuôn mẫu** mong đợi của xã hội về đặc điểm và vai trò giới của mình.

Ví dụ ở Việt Nam, trong phần lớn các gia đình, con trai thường được mong đợi phải trở thành người trụ cột, ra các quyết định quan trọng trong gia đình; vì thế thường được cha mẹ rèn dạy tính mạnh mẽ, quyết đoán, tự lập; được hướng dẫn làm các “công việc nặng” như cày bừa, thợ mộc, thợ nề, bồng cửi, gánh nước,... Còn con gái thường được mong đợi là người thừa hành, biết lo toan công việc gia đình; vì thế, thường được cha mẹ rèn dạy tính cẩn thận, chịu khó, biết nhẫn nhịn; được hướng dẫn làm các “công việc nhẹ” như nội trợ, may vá, thêu thùa,... Như vậy, quá trình xã hội hóa giới đã khiến trẻ em trai và trẻ em gái luôn luôn phải học hỏi, tự điều chỉnh, uốn nắn và rèn luyện để trở thành “*mẫu hình*”, “*khuôn mẫu*” của người đàn ông và người đàn bà mà xã hội hay cộng đồng đó mong đợi; chứ không phải nam hay nữ khi sinh ra đã có sẵn những tính cách, hay những kỹ năng này.

*Hầu hết những đặc điểm và vai trò mà các em gái và em trai được mong đợi thực hiện đều là những điều do các em học hỏi mà có*





Khuôn mẫu giới là sự khái quát hóa về đặc điểm, tính cách và vai trò của một nhóm người dựa trên giới tính của họ. Các khuôn mẫu có thể là tích cực hoặc tiêu cực nhưng chúng hiếm khi đưa ra thông tin chính xác về người khác<sup>7</sup>. Ví dụ: ở Việt Nam có các khuôn mẫu giới phổ biến như: "con gái thì mềm yếu, hay khóc" còn "con trai thì mạnh mẽ, dũng cảm" hoặc "nam giới làm công an, bộ đội, cơ khí, thợ xây" còn "phụ nữ làm giáo viên, nhân viên bán hàng, nội trợ",....

Khuôn mẫu giới làm hình thành định kiến giới về "nam tính" và "nữ tính"; tạo áp lực về sự lựa chọn môn học, nghề nghiệp hay cách thể hiện sở thích, tiềm năng, cá tính của mỗi cá nhân; dẫn đến cách nhìn sai lệch về giới.



Như vậy, giới xác định ranh giới về những điều nữ giới và nam giới phải là người như

<sup>7</sup> UNESCO, 2012. Hướng dẫn về bình đẳng giới đối với các ấn phẩm của UNESCO.

thể nào và họ nên phải làm gì. Giới đưa ra các quy định, các quy tắc, chuẩn mực, tập tục và thực hành; qua đó, hình thành và quyết định hành vi, các vai trò, những trông đợi và các quyền của phụ nữ và nam giới<sup>8</sup>.

Tóm lại, có thể hiểu *giới chỉ sự khác biệt giữa nam và nữ về vị trí, vai trò, trách nhiệm, quyền lực, giá trị và hành vi ứng xử*. Những sự khác biệt về giới được hình thành qua giáo dục và học hỏi dựa trên quan niệm, niềm tin chủ quan của một nền văn hóa hay tập tục xã hội cụ thể. Sự khác biệt về giới ở những nền văn hóa khác nhau là khác nhau, sự khác biệt này có thể thay đổi theo không gian và thời gian.

Phân biệt sự khác nhau giữa giới tính và giới, giúp chúng ta thấy rõ nguyên nhân của bất bình đẳng về giới là do khác biệt giới tạo nên. Vì thế, chúng ta có thể tác động để thay đổi các đặc điểm và mối quan hệ giới theo chiều hướng tiến bộ và bình đẳng.

### 1.3. Đồng tính, song tính và chuyển giới

Giới tính là dấu hiệu đầu tiên và lâu dài giúp chúng ta phân biệt được nam và nữ, giúp mỗi giới thực hiện chức năng sinh sản. Tuy nhiên, trong xã hội còn có “một số người có thể có đặc tính sinh học của cả hai phái, nam và nữ, bởi sự phức tạp về mặt thể chất của họ”<sup>9</sup>.

Để hiểu rõ hơn về sự khác biệt và phức tạp của đặc tính sinh học, chúng ta cần biết thêm những thông tin sau<sup>10</sup> về cộng đồng người Lesbian (đồng tính nữ), Gay (đồng tính nam), Bisexual (song tính) và Transsexual/Transgender (hoán tính/chuyển giới), viết tắt là LGBT.

– Người đồng tính nữ (Lesbian): Một người mang giới tính nữ có cảm giác hoặc thấy hấp dẫn về giới tính hoặc/và có mối quan hệ tình cảm/ quan hệ tình dục với người phụ nữ khác.

– Người đồng tính nam (Gay): Một người mang giới tính nam có cảm giác hoặc thấy hấp dẫn hoặc/và có mối quan hệ tình cảm/ quan hệ tình dục với người nam giới khác.

– Người song tính (Bisexual): Người có cảm giác thấy hấp dẫn, có tình cảm hoặc/và có quan hệ tình dục với cả nam và nữ.

– Người chuyển giới (Transgender): Thuật ngữ chung dành cho những người có bản dạng giới hoặc thể hiện giới<sup>11</sup> khác với giới tính được phân định cho người đó lúc mới

<sup>8</sup> UNESCO, 2005. Khóa e – leaning. Tài liệu 1 - Các thuật ngữ về giới, trang 1

<sup>9</sup> UNESCO, 2016. Hướng tới môi trường học đường an toàn, bình đẳng và hòa nhập – Báo cáo nghiên cứu bạo lực học đường trên cơ sở giới tại Việt Nam. Xuất bản năm 2016 bởi UNESCO, số 7, Place de Fontenoy, 75352 Paris 07SP, Pháp và Văn phòng UNESCO Hà Nội và Văn phòng UNESCO Băng Cốc. Trang 7,8

<sup>10</sup> UNESCO, 2016. Tài liệu đã dẫn. Trang 7,8

<sup>11</sup> UNESCO, 2016. Tài liệu đã dẫn, trang 7,8. Tìm hiểu thêm thông tin về Bản dạng giới, thể hiện giới và xu hướng tình dục

sinh ra. Bản dạng chuyển giới không phụ thuộc vào các thủ tục y học về xác định giới tính. Ví dụ, một người có giới tính nữ khi mới sinh ra, nhưng sau đó cảm nhận mình là nam (nữ chuyển giới thành nam) và một người có giới tính nam khi mới sinh ra, nhưng sau đó cảm nhận mình là nữ (nam chuyển giới thành nữ).

Cộng đồng người LGBT chiếm khoản 5-7 % dân số có ở mọi lứa tuổi và xu hướng tính dục của họ là hoàn toàn tự nhiên, bình thường; không phải là bệnh tật, không cần phải chữa trị

Hiện nay, cách hiểu được chấp nhận phổ biến nhất, người có xu hướng tính dục hướng tới người cùng giới gọi là *người đồng tính*, hướng tới người khác giới là *người dị tính*, hướng tới cả hai giới là *người song tính*.

#### **1.4. Vận dụng trong quản lý, giáo dục học sinh**

Hiểu đúng về giới tính và giới giúp chúng ta nhận diện được những yếu tố sinh học và xã hội gây ảnh hưởng tới quá trình phát triển các đặc điểm tâm sinh lí cá nhân, năng lực học tập, hoạt động cũng như hướng nghiệp, chọn nghề của nam, nữ học sinh.

Nhận thức đúng về giới và sự đa dạng về bản dạng giới (nam, nữ, LGBT) giúp giáo viên chủ nhiệm hỗ trợ học sinh tiếp cận công bằng tới các cơ hội học tập, lao động, hoạt động, vui chơi, giải trí theo đúng sở thích và năng lực của mình, tránh bị phân vai và đánh giá theo khuôn mẫu giới.

Là người gần gũi và có vai trò quan trọng trong quản lý, giáo dục học sinh, giáo viên chủ nhiệm cần chủ động tạo ra một môi trường giáo dục an toàn và thân thiện, khích lệ học sinh (nam, nữ, LGBT) thực hành đúng đắn về mối quan hệ giới và tự do thể hiện đúng với bản dạng giới của mình.

## **2. VAI TRÒ GIỚI, ĐỊNH KIẾN GIỚI VÀ PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ VỀ GIỚI**

- **Bản dạng giới (Gender identity):** Là cách một cá nhân tự cảm nhận mình là nam, nữ, thuộc cả hai giới, không thuộc giới nào hoặc kết hợp giữa các loại trên; bản dạng giới có thể trùng hoặc không trùng với giới tính được xác định khi sinh. Bản dạng giới thường không được biểu hiện ra bên ngoài cho người khác biết. Những người có bản dạng giới không trùng với giới tính khi sinh ra thường được gọi là **người chuyển giới**. Cách gọi này áp dụng cho cả những người chưa phẫu thuật, hay những người ăn mặc xuyên giới mà không nhận mình là nam hay nữ.

- **Thể hiện giới (Gender Expression):** Là cách một cá nhân thể hiện ra bên ngoài về bản dạng giới, thông qua những hành vi, dáng vẻ, tính cách, ngoại hình “nữ tính”, “nam tính” hay “trung tính” (Nguồn: Lương Thế Huy và Phạm Quỳnh Hương. Có phải bởi vì tôi là LGBT?: Phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới tại Việt Nam, 2015. Viện nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE), trang 28,29)

- **Xu hướng tính dục (Sexual orientation):** Sự hấp dẫn về tình cảm và tình dục đối với một hay nhiều người khác có thể là người khác giới, người cùng giới hoặc người thuộc bản dạng giới khác

## 2.1. Vai trò giới

❖ *Vai trò giới là những hoạt động mà phụ nữ và nam giới được kỳ vọng thực hiện trong gia đình hay cộng đồng*<sup>12</sup>.

Vai trò giới là do xã hội phân công, ví dụ như làm giáo viên, nông dân, lái xe, bác sỹ, y tá, thư ký, bố, mẹ, vợ hoặc chồng.

Người ta thường nhóm các vai trò giới thành 3 loại sau:

– *Vai trò sản xuất* bao gồm các hoạt động nhằm tạo thu nhập, cho sự thịnh vượng và phát triển kinh tế của gia đình và xã hội. Ví dụ: đi cà, đi cấy, gặt lúa, mua bán, kinh doanh, làm công chức, giáo viên,..vv..

– *Vai trò gia đình* bao gồm các hoạt động tạo ra/duy trì nòi giống và chăm sóc, tái tạo sức lao động. Ví dụ: sinh con, nuôi dạy con cái, chăm sóc các thành viên trong gia đình, nội trợ vv...Những công việc này thường không được trả công và chưa được coi trọng trong xã hội ở Việt Nam.

– *Vai trò cộng đồng* bao gồm những hoạt động diễn ra ngoài phạm vi gia đình nhằm đáp ứng nhu cầu của cộng đồng, hoạt động này không mang lại thu nhập cho gia đình. Ví dụ: Họp tổ dân phố, tham gia các tổ chức đoàn thể, tham gia các câu lạc bộ, trao đổi thông tin, tham dự các lễ hội, vv...

Mặc dù cả phụ nữ và nam giới đều thực hiện cả ba vai trò này, nhưng thực tế sự phân công lao động theo giới giữa nam và nữ là không như nhau. Phụ nữ thường được mong đợi làm nhiều vai trò gia đình hơn so với nam giới; vì thế, họ phải thực hiện đồng thời nhiều vai trò như: vừa là người làm công; vừa là người sinh con và chăm sóc con cái, nội trợ và người quản lý trong gia đình. Những vai trò này diễn ra đồng thời và cạnh tranh với nhau gây tổn thất thời gian, sức lực và cơ hội học tập, giải trí của phụ nữ<sup>13</sup>. Ngay cả trong môi trường sản xuất, kinh doanh, nam giới thường là người lãnh đạo và làm chủ yếu các công việc mang tính kỹ thuật, có thu nhập cao, điều kiện làm việc thoải mái, thuận lợi; còn phụ nữ thường là người điều hành, làm chủ yếu các công việc giản đơn, thu nhập thấp, điều kiện làm việc gò bó, khắc khe.

Vì sao có sự phân công các vai trò giới khác nhau giữa nam và nữ? Điều này sẽ dẫn đến hệ lụy gì? Nghiên cứu nội dung tiếp theo về định kiến giới và phân biệt đối xử về giới sẽ giúp chúng ta làm rõ được nguyên nhân của sự khác biệt này.

## 2.2. Định kiến giới và phân biệt đối xử về giới

<sup>12</sup> UNESCO, 2005. Khóa e – leaning. Tài liệu 1 - Các thuật ngữ về giới, trang 3

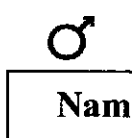
<sup>13</sup> UNESCO, 2015. Hướng dẫn bình đẳng giới trong chính sách và thực tiễn đào tạo giáo viên. Xuất bản năm 2015 bởi UNESCO, số 7, Place de Fontenoy, 75352 Paris 07SP, Pháp. Chuyên đề 1 – Hiểu biết về giới, trang 10,11.

❖ **Định kiến giới** là những nhận thức, thái độ và đánh giá thiên lệch, tiêu cực về đặc điểm, vị trí, vai trò và năng lực của nam hoặc nữ<sup>14</sup>.

Ví dụ: Dưới đây là những định kiến giới đối với nữ và nam<sup>15</sup>:



- + Bị cho là yếu ớt, dễ bị tổn thương và cần được bảo vệ.
- + Được đánh giá cao về sắc đẹp và sự dễ thương.
- + Được mô tả với đặc điểm là có tính phụ thuộc, có năng lực nuôi dưỡng và có tính phục tùng.



- + Được cho là mạnh mẽ và có năng lực.
- + Được đánh giá cao về trí tuệ và thành đạt.
- + Được mô tả với những đặc điểm là có tính độc lập, có năng lực cạnh tranh, ra quyết định; là người nóng nảy, hay gây gổ.

Có hai loại định kiến giới: (1) *định kiến giới* là những đánh giá hay nhận định từ cộng đồng hay người khác đối với vị trí, vai trò và đặc điểm xã hội của phụ nữ hay nam giới, trẻ em trai hay trẻ em gái trong các mối quan hệ xã hội và (2) *tự định kiến giới* là những đánh giá, nhìn nhận của chính bản thân người phụ nữ hay nam giới về vị trí, đặc điểm, vai trò xã hội của bản thân họ với tư cách là phụ nữ hay nam giới<sup>16</sup>.

Định kiến giới thường phản ánh không khách quan, không công bằng, hoặc không đúng về đặc điểm và năng lực của mỗi giới. Thực tế, chúng ta thấy cả nam và nữ đều có thể làm lãnh đạo, nấu ăn giỏi, nội trợ và chăm sóc gia đình tốt; cả nam và nữ đều có thể khéo và khỏe.

❖ **Phân biệt đối xử về giới** là việc hạn chế, loại trừ, không công nhận hoặc không coi trọng vai trò, vị trí của nam và nữ, gây bất bình đẳng giữa nam và nữ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình<sup>17</sup>.

Ví dụ: Học sinh nữ thích chơi bóng đá nhưng có thể không được cha mẹ hoặc thầy cô khuyến khích. Nhiều doanh nghiệp kinh doanh thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ cao chỉ tuyển nam mà ít khi hoặc không tuyển nữ; ngược lại, nam có thể không được ưu tiên bằng nữ khi tuyển dụng vào những vị trí như thư kí, kế toán, giáo viên mầm non,... mặc dù họ có thể làm rất tốt các công việc này.

Phân biệt đối xử về giới diễn ra hàng ngày, từ cấp độ gia đình, nhà trường đến cộng đồng, xã hội. Nó hạn chế hoặc tước đoạt cơ hội tham gia, hưởng lợi và phát triển bản thân của một người, một nhóm người hoặc của nhiều người; trong đó, phụ nữ và trẻ em gái là nhóm đối tượng có nguy cơ cao nhất.

<sup>14</sup> Luật Bình đẳng giới, 2006. Điều 5, Khoản 4.

<sup>15</sup> UNESCO, 2005. Khóa e – leaning. Tài liệu 1 - Các thuật ngữ về giới, trang 6.

<sup>16</sup> OXFAM – Lê Văn Sơn, 2014. Tài liệu “Tập huấn xây dựng bảng kiểm lồng ghép giới trong các hoạt động nhà trường”, trang 3.

<sup>17</sup> Luật Bình đẳng giới, 2006. Điều 5, Khoản 5.

Ngoài ra, cộng đồng đa dạng giới như những người đồng tính, song tính, chuyển giới (LGBT), thì sự phân biệt, kỳ thị cũng được tìm thấy trong nhiều nghiên cứu khi họ không thuộc về nhóm đa số và không tuân theo các chuẩn mực, khuôn mẫu về giới.

Vậy định kiến giới và phân biệt đối xử về giới tạo ra hệ lụy như thế nào đối với xã hội?

### **2.3. Hệ quả của định kiến giới và phân biệt đối xử về giới**

Những khuôn mẫu/chuẩn mực giới cứng nhắc mà xã hội gán cho mỗi giới đã tạo ra định kiến giới và dẫn đến sự phân biệt đối xử về giới. Phổ biến ở mọi nền văn hóa là nam giới có quyền lực cao hơn; nữ giới thường bị nhìn nhận thấp hơn nam giới về vị thế, vai trò, giá trị và năng lực nghề nghiệp.

Chúng ta có thể thấy rõ tác động của định kiến giới và phân biệt đối xử về giới qua những con số thống kê. Ví dụ: Trong lĩnh vực đào tạo, nam giới có học hàm, học vị chiếm tỷ lệ cao hơn gấp nhiều lần so với nữ giới. Trong lĩnh vực lao động, việc làm, theo báo cáo của Tổng cục thống kê về Điều tra lao động việc làm Việt Nam năm 2013 cho thấy phụ nữ tham gia thị trường lao động chính thức thấp hơn nam giới; họ thường làm việc trong khu vực phi chính thức, với việc làm bấp bênh, thu nhập thấp, dễ bị thất nghiệp. Thêm vào đó, vì lí do giới tính, phụ nữ có nguy cơ gặp nhiều rào cản hơn nam giới khi tham gia thị trường lao động chính thức. Ví dụ: phụ nữ có thể bị từ chối tuyển dụng vì lí do kết hôn, bị chấm dứt hợp đồng lao động khi mang thai, cắt tiền thưởng do sinh con hoặc nghỉ chăm con ốm,...

Về quỹ thời gian, phụ nữ thường làm nhiều cả ba vai trò giới như đã đề cập ở phần trên. Các vai trò giới diễn ra đồng thời, gây áp lực về thời gian, tiêu hao nhiều sức lực, giảm đi nhiều cơ hội giải trí, học tập nâng cao kỹ năng và chuyên môn của phụ nữ. Điều này khiến phụ nữ ít có cơ hội thăng tiến trong nghề nghiệp hay tham gia chính trị. Cho nên, sự chênh lệch khá cao trong tỉ lệ nam, nữ làm công tác lãnh đạo, quản lý; đã gây ảnh hưởng tới chất lượng và hiệu quả của các quyết định được đưa ra.

Định kiến giới đã “đóng khung” người phụ nữ/trẻ em gái và nam giới/trẻ em trai theo những “khuôn mẫu cứng nhắc” mà cộng đồng, xã hội mong muốn, khiến cho phụ nữ và nam giới không có sự chia sẻ với nhau hoặc không phát huy hết khả năng thực chất của họ<sup>18</sup>.

Mặc dù, cả nữ và nam đều bị định kiến giới và phân biệt đối xử về giới. Tuy nhiên, phụ nữ/trẻ em gái thường bị bất lợi nhiều hơn so với nam giới/trẻ em trai. Thực tế hiện nay, bất bình đẳng giới đang tồn tại và diễn ra trên phạm vi toàn cầu; vẫn chưa có một nơi nào trên thế giới, phụ nữ được bình đẳng với nam giới cả về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và pháp luật.

<sup>18</sup> Quỹ Hỗ trợ sáng kiến tư pháp, 2015. Hướng dẫn Lồng ghép giới, trang 9.

Bất bình đẳng giới có nguyên nhân sâu xa từ định kiến giới, là kết quả của việc đối xử với con người không công bằng dựa trên giới tính của họ, hoặc nhóm người mà họ thuộc về. Do vậy, cần phá bỏ định kiến giới/khuôn mẫu giới và bất bình đẳng giới, có nghĩa là tất cả mọi người đều có quyền được tôn trọng và có giá trị như nhau; đều có quyền được học tập, vui chơi, tham gia các hoạt động và làm những công việc phù hợp theo sở thích và năng lực của mình.



#### **2.4. Vận dụng trong quản lý, giáo dục học sinh**

Cách nghĩ rập khuôn về giới trong mỗi chúng ta dẫn đến định kiến giới có thể cản trở cơ hội và sự phát triển của nam, nữ học sinh. Ví dụ: một học sinh nữ có thể "rất mạnh mẽ", em có sở trường về máy móc, kỹ thuật; một học sinh nam có thể "rất dễ mềm lòng", em yêu thích văn học, nghệ thuật,... nhưng với định kiến rằng "nam phù hợp hơn với các ngành/nghề kỹ thuật", còn "nữ phù hợp hơn với ngành/nghề văn hóa, xã hội",... khiến cho những cá tính, sở trường nêu trên của các em có thể không được thầy cô/cha mẹ phát hiện hay ủng hộ và tạo điều kiện cho các em trong học tập, rèn luyện và trải nghiệm theo năng lực, sở trường; do đó, có thể ảnh hưởng đến cơ hội phát triển bản thân và nghề nghiệp, việc làm của các em sau này.

Hàng ngày, trong công tác quản lý và giáo dục học sinh, chúng ta thường rất dễ có định kiến giới và phân biệt đối xử với nam, nữ học sinh; nhưng có thể chúng ta không nhận ra hoặc không cho đó là vấn đề bất bình đẳng giới gây bất lợi cho sự phát triển của học sinh. Ví dụ: định kiến rằng con trai học giỏi toán, kỹ thuật hơn con gái, có thể dẫn đến giáo viên không chú ý khích lệ học sinh nữ đam mê khám phá công nghệ, kỹ thuật hoặc không tuyển chọn các em nữ vào đội tuyển học sinh giỏi toán, kỹ thuật,....

Hậu quả của những định kiến giới và phân biệt đối xử về giới thường gây tác động tiêu cực cho học sinh (nam, nữ, LGBT) và cả nhà trường, gia đình, xã hội. Vì nó khiến cho một số học sinh (nam, nữ, LGBT) đã không dám bộc lộ bản dạng giới, tính cách hay khả năng thiên bẩm của mình nếu nó trái với quan niệm rập khuôn về mỗi giới ở cộng đồng mà các em đang học tập và sinh sống. Điều này, có thể làm cho một số học sinh nữ hoặc nam có nhu cầu hoặc sở thích, khả năng khác với mong đợi của gia đình và xã hội sẽ rất khó khăn trong tự nhận thức bản thân hoặc sẽ rất bối rối trong việc lựa chọn xu hướng phát triển và tự thể hiện bản dạng giới, sở trường, năng lực của bản thân.

Ví dụ: Hoàng là một học sinh nam, có khả năng viết lách, sáng tạo và rất mê văn học. Em thích theo ngành sư phạm môn văn, nhưng do ở cộng đồng nơi em đang sống mọi người còn cho rằng nghề giáo viên (nhất là giáo viên dạy môn văn) phù hợp với nữ hơn, còn con trai nên chọn các ngành kỹ thuật sẽ dễ kiếm việc làm hơn, vì thế gia đình Hoàng đã định hướng cho em theo học ngành xây dựng. Hoàng thấy thiếu động lực để học tốt, em rất chán nản chỉ cố gắng học để có bằng tốt nghiệp đại học và làm vừa lòng bố mẹ. Kết thúc 4 năm đại học, Hoàng cũng tìm được việc làm với ngành đã học trong một công ty xây dựng, nhưng thu nhập không cao vì Hoàng không đam mê, thấy thiếu động lực để hoàn thành xuất sắc công việc được giao<sup>19</sup>.

Như vậy, chính những mong đợi rập khuôn về “nam tính” và “nữ tính”, sự kì vọng của gia đình và xã hội về vai trò, trách nhiệm, năng lực, địa vị xã hội,... khác nhau giữa nam và nữ là nguyên nhân dẫn tới sự bất bình đẳng giới, chứ không phải do sự khác biệt về giới tính.

Do vậy, trong quá trình quản lý, giáo dục học sinh, GVCN cần phải hiểu và tôn trọng sự đa dạng về bản dạng giới; nhận diện được các định kiến và sự phân biệt đối xử về giới trong cuộc sống và trong giáo dục, để tích cực xóa bỏ định kiến giới, thay đổi cách đối xử bình đẳng với bé trai, bé gái, nam và nữ. GVCN không những phải chú ý đến đặc điểm giới tính của học sinh; mà còn phải luôn luôn khích lệ các em sống đúng với chính mình, tạo điều kiện để các em được tự do thể hiện bản dạng giới của mình; tích cực hỗ trợ từng cá nhân học sinh (nam, nữ, LGBT) học tập, hoạt động và rèn luyện theo sở thích phù hợp với năng lực, sở trường của mình; nhằm giúp các em phát huy tối đa tiềm năng của bản thân, mà không bị cản trở bởi các khuôn mẫu giới, định kiến giới hay sự phân biệt đối xử về giới.

### **3. CÂN BẰNG GIỚI, CÔNG BẰNG GIỚI VÀ BÌNH ĐẲNG GIỚI**

#### **3.1. Các khái niệm**

❖ *Cân bằng giới là một khái niệm định lượng liên quan đến bình đẳng giới. Cân bằng giới thể hiện sự bình đẳng tương đối về số lượng, tỷ lệ phụ nữ và nam giới, trẻ em*

<sup>19</sup> Bộ GD&ĐT, 2015. Dựa theo Hướng dẫn LGG trong công tác hướng nghiệp cho học sinh phổ thông, trang 19



gái và trẻ em trai và thường được tính bằng tỷ lệ nữ so với nam cho một chỉ số<sup>20</sup> nhất định.

Ví dụ: Tỷ lệ nữ so với nam trong số học sinh tốt nghiệp PTTH, tỷ lệ giáo viên nữ so với giáo viên nam ở các môn khoa học tự nhiên và xã hội, tỷ lệ nữ so với nam ở các vị trí quản lý của nhà trường,...v.v.

Cân bằng giới chỉ sự cân bằng về định lượng giữa nam và nữ, là điều kiện cần để tiến tới bình đẳng giới. Ví dụ: cần có sự cân bằng số lượng học sinh nữ theo học các môn khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán (STEM) so với học sinh nam.

❖ **Công bằng giới** là sự đối xử công bằng đối với nam và nữ. Để đảm bảo sự công bằng cần phải áp dụng các biện pháp nhằm bù đắp hoặc khắc phục những yếu tố bất lợi ngăn cản vị thế bình đẳng của nam và nữ<sup>21</sup>.

Công bằng giới là phương thức (cách làm, biện pháp cụ thể) cung cấp cho tất cả mọi người các cơ hội và lợi ích như nhau. Ví dụ: cải thiện các phương tiện và điều kiện học tập, nhằm khuyến khích nữ học sinh lựa chọn các môn học trong lĩnh vực STEM để theo đuổi đam mê và phát huy được khả năng của mình mà không bị định kiến là con gái thì không thể học giỏi và học các ngành này là khô khan, không nữ tính.

❖ **Bình đẳng giới** là việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện, cơ hội nhằm phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó<sup>22</sup>.

Bình đẳng giới không phải là việc phủ nhận những khác biệt giữa nữ và nam, cũng không phải là việc làm cho nữ và nam giống hệt nhau. Bình đẳng giới liên quan đến việc đem lại những cơ hội như nhau và điều kiện phù hợp cho cả nữ lẫn nam<sup>23</sup>.

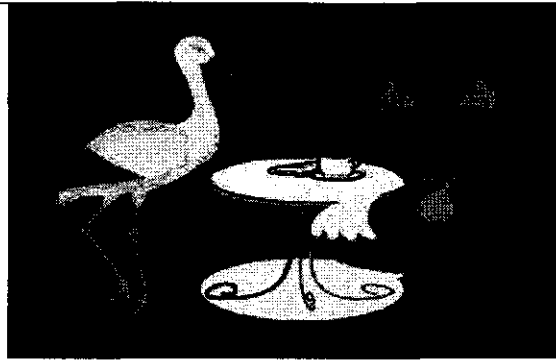
Câu chuyện ngụ ngôn về cò và cáo dưới đây sẽ minh họa về cơ hội như nhau và điều kiện phù hợp để đạt được bình đẳng giới thực chất

<sup>20</sup> Báo cáo giám sát toàn cầu về Giáo dục cho mọi người đưa ra “Chỉ số cân bằng giới (GPI) là tỉ số giá trị của nam - nữ của một chỉ số. Chỉ số thể hiện sự cân bằng giới có giá trị trong khoảng từ 0.97 đến 1.03. Nguồn: UNESCO. Hướng dẫn bình đẳng giới trong chính sách và thực tiễn đào tạo giáo viên. Xuất bản năm 2015 bởi UNESCO, số 7, Place de Fontenoy, 75352 Paris 07SP, Pháp. Chuyên đề 1 - Hiểu biết về giới, trang 10

<sup>21</sup> UNESCO Băng Cốc – Mạng lưới về Giới trong Giáo dục khu vực Châu Á – Thái Bình Dương. Bộ công cụ thúc đẩy bình đẳng giới trong giáo dục, trang 6

<sup>22</sup> Luật Bình đẳng giới, 2006. Điều 5, Khoản 3

<sup>23</sup> UNESCO 2005. Khóa e-learning. Tài liệu 1 - Các thuật ngữ về giới, trang 13



### Câu chuyện về Cáo và Cò

#### Đối xử công bằng không có nghĩa là đối xử như nhau

Cáo mời Cò đến nhà mình ăn tối. Nhưng anh chàng lại bày thức ăn vào một cái đĩa to nông choleh. Vì Cò chỉ có cái mỏ dài và hẹp, nên Cò chẳng ăn được gì.

Hôm sau, Cò cũng mời Cáo đến nhà ăn tối. Và để trả đũa bạn, Cô nàng cũng để thức ăn vào trong một cái bình hẹp và sâu, nên Cáo cũng không sao ăn được bởi khuôn mặt ngắn và to ngang của mình.

Như vậy, trong cả hai tình huống này mặc dù cả Cò và Cáo đều đã có cùng một cơ hội được ăn như nhau, nhưng ở mỗi tình huống đã có một người trong họ không thể tận dụng được cơ hội này vì cấu tạo cơ thể họ không phù hợp với dụng cụ đựng thức ăn.

Thách thức trong mỗi trường hợp này là nhận diện được những rào cản đối với Cò và Cáo khi cơ hội có thực đến với chúng, để xây dựng hay điều chỉnh những biện pháp can thiệp phù hợp với đặc điểm của chúng – Chính những biện pháp đó (ví dụ dụng cụ ăn phù hợp) sẽ dẫn đến chúng được hưởng lợi bình đẳng về kết quả.

*Nguồn: UNESCO, 2005. Khóa e-learning. Tài liệu 1 - Các thuật ngữ về giới*

Bình đẳng giới trong giáo dục là việc đảm bảo nam và nữ được đối xử công bằng, cùng bình đẳng tiếp cận các cơ hội học tập và hưởng lợi từ quá trình giáo dục. Cả nam và nữ được trao quyền và được phát huy tối đa tiềm năng bản thân để đóng góp cũng như hưởng lợi từ sự phát triển kinh tế, chính trị, văn hoá và xã hội một cách bình đẳng. Tiến hành các hành động/các biện pháp nhằm xoá bỏ những rào cản về mặt văn hoá và lịch sử ngăn cản nam, nữ người học bình đẳng tiếp cận và được hưởng lợi từ quá trình giáo dục<sup>24</sup>.

### 3.2. Mối quan hệ giữa cân bằng giới, công bằng giới và bình đẳng giới

Cân bằng giới, công bằng giới và bình đẳng giới có mối quan hệ với nhau. Bình đẳng giới là mục đích cần phải đạt được, còn cân bằng giới và công bằng giới là cách thức hay biện pháp cần thiết phải thực hiện để đạt được mục đích bình đẳng giới.

<sup>24</sup> UNESCO, 2015. Hướng dẫn bình đẳng giới trong chính sách và thực tiễn đào tạo giáo viên. Xuất bản năm 2015 bởi UNESCO, số 7, Place de Fontenoy, 75352 Paris 07SP, Pháp. Chuyên đề 1 – Hiểu biết về giới, trang 9

Để hiểu rõ hơn mối quan hệ này, chúng ta xem xét hình ảnh dưới đây cho thấy cả ba đứa trẻ này đều có cơ hội được đến sân vận động xem bóng đá, nhưng vì độ tuổi và chiều cao khác nhau, cho nên nếu hai đứa bé (hình bên trái) không được kê thêm ghế thì kết quả là chúng sẽ không xem được trận bóng đá như đứa lớn. Để giúp cả ba đứa trẻ này đều có thể xem được trận bóng đá, thì cần kê thêm ghế cho hai em thấp hơn, tuy nhiên không phải kê thêm số ghế giống nhau, mà tùy theo chiều cao của từng em để kê thêm số ghế phù hợp (như hình bên phải); đó chính là sự đối xử công bằng để đạt được kết quả bình đẳng thực chất.



Cân bằng giới là một chỉ số rất hữu ích về bình đẳng giới, tuy nhiên nếu chỉ chú trọng đến chỉ số cân bằng giới thì chưa đạt được bình đẳng giới. Mà phải thực hiện công bằng giới như một chiến lược để đạt được bình đẳng giới. Trong tiến trình đó, cần có các biện pháp can thiệp cụ thể nhằm bù đắp những bất lợi về mặt sinh học và rào cản về mặt văn hóa, xã hội đối với nam hoặc nữ đã ngăn cản họ đạt được bình đẳng giới thực chất. Những biện pháp này phải là những hành động tích cực và kiên quyết, trong nhiều trường hợp có thể đòi hỏi cần có sự đối xử khác nhau với nam và nữ nhằm đảm bảo sự bình đẳng<sup>25</sup>.

Như vậy, bình đẳng giới là kết quả của những nỗ lực cải thiện về sự hiện diện tham gia và chất lượng tham gia của mỗi giới trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Có nghĩa là bình đẳng giới thể hiện ở các khía cạnh:

- *Bình đẳng về quyền và vị thế trong gia đình và xã hội* - Nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau. Đây vừa là nguyên tắc cơ bản về quyền bình đẳng, vừa là mục tiêu chúng ta

<sup>25</sup> UNESCO, 2105. Hướng dẫn bình đẳng giới trong chính sách và thực tiễn đào tạo giáo viên. Xuất bản năm 2015 bởi UNESCO, số 7, Place de Fontenoy, 75352 Paris 07SP, Pháp. Chuyên đề 1 – Hiểu biết về giới, trang 9.

*phải nỗ lực phấn đấu mới đạt được*

- *Bình đẳng về cơ hội và đối xử* - Nam, nữ được tạo cơ hội như nhau và điều kiện phù hợp để họ có thể phát huy tối đa năng lực của mình. *Đây là cơ sở nền tảng để tăng quyền năng cho mỗi giới.*

- *Bình đẳng về lợi ích* - Nam, nữ được hưởng lợi như nhau từ những thành quả của sự phát triển. *Đây là thước đo kết quả đầu ra của bình đẳng giới, đảm bảo sự công bằng xã hội.*

Mục tiêu của bình đẳng giới là: (1) xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử trên cơ sở giới; (2) ghi nhận sự khác biệt và tạo điều kiện như nhau cho nam và nữ phát huy tối đa khả năng của mình và (3) thiết lập, củng cố quan hệ hợp tác, hỗ trợ giữa nam, nữ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình”<sup>26</sup>.

### **3.3. Vận dụng trong quản lý, giáo dục học sinh**

Để có được bình đẳng giới thực chất thì giáo viên chủ nhiệm/nhà trường cần phải tạo ra hoặc đem lại các điều kiện, giải pháp phù hợp nhằm khóa lấp những hạn chế, rào cản do đặc điểm giới và giới tính, đem lại cho tất cả mọi người cơ hội trong tiếp cận và hưởng lợi nền giáo dục có chất lượng một cách bình đẳng.

Ví dụ, để xây dựng một lớp học thân thiện về giới; trong quản lý, giáo dục học sinh, giáo viên chủ nhiệm cần đảm bảo:

- Khi tổ chức bất kỳ một hoạt động giáo dục nào liên quan đến học sinh, cần đảm bảo tỷ lệ tham gia hợp lý giữa nam và nữ.

- Thừa nhận sự khác biệt và tôn trọng sự đa dạng về bản dạng giới của học sinh. Đối xử và đánh giá công bằng với học sinh, không phân biệt dựa trên bản dạng giới, học lực, cá tính, tình trạng sức khỏe thể chất, tinh thần và hoàn cảnh gia đình của các em.

- Chú trọng xây dựng mối quan hệ thân thiện, lành mạnh giữa giáo viên với học sinh và giữa các nhóm học sinh (nam, nữ, LGBT) với nhau.

- Khích lệ và trợ giúp cá nhân học sinh tự nhận biết và được tự do thể hiện bản dạng giới của mình, đồng thời tôn trọng sự lựa chọn bản dạng giới của người khác.

- Khuyến khích cả HS nam và nữ tương tác tích cực với nhau trong học tập, hoạt động và vui chơi giải trí; tạo môi trường tự do, bình đẳng để nam, nữ học sinh có thể hợp tác, chia sẻ và tự do lựa chọn các môn học, hoạt động ngoại khóa và hướng nghiệp theo đúng năng lực, sở trường của mình.

- Tạo điều kiện cho nam, nữ học sinh thể hiện năng lực và cá tính của bản thân trong học tập, lao động, vui chơi giải trí hay hoạt động xã hội như mình mong muốn với những

<sup>26</sup> Dựa theo Luật Bình đẳng giới, 2006. Điều 4

hình mẫu tích cực của cả nam và nữ; tiến tới xóa bỏ những khuôn mẫu giới rập khuôn về đặc điểm và vai trò đối với mỗi giới;

#### 4. NHẠY CẢM GIỚI, TRÁCH NHIỆM GIỚI VÀ LÒNG GHÉP GIỚI

##### 4.1. Các khái niệm

❖ *Nhạy cảm giới là khả năng nhận biết được những khác biệt giới, vấn đề giới và bất bình đẳng giới hiện có, kết hợp chúng vào các chiến lược và hành động<sup>27</sup>.*

Ví dụ: Nhận ra tỷ lệ % số học sinh nam ít hơn so với học sinh nữ trong đội tuyển học sinh giỏi Văn và chỉ ra được nguyên nhân vì sao có tình trạng này. Tỷ lệ % giáo viên nữ so với giáo viên nam dạy nghề kỹ thuật, tỷ lệ % giáo viên nữ so với giáo viên nam dạy bậc học mầm non,....và nguyên nhân của những sự khác biệt, chênh lệch này?

❖ *Trách nhiệm giới chỉ những hành động thực tiễn của cá nhân hoặc tổ chức để giải quyết các vấn đề giới, nhằm cải thiện hoặc loại trừ tình trạng bất bình đẳng giới.*

Ví dụ: Nhìn vào hình ảnh hoạt động tư vấn hướng nghiệp cho học sinh ở trường THCS Quỳnh Giang (Quỳnh Lưu, Nghệ An) dưới đây, nếu giáo viên tư vấn có trách nhiệm giới sẽ nhận ra:

- Có rất ít học sinh nữ tham gia nhóm tư vấn khối các nghề kỹ thuật, ngược lại, khối các nghề xã hội không có học sinh nam tham gia – Liệu có vấn đề giới ở đây?



- Giáo viên tư vấn sẽ chủ động tìm hiểu nguyên nhân của vấn đề giới đó (Do tác động từ cha mẹ, do quan niệm xã hội, do tuyển dụng lao động, do bản thân e ngại, không tự tin,...)
- Hành động ngay lập tức (báo cáo với BGH, lên kế hoạch tư vấn hướng nghiệp cho học sinh theo năng lực sở trường, cung cấp thông tin về ngành nghề có nhạy cảm giới; phối hợp với cha mẹ và các lực lượng giáo dục khác trong và ngoài nhà

<sup>27</sup> UNESCO, 2009. Bộ công cụ thúc đẩy bình đẳng giới trong giáo dục – GENIA Toolkit, trang 26.

<sup>28</sup> VVOB Việt Nam, 2013. Hoạt động tư vấn hướng nghiệp ở trường THCS Quỳnh Giang, Quỳnh Lưu, Nghệ An

trường tổ chức truyền thông, hội thảo, diễn đàn hướng nghiệp có nhạy cảm giới,... hướng dẫn hỗ trợ nam, nữ học sinh chọn nghề/ngành học theo sở thích, năng lực, cá tính và giá trị nghề nghiệp của bản thân, chứ không theo khuôn mẫu giới về nghề nghiệp....).

Nếu làm được như vậy là chúng ta đã có nhạy cảm giới và trách nhiệm giới.

Một cá nhân và tổ chức có trách nhiệm giới là bao gồm việc xác định có *vấn đề giới*, hiểu nguyên nhân của *vấn đề giới* đó và *chuyển biến hành động thành các chính sách, chương trình, hay biện pháp, hoạt động* nhằm cải thiện mối quan hệ giới và giảm thiểu bất bình đẳng giới đem lại lợi ích cho một hoặc cả hai giới.

❖ *Lồng ghép giới* “là một chiến lược nhằm đưa những mối quan tâm và kinh nghiệm của phụ nữ và nam giới vào quá trình thiết kế, thực hiện, giám sát và đánh giá các chính sách, chương trình như là một phần không thể thiếu của các chính sách, chương trình đó... để phụ nữ và nam giới cùng được thụ hưởng một cách bình đẳng và để tình trạng bất bình đẳng không còn bị kéo dài dai dẳng. Mục đích cuối cùng của lồng ghép giới chính là bình đẳng giới”<sup>29</sup>.

Nhạy cảm giới và trách nhiệm giới là hai cấp độ của lồng ghép giới. Như vậy, lồng ghép giới là công cụ hữu hiệu để giải quyết các vấn đề dưới góc độ giới ở tất cả cấp độ, các lĩnh vực hay khía cạnh hoạt động khác nhau; nhằm xác định những vấn đề giới hay tình trạng bất bình đẳng giữa phụ nữ và nam giới, giữa trẻ em trai và trẻ em gái trong một lĩnh vực can thiệp cụ thể; nhằm làm rõ nguyên nhân gây bất bình đẳng giới; từ đó đưa ra các biện pháp can thiệp cụ thể để giải quyết những vấn đề bất bình đẳng giới đó một cách hệ thống, nhất quán và xuyên suốt<sup>30</sup>.

Mục đích của lồng ghép giới là làm thay đổi tư duy, thái độ và cách thức hành động của cá nhân và tổ chức trên quan điểm bình đẳng giới; đảm bảo nam, nữ được đối xử bình đẳng; được tạo cơ hội và điều kiện phù hợp để phát triển đầy đủ năng lực của bản thân và đóng góp hiệu quả cho sự phát triển bền vững của gia đình, tổ chức và xã hội. Như vậy, lồng ghép giới vừa là biện pháp, vừa là phương tiện giúp đạt được mục tiêu bình đẳng giới.

#### **4.2. Vận dụng trong quản lý, giáo dục học sinh**

Xây dựng môi trường lớp học/trường học thân thiện, an toàn, bình đẳng là một trong các yếu tố cơ bản đáp ứng các quyền con người cơ bản của học sinh; giúp học sinh mỗi ngày đến trường đều được vui vẻ, được tôn trọng và cảm thấy hạnh phúc, an toàn trong môi trường học đường.

<sup>29</sup> UNFPA, 2007. “Thực hiện trên lời hứa bình đẳng”, Khung chiến lược về LGG và trao quyền cho phụ nữ của UNFPA 2008-2011. (Dựa theo định nghĩa của Hội đồng Kinh tế và Xã hội của Liên Hợp quốc (ECOSOC) E/1997/L.3014, tháng 7/1997)

<sup>30</sup> Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, 2014. Hướng dẫn thực hành quy trình lồng ghép giới bền vững, trang 22

Để làm được điều đó, nhà trường, đội ngũ cán bộ giáo viên, đặc biệt là giáo viên chủ nhiệm phải thực hành lồng ghép giới trong công việc hàng ngày của mình; coi việc lồng ghép giới vừa là biện pháp, vừa là phương tiện hữu hiệu để xây dựng lớp học/trường học thân thiện, an toàn và bình đẳng.

Lồng ghép giới trong quản lý, giáo dục học sinh đòi hỏi giáo viên chủ nhiệm phải có nhạy cảm và trách nhiệm giới và phải luôn xem xét các mối tương quan về giới trong công việc/hoạt động giáo dục hàng ngày của mình (giao tiếp với đồng nghiệp và học sinh, giảng dạy chuyên môn, thực hiện các biện pháp quản lý, giáo dục học sinh; tổ chức các hoạt động học tập, vui chơi, văn hóa văn nghệ, thể dục, thể thao,...cho học sinh) để:

- (i) Nhận diện được các vấn đề giới/bất bình đẳng giới;
- (ii) Phân tích và đánh giá được các nguyên nhân và tác động tiêu cực của vấn đề giới/bất bình đẳng giới đó tới sự tham gia và chất lượng tham gia của mỗi học sinh trong lớp mình chủ nhiệm;
- (iii) Đưa ra được các biện pháp can thiệp (biện pháp, hoạt động, dịch vụ cụ thể) để giải quyết vấn đề giới/bất bình đẳng giới đó một cách hiệu quả nhất; trên cơ sở thừa nhận và tôn trọng những điểm tương đồng và khác biệt giữa nam và nữ, cũng như nhóm học sinh có bản dạng giới khác.

Bất bình đẳng giới và bạo lực giới diễn ra phổ biến trong trường học, ở mọi cấp học/lớp học. Vì thế, bình đẳng giới chỉ đạt được kết quả khi lồng ghép giới được coi là một nguyên tắc xuyên suốt và phải được thực hiện liên tục, nhất quán trong môi trường giáo dục của nhà trường ở tất cả các cấp độ cá nhân (giáo viên chủ nhiệm, học sinh, giáo viên bộ môn, nhân viên, cán bộ lãnh đạo, phụ huynh) và cấp độ tổ chức (lớp học, tổ bộ môn, hội đồng giáo viên, ban giám hiệu, Đoàn – Đội, Hội phụ huynh,...). Có như vậy, mới từng bước giải quyết được triệt để những nguyên nhân gây nên tình trạng bất bình đẳng và tiến tới đạt được bình đẳng giới thực chất trong phạm vi lớp học, trường học và toàn xã hội.

### C. THÔNG ĐIỆP/KẾT LUẬN PHẦN I

- ◎ Nam và nữ có hai sự khác biệt cơ bản, đó là sự khác biệt về giới tính khác biệt về giới. Khác biệt về giới rất đa dạng và phức tạp, nó chính là nhân tố gây ra bất bình đẳng giới.
- ◎ Định kiến giới đã “đóng khung” phụ nữ/trẻ em gái và nam giới/trẻ em trai theo những “chuẩn mực” mà cộng đồng, xã hội mong muốn, khiến cho nữ giới và nam giới không có sự chia sẻ với nhau hoặc không phát huy hết khả năng thực chất của họ.
- ◎ Thừa nhận sự khác biệt và tôn trọng sự đa dạng về bản dạng giới là yếu tố rất quan trọng và cần thiết để thực hiện các quyền con người của mỗi cá nhân, nhằm phát huy tối đa tiềm năng của họ.
- ◎ Chìa khóa thành công trong thực hiện bình đẳng giới là nhận biết được nhu cầu khác nhau của mỗi học sinh (nam, nữ, LGBT) để có những quyết sách và biện pháp phù hợp. Nhờ đó, mỗi học sinh đều có cơ hội như nhau và điều kiện phù hợp để tiếp cận công bằng các nguồn lực và dịch vụ giáo dục; được tham gia và thụ hưởng bình đẳng các thành quả giáo dục của nhà trường.
- ◎ Lòng ghép giới là biện pháp hữu hiệu nhất để đạt được bình đẳng giới thực chất. Theo đó, mỗi cá nhân, tổ chức và các đơn vị trong nhà trường phải tích cực thực hiện lòng ghép giới trong công việc hàng ngày của mình để góp phần đạt được các mục tiêu bình đẳng giới; vì sự phát triển bền vững của nhà trường và xã hội.



#### D. BÀI TẬP/CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

**Câu 1.** Những đặc điểm/nhận định nào sau đây liên quan đến khái niệm giới tính hoặc giới? (hãy đánh dấu x vào các cột tương ứng)

TT	Các đặc điểm/nhận định	Giới tính (GT)	Giới (G)
1	Nam giới có nội tiết tố testosterone, có tinh trùng		
2	Trẻ em trai thường được hướng dẫn không chọn đồ chơi là búp bê		
3	Đến tuổi dậy thì, con gái thường có kinh nguyệt, con trai thường vỡ giọng (trầm giọng)		
4	Hầu hết hiệu trưởng trường PTHH là nam giới		
5	Phụ nữ có nội tiết tố estrogen, nhưng không có râu		
6	Có những trẻ em trai và nam giới có xu hướng thích đá bóng, có những trẻ em gái và phụ nữ thích nhảy dây		
7	Nhiều trẻ em gái và phụ nữ có xu hướng dịu dàng và rụt rè		
8	Hầu hết phi công đều là nam giới. Phần lớn y tá, điều dưỡng viên là nữ		
9	Đàn ông có thể làm phụ nữ mang thai		
10	Đàn ông có thể cho con bú bình, phụ nữ có thể làm phi công		

**Câu 2.** Giới là nói đến sự khác biệt về mặt xã hội giữa con người. Giới cố định, mang đặc trưng riêng biệt của từng vùng miền và không thay đổi theo thời gian. **Đúng hay sai?**

A. Đúng

B. Sai

**Câu 3.** Theo bạn, phương án nào dưới đây thể hiện thái độ ĐÚNG đối với người đồng tính, song tính và chuyển giới? (Lựa chọn những phương án mà bạn cho là đúng)

A. Xa lánh những người LGBT vì sợ lây bệnh

B. Tôn trọng sự đa dạng về giới, sẵn sàng giúp đỡ, hỗ trợ những người LGBT

C. Cấm con cháu chơi với những người LGBT, vì có thể họ khiến chúng học theo

D. Bày tỏ sự không đồng tình với những người có hành vi phân biệt đối xử với người LGBT

E. Tích cực truyền thông để người khác hiểu đúng về cộng đồng người LGBT

**Câu 4.** *Bạn hãy sắp xếp các câu sau đây vào ba cột tương ứng để chỉ ra mối quan hệ giữa định kiến giới, phân biệt đối xử về giới và bất bình đẳng giới:*

1. Một số ngành kỹ thuật ít hoặc không tuyển nữ
2. Nam có khả năng học toán, kỹ thuật tốt hơn nữ
3. Phụ nữ ít có cơ hội tiếp cận việc làm, mang tính kỹ thuật, công nghệ cao, nên thu nhập thấp

Định kiến giới	Phân biệt đối xử về giới	Bất bình đẳng giới

**Câu 5.** *Những quan điểm/nhận định nào dưới đây là định kiến giới hoặc phân biệt đối xử về giới? (Hãy đánh dấu x vào các cột tương ứng)*

TT	Các quan điểm/nhận định	Định kiến giới	Phân biệt đối xử về giới
1	Con trai không nên khóc lóc; mà nên “ga lăng” và hãnh diện với hành động bảo vệ cho các bạn gái.		
2	Con gái không nên chủ động trong tình yêu và hẹn hò với bạn trai		
3	Học sinh nam thường được chọn vào đội tuyển thi học sinh giỏi nghề nhiều hơn học sinh nữ		
4	Con trai nên đưa ra mọi quyết định về việc sẽ đi đâu và làm gì khi hẹn hò với bạn gái		
5	Con gái ít được tuyển dụng làm các công việc thăm dò địa chất, kỹ sư cầu đường.		
6	GVCN thường phân công học sinh nam chặt cây, đào hố; học sinh nữ quét lớp và dọn nhà vệ sinh.		
7	Con gái nên xem vai trò chính của mình trong cuộc sống là kết hôn, sinh đẻ và chăm sóc con cái.		
8	Nhà trường thường chỉ tổ chức nói chuyện chuyên đề về chăm sóc sức khỏe sinh sản và phòng tránh có thai ngoài ý muốn cho nữ sinh		

9	Con trai không nên làm các công việc như nhân viên bán hàng, giáo viên mầm non.		
10	Nam làm lãnh đạo giỏi hơn nữ. Nữ quản lý tài chính gia đình giỏi hơn nam.		

**Câu 6.** *Vai trò giới là những hoạt động mà phụ nữ và nam giới được kỳ vọng thực hiện trong gia đình hay cộng đồng. Trong đó, việc thực hiện vai trò giới trong gia đình nên: (Lựa chọn phương án đúng nhất)*

- A. Phân công phụ nữ làm chủ yếu các công việc nội trợ, chăm sóc người già và trẻ em gái lau dọn nhà cửa, rửa bát, nấu ăn.
- B. Phân công các công việc phù hợp cho nam giới/trẻ em trai và phụ nữ/trẻ em gái, sao cho nam và nữ cùng chia sẻ trách nhiệm thực hiện các công việc gia đình như nhau.
- C. Phân công nam giới/trẻ em trai làm chủ yếu các công việc: trụ cột kiếm tiền, ra quyết định các việc lớn, thay mặt gia đình tham gia các cuộc họp ở cộng đồng, sửa chữa đồ gia dụng.
- D. Chia đều thời gian làm việc nhà bằng nhau cho cả nam và nữ, bao gồm các công việc nội trợ, chăm sóc người già và trẻ em, trụ cột kiếm tiền, ra quyết định, lau dọn nhà cửa và sửa chữa đồ gia dụng,.....

**Câu 7.** *Khi tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động ngoại khóa, thể thao hay hoạt động ngoài giờ lên lớp, bạn nên: (Lựa chọn phương án đúng nhất)*

- A. Phân công học sinh nữ chuẩn bị thực phẩm, nước uống; còn học sinh nam khiêng vác toàn bộ đồ dùng mang theo của lớp.
- B. Chọn học sinh nam to khỏe vào đội thi kéo co và chọn các học sinh nữ khéo léo, nhanh nhẹn vào đội thi đá cầu.
- C. Chọn cả học sinh nam và học sinh nữ tham gia đội thi kéo co và đội thi nhảy dây.
- D. Tổ chức chơi đá bóng cho học sinh nam và chơi nhảy dây cho học sinh nữ.

**Câu 8<sup>31</sup>.** *Cân bằng giới là sự tham gia tương đương và sự hiện diện tương đương, cả về số lượng và chất lượng của cả hai giới trong tất cả các lĩnh vực – đó là những điều kiện cần thiết nhưng chưa đủ để đạt bình đẳng giới. Đúng hay sai?*

A. Đúng

B. Sai

**Câu 9<sup>32</sup>.** *Hãy hoàn thành câu dưới đây bằng cách chọn từ/cụm từ thích hợp nhất (điều bất lợi, bình đẳng giới, biện pháp, công bằng giới, cân bằng giới, bù đắp ) để điền vào các chỗ có dấu chấm.....*

<sup>31</sup> UNESCO, 2005. Khóa e – learning. Tài liệu 1 - Các thuật ngữ về giới, trang 10

.....là một cách thức áp dụng những .....nhằm..... cho những .....cản trở một sân chơi bình đẳng cho nam và nữ.

**Câu 10.** Theo bạn, phương án nào dưới đây mô tả ĐÚNG về bình đẳng giới? (Lựa chọn những phương án mà bạn cho là đúng)

- A. Nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau.
- B. Nam, nữ có vị trí, vai trò như nhau
- C. Nam, nữ được tạo cơ hội và điều kiện như nhau để họ có thể phát huy tối đa năng lực của mình
- D. Nam, nữ được tạo cơ hội như nhau và điều kiện phù hợp để họ có thể phát huy tối đa năng lực của mình.
- E. Nam, nữ được thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển.
- F. Nam, nữ được thụ hưởng bằng nhau các thành quả của sự phát triển

**Câu 11.** Theo bạn, phương án nào dưới đây KHÔNG mô tả đúng về lồng ghép giới và trách nhiệm thực hiện lồng ghép giới? (Lựa chọn những phương án nào bạn cho là đúng)

- A. Bình đẳng giới sẽ đạt được khi tiến hành lồng ghép giới ở một số lĩnh vực/hoạt động, do một số cơ quan/tổ chức được giao trách nhiệm thực hiện.
- B. Trách nhiệm thực hiện lồng ghép giới là của tất cả các cá nhân, các cơ quan/tổ chức và của toàn xã hội.
- C. Lồng ghép giới được coi là một biện pháp hiệu quả nhất để đạt được bình đẳng giới. Nó phải được thực hiện theo một quy trình liên tục, nhất quán ở tất cả các cấp, các ngành, các lĩnh vực hoạt động khác nhau.
- D. Trong ngành giáo dục, Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ và ban nữ công của các đơn vị phải chịu trách nhiệm chính trong việc thực hiện lồng ghép giới

**Câu 12.** Giả định trong lớp của thầy/cô chủ nhiệm có tình trạng học sinh nữ hay ngủ gật, hoặc tỏ ra mệt mỏi không tập trung trong giờ học hoặc thường xuyên thiếu/không làm bài tập về nhà đầy đủ, ...Dẫn đến kết quả học tập sa sút. Thầy/cô hãy tìm nguyên nhân của vấn đề và đưa ra các biện pháp can thiệp phù hợp.

---

<sup>32</sup> Tài liệu đã dẫn, trang 11

## PHẦN II. PHÒNG CHỐNG BẠO LỰC HỌC ĐƯỜNG TRÊN CƠ SỞ GIỚI

### A. MỤC TIÊU

Kết thúc phần này, người học có khả năng:

- Hiểu và trình bày được một số khái niệm liên quan đến bạo lực học đường trên cơ sở giới
- Phân tích được các nguyên nhân cơ bản, tác động và hệ quả của bạo lực học đường trên cơ sở giới
- Liệt kê được một số bước cơ bản trong qui trình xử lý các vụ việc bạo lực giới trong nhà trường
- Vận dụng được một số biện pháp giáo dục phòng ngừa và ứng phó với bạo lực học đường trên cơ sở giới, đặc biệt trong công tác chủ nhiệm lớp.

### B. CÁC NỘI DUNG CHÍNH

#### 1. KHÁI NIỆM

##### 1.1. Các khái niệm liên quan đến bạo lực học đường trên cơ sở giới

❖ **Bạo lực:** Là bất kì hành động nào dẫn đến hoặc có khả năng dẫn đến những tổn hại về thân thể, tinh thần đối với người khác, kể cả việc đe dọa thực hiện những hành động này, cũng như việc cưỡng bức, tước đoạt các quyền tự do chính đáng của người khác<sup>33</sup>.

❖ **Bạo lực trên cơ sở giới:** Là bất kì hành động nào gây ra, hoặc có khả năng gây ra các tổn hại về thể chất, tình dục, tinh thần hoặc tâm lý của người khác dựa trên đặc điểm giới tính, định kiến giới hay sự phân biệt đối xử về giới, và từ mối quan hệ không bình đẳng về quyền lực giữa các giới<sup>34,35</sup>.

❖ **Bạo lực học đường trên cơ sở giới:** Là những hành động gây tổn hại hoặc có khả năng gây tổn hại đối với các học sinh về thân thể, tinh thần hay tình dục; xuất phát từ những định kiến giới, phân biệt đối xử về giới hoặc những lí do liên quan đến giới tính của các em<sup>36</sup>.

Tình trạng BLHĐTCSG là hệ quả của các khuôn mẫu, vai trò hoặc đặc điểm được gán cho hoặc được mong đợi từ các em vì giới tính hoặc bản dạng giới của trẻ. BLHĐTCSG không phải chỉ bó hẹp phạm vi ở những vụ việc gây gổ, đánh nhau, gây tổn thương về thể chất; cũng không chỉ bao gồm những hành vi bạo lực xảy ra trong khuôn

<sup>33</sup> Plan Việt Nam, 2018. Tài liệu giảng dạy về Phòng chống và ứng phó với BLTCSG trong trường học, trang 47

<sup>34</sup> Plan Việt Nam, 2018. Tài liệu đã dẫn, trang 52

<sup>35</sup> UNESCO, 2016. Hướng tới môi trường học đường an toàn, bình đẳng và hòa nhập – Báo cáo nghiên cứu BLHD trên cơ sở giới tại Việt Nam.

<sup>36</sup> Plan Việt Nam, 2018. Tài liệu đã dẫn, trang 52

viên nhà trường, lớp học; không chỉ đơn thuần là bạo lực giữa nam, nữ; mà là mọi hình thức bạo lực từ thể chất, lời nói, tâm lý, tình dục, xảy ra ở cả trong trường và những không gian quanh trường, trên đường từ trường về nhà, từ nhà tới trường và có thể xảy ra với HS thuộc mọi giới tính, bản dạng giới khác nhau (nam, nữ, hay LGBT).

❖ **Bắt nạt:** Là những hành vi gây hấn lặp lại nhiều lần với chủ ý gây thương tích hoặc làm cho người khác cảm thấy không thoải mái qua tiếp xúc cơ thể, dùng ngôn ngữ xúc phạm, tấn công về thể chất hoặc tâm lý. Tình trạng bắt nạt xảy ra khi có sự không cân bằng về quyền lực. Bắt nạt có thể bao gồm việc trêu chọc, thách thức, đặt tên gọi (biệt danh) gây tổn thương, hành vi bạo lực thể chất hoặc cô lập. Kẻ bắt nạt có thể là cá nhân hoặc một nhóm. Hình thức bắt nạt có thể là trực tiếp (như đòi tiền, đồ vật) hoặc gián tiếp (như lan truyền tin đồn về người khác)<sup>37</sup>. Bắt nạt là một hình thức bạo lực.

## 1.2. Các khái niệm liên quan đến xâm hại tình dục trong trường học

❖ **Quấy rối tình dục:** bao gồm các bình luận, cử chỉ, hành vi với mục đích làm tổn thương, xúc phạm hoặc hạ thấp nhân phẩm của người khác liên quan tới tình dục<sup>38</sup>.

Quấy rối tình dục (QRTD), gây cho người khác cảm giác khó chịu, bất an, cũng là một dạng bạo lực giới. Trong các luật của Việt Nam hiện chưa qui định cụ thể về khái niệm này<sup>39</sup>, song QRTD có thể được hiểu là những hành vi như trêu chọc, huýt sáo, buông lời bình phẩm thô thiển, tục tĩu với một người khác giới hoặc người có sự khác biệt về bản dạng giới (LGBT); cố tình động chạm vào cơ thể làm người khác thấy khó chịu... Mặc dù ban đầu, những lời nói hoặc hành vi QRTD dường như chưa đe dọa gì nhiều đến người bị quấy rối (thậm chí còn có vẻ chỉ là ‘đùa vui’), nhưng nếu không cảnh giác và tiếp tục gặp gỡ kẻ quấy rối, trẻ em có thể sẽ phải đối mặt với việc bị xâm hại tình dục.

Không phải chỉ người lạ hay chỉ nam giới mới có thể là thủ phạm của QRTD, mà ngay cả người quen biết như hàng xóm, họ hàng, người thân của gia đình... cũng có khả năng là người có hành vi quấy rối hoặc xâm hại tình dục.

❖ **Xâm hại tình dục trẻ em:** Là việc dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, ép buộc, lôi kéo, dụ dỗ trẻ em tham gia vào các hành vi liên quan đến tình dục, bao gồm hiếp dâm, cưỡng dâm, giao cấu, dâm ô với trẻ em và sử dụng trẻ em vào mục đích mại dâm, khiêu dâm dưới mọi hình thức<sup>40</sup>.

Như vậy, xâm hại tình dục trẻ em xảy ra khi một ai đó sử dụng quyền lực hoặc lợi dụng sự tin tưởng của trẻ để lôi kéo trẻ vào hoạt động tình dục.

<sup>37</sup> UNESCO, 2016. Tài liệu đã dẫn.

<sup>38</sup> PLAN, 2018. Tài liệu đã dẫn, tr.160.

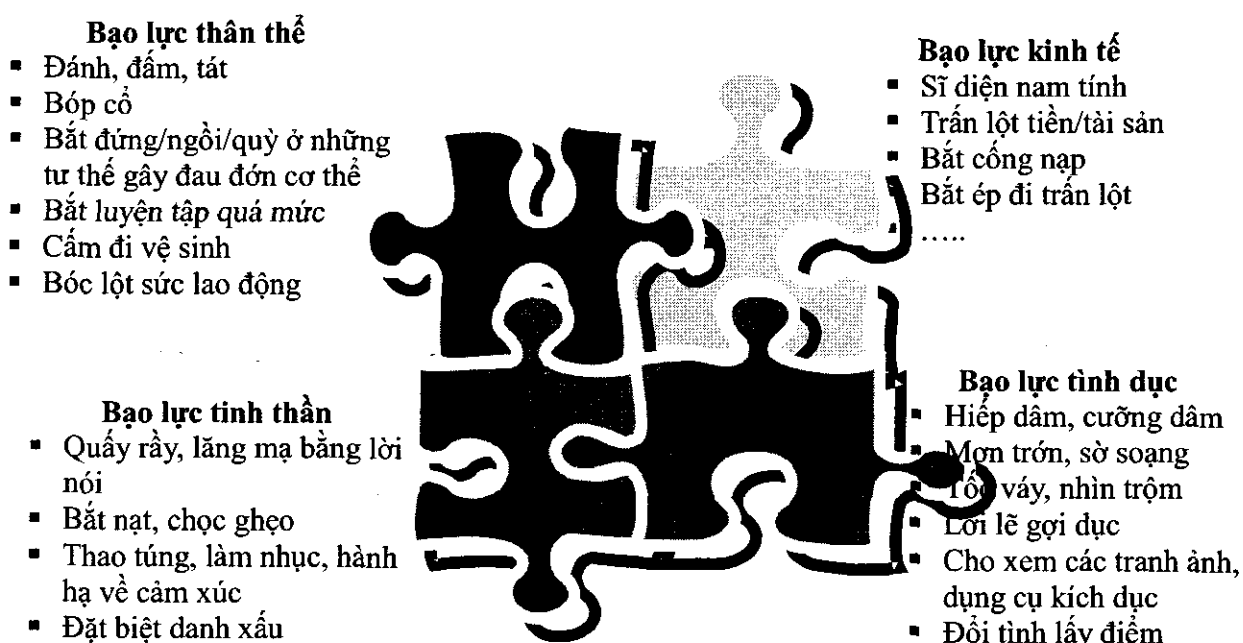
<sup>39</sup> Bộ luật hình sự (2015) chỉ có qui định về hành vi dâm ô với người dưới 16 tuổi (Điều 146).

<sup>40</sup> Luật Trẻ em Việt Nam, 2016. Điều 4, khoản 8

## 2. CÁC HÀNH VI CỦA BLHĐTCSG VÀ XÂM HẠI TÌNH DỤC TRẺ EM TRONG TRƯỜNG HỌC

### 2.1. Các hình thức và biểu hiện của BLHĐTCSG

BLHĐTCSG bao gồm các hình thức cơ bản là bạo lực thể chất, tâm lý, tình dục, và kinh tế. Ngoài ra, nhiều nhà nghiên cứu còn đề cập đến một loại hình BLHĐTCSG khác khá phổ biến trong thời đại ngày nay, đó là bạo lực liên quan đến công nghệ thông tin, mạng xã hội (như dùng điện thoại, tin nhắn, mạng xã hội để đe dọa, xúc phạm, tung tin xấu, kêu gọi sự tẩy chay với người khác...). Bạo lực liên quan đến CNTT có thể dẫn đến những hậu quả về mặt thể chất, tâm lý, xã hội cho nạn nhân. Mỗi hình thức BLHĐTCSG đều có những biểu hiện về mặt hành vi khác nhau.



Hình 1. Các hình thức cơ bản của BLHĐTCSG<sup>41</sup>

Các hình thức BLHĐTCSG không chỉ xảy ra giữa HS nam, nữ, mà còn nhằm tới những HS có sự khác biệt về giới, không tuân theo các chuẩn mực giới thông thường mà xã hội thường gán cho nam/nữ (Ví dụ, HS nam nhưng có cách ăn mặc diêm dúa, sặc sỡ, có giọng nói hoặc tính tình mềm yếu “như con gái” có xu hướng bị bắt nạt, gây bạo lực nhiều hơn trong nhà trường).

Biểu hiện về mặt hành vi của các hình thức BLHĐTCSG rất đa dạng, tùy thuộc vào đối tượng gây bạo lực, nạn nhân của bạo lực, hoàn cảnh, môi trường xảy ra bạo lực (BL)... Một số biểu hiện cơ bản của các hình thức bạo lực trên được nêu trong Bảng 1.

<sup>41</sup> Plan Việt Nam, 2018. Tài liệu đã dẫn

**Bảng 1. Ví dụ về một số biểu hiện của BLHĐTCSG**

BL thân thể	BL tinh thần	BL Tình dục	BL kinh tế
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Quấy rối những người không tuân theo chuẩn mực giới như bầu vẻo, đánh, tát, xô đẩy, đá hoặc ném đồ vào người</li> <li>• Ép làm các công việc trên cơ sở phân biệt về giới (ví dụ, yêu cầu các bạn nữ phải ở lại dọn lớp)</li> <li>• Có các hình thức trừng phạt thân thể nặng hơn đối với HS nam</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Cô lập, tẩy chay những em không tuân theo chuẩn mực giới</li> <li>• Lan truyền tin đồn tiêu cực</li> <li>• Có các cử chỉ, trạng thái hoặc nét mặt mang tính làm nhục hoặc thô lỗ, gây ức chế, khó chịu với người khác</li> <li>• Làm nhục, trêu chọc hoặc làm xấu hổ những em không tuân theo chuẩn mực giới</li> <li>• Sử dụng từ ngữ liên quan đến giới để quấy rối hoặc hạ thấp người khác</li> <li>• Đặt biệt danh mang tính xúc phạm hoặc chê trách dựa trên cơ sở giới tính</li> <li>• Đặt biệt danh, dùng từ ngữ ám chỉ về việc đồng tính hoặc chuyển giới của người khác</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Hôn hoặc động chạm vào người khác</li> <li>• Có các bình luận khơi gợi tình dục về hành vi hoặc quá khứ của người khác</li> <li>• Ép buộc việc động chạm tình dục</li> <li>• Cường hiếp</li> <li>• Ép buộc xem các hành vi tình dục</li> <li>• Đòi tình lấy điểm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Trán lột tiền tiêu vặt, tiền ăn trưa</li> <li>• Tịch thu tài sản, dụng cụ học tập</li> <li>• Gây áp lực, bắt phải cống nạp quà cáp, tiền thi mới bỏ qua</li> <li>• Bắt ép đi trán lột người khác để mang về nộp cho mình</li> </ul>

## 2.2. Các hành vi quấy rối tình dục và xâm hại tình dục trẻ em

Quấy rối tình dục (QRTD) và xâm hại tình dục (XHTD) trẻ em trong trường học là tất cả các hành vi tình dục không mong muốn được trực tiếp hướng tới đối tượng bị quấy rối/xâm hại hoặc cũng có thể thông qua phương tiện trung gian như mạng xã hội, điện thoại, tin nhắn.

➤ Các hành vi QRTD trẻ em trong trường học có thể bao gồm<sup>42</sup>:

- Động chạm, cấu, sờ vào người mà trẻ không mong muốn
- Trẻ bị cài bẫy, bị buộc nghe kể chuyện tục tĩu, gợi dục
- Trẻ bị gán với những hình vẽ gợi dục (VD trên tường nhà vệ sinh của trường)
- Trẻ bị đưa ra làm mục tiêu cho các hành vi, cử chỉ gợi dục
- Trẻ bị tung tin đồn xấu về tình dục hoặc bị gợi ý về tình dục
- Trẻ bị lột quần áo hoặc bị nhìn ai đó cởi hết quần áo
- Trẻ bị kéo quần áo với ý định quan hệ tình dục

<sup>42</sup> Plan Việt Nam, 2018. Tài liệu đã dẫn, trang 161



Hành vi XHTD trẻ em trong trường học có thể phân theo hai dạng hành vi XHTD không tiếp xúc và hành vi XHTD có tiếp xúc như sau<sup>43</sup>:

➤ *Các hành vi XHTD không tiếp xúc:*

- Phô bày bộ phận sinh dục trước mặt trẻ
- Cho trẻ xem tranh, sách, truyện, phim khiêu dâm
- Chụp ảnh trẻ cho mục đích tình dục
- Yêu cầu trẻ phô bày bộ phận sinh dục cho anh/chị ta xem
- Khuyến khích trẻ xem hoặc nghe các âm thanh kích dục
- Nhìn trẻ khi trẻ chưa mặc quần áo hoặc ngó trẻ trong nhà tắm/nhà vệ sinh
- Gửi các tin nhắn yêu đương/thư tình tới trẻ
- Dùng những lời nói thô tục trước mặt trẻ
- Sử dụng các hình ảnh của trẻ đưa lên internet với mục đích liên quan đến tình dục

➤ *Các hành vi XHTD có tiếp xúc:*

- Sờ vào bộ phận sinh dục hoặc cơ thể trẻ với mục đích tình dục
- Yêu cầu trẻ sờ vào bộ phận sinh dục của đối tượng hoặc chơi các trò chơi tình dục
- Đưa các vật dụng hoặc bộ phận cơ thể (như ngón tay, lưỡi, dương vật) vào âm đạo hay hậu môn, miệng của trẻ với mục đích quan hệ tình dục.
- Quan hệ tình dục bằng đường miệng, âm đạo hay hậu môn;
- Ép buộc trẻ thực hiện các hành vi gợi dục
- Ép buộc trẻ quan hệ tình dục hoặc lôi kéo trẻ em vào các hành vi tình dục với trẻ em khác hoặc với người lớn<sup>44</sup>.

Như vậy, quấy rối tình dục và xâm hại tình dục trẻ em trong trường học là một dạng của bạo lực học đường trên cơ sở giới.

## **2. THỰC TRẠNG, HỆ QUẢ VÀ NGUYÊN NHÂN CỦA BLHĐTCSG**

### **3.1. Thực trạng**

Nghiên cứu năm 2016 của UNESCO<sup>45</sup> về BLHĐTCSG tại Việt Nam cho thấy vẫn còn thái độ đồng tình ở cả học sinh, giáo viên, và cha mẹ học sinh đối với các hình thức BLHĐTCSG và nạn bắt nạt: Một tỉ lệ không nhỏ cán bộ nhân viên nhà trường, cha mẹ, và cả học sinh cho rằng cần phải “kỷ luật sắt” thì mới giữ được trật tự lớp học (73,6% HS; 69,1% cha mẹ; và 59,3% giáo viên/cán bộ nhà trường đồng ý với quan điểm rằng “giáo viên đôi khi cần phải đánh hay mắng học sinh để đảm bảo việc tuân thủ kỷ luật”).

Nghiên cứu trên cũng cho thấy tỉ lệ học sinh nam là nạn nhân của bạo lực khá cao so với nữ, thể hiện ở tất cả các dạng cơ bản của BLHĐTCSG: bạo lực thể chất (64,7% so với

<sup>43</sup> Plan Việt Nam, 2018. Tài liệu đã dẫn, trang 63

<sup>44</sup> Australia Aid, 2014. Theo tài liệu Phòng ngừa xâm hại tình dục trẻ em, hướng dẫn thảo luận với cán bộ cộng đồng, Australia Aid, 2014.

<sup>45</sup> UNESCO, 2016. Tài liệu đã dẫn.

51,1% nữ), bạo lực xã hội (54,7% so với 45,4% nữ) và bạo lực tình dục (22,0% so với 10,6% nữ). Một số học sinh cho biết mình từng có trải nghiệm bị bạo lực bởi chính cán bộ nhân viên nhà trường – đó là những trường hợp khi các em cảm thấy bị sỉ nhục, bị phân biệt đối xử vì bị coi là người không tuân theo chuẩn mực giới như mong đợi của đa số.

Đặc biệt, học sinh (tự nhận là) LGBT và cả những em được coi là LGBT (bao gồm cả các em có thể hiện về giới bên ngoài không như mong đợi của xã hội) là nhóm có nguy cơ cao hơn trở thành nạn nhân, phải chịu đựng nhiều hơn các hình thức bạo lực và bắt nạt so với các bạn cùng trang lứa: 71% học sinh LGBT đã từng bị bạo lực thể xác, 72,2% bạo lực bằng lời nói, 65,2% bị bạo lực xã hội, 26% bị bạo lực tình dục và 20% bị bạo lực liên quan đến công nghệ/mạng<sup>46</sup>.

Năm 2003, Hiệp hội thuộc trường đại học phụ nữ tại Mỹ đã tiến hành một khảo sát với 2064 học sinh trong độ tuổi từ 12 đến 18 tuổi về vấn đề quấy rối tình dục trong trường học của các em. Phát hiện của nghiên cứu đã chỉ ra<sup>47</sup>:

- 83% các em gái và 79% các em trai cho biết mình đã bị quấy rối tình dục. Rất nhiều học sinh thường xuyên bị quấy rối tình dục. Các con số này không có sự khác biệt giữa các trường ở thành thị, nông thôn. Trong đó, quấy rối giữa học sinh với nhau phổ biến nhất, mặc dù có 7% học sinh nam và nữ trong nghiên cứu đã bị quấy rối tình dục bởi giáo viên.

- 35% học sinh cho biết đã bị quấy rối tình dục lần đầu tiên khi ở học ở trường trung học cơ sở.

- Phần lớn các vụ quấy rối đều xảy ra trước mặt thầy cô trong lớp (61% quấy rối cơ thể và 56% quấy rối không qua tiếp xúc trực tiếp) và ở trong hội trường (71% quấy rối cơ thể và 64% quấy rối không qua tiếp xúc trực tiếp)

- Học sinh cũng chính là người quấy rối. Hơn một nửa số học sinh (54%) nói rằng các em đã quấy rối một ai đó khi các em ở trường

- Trẻ gái bị ảnh hưởng bởi quấy rối tình dục nhiều hơn trẻ em trai. Tỷ lệ các em gái so với trẻ em trai bị ảnh hưởng như “cảm nhận rõ hơn” (44% so với 19%), “cảm thấy xấu hổ” (53% so với 32%), và “bớt tự tin hơn” (32% so với 16%) khi các em bị quấy rối tình dục. Nhiều em khi bị QRTD đã thay đổi các hành vi của mình như nói ít hơn trong lớp (30% em gái và 18% em trai) và tránh kẻ quấy rối (56% em gái so với 24% em trai).

- Một nghiên cứu khác cũng chỉ ra có 78% số học sinh nói rằng họ trải qua ít nhất một lần bị quấy rối tình dục từ lúc học phổ thông, trong đó có 92% số học sinh nữ và 57% số học sinh nam (Carlson, 1995; Potopowitz, 1995).

Tình trạng xâm hại tình dục trẻ em cũng xảy ra phổ biến và ngày càng gia tăng nghiêm trọng. Theo Tổ chức y tế thế giới ước tính có khoảng 223 triệu trẻ em (150 triệu

<sup>46</sup> UNESCO, 2016. Tài liệu đã dẫn.

<sup>47</sup> Plan Việt Nam, 2018. Tài liệu đã dẫn, trang 164, 165

em gái và 73 triệu em nam) đã từng bị buộc phải quan hệ tình dục hoặc bị bạo lực tình dục dưới các hình thức khác nhau (UNVAC, 2006)<sup>48</sup>.

Ở Việt Nam<sup>49</sup>, theo số liệu thống kê của Cục Bảo vệ chăm sóc trẻ em (Bộ LĐTBXH) năm 2011 cho thấy, cả nước có 1.453 trẻ bị xâm hại tình dục, tính trung bình 5 năm gần đây thì mỗi năm có khoảng gần 1.000 trẻ bị xâm hại tình dục. Trong đó, riêng số vụ hiếp dâm trẻ em lên tới 80%. Nhiều vụ có tính chất đặc biệt nghiêm trọng như: Hiếp dâm tập thể, hiếp dâm trẻ dưới 5 tuổi, cha dượng hiếp dâm con, thầy giáo xâm hại tình dục học trò nhiều lần, thậm chí cha đẻ hiếp dâm con gái...

Có thể nói, tình trạng xâm hại tình dục đối với phụ nữ và trẻ em gái trong những năm gần đây đã xảy ra nhiều và ở mức độ đáng báo động trong phạm vi cả nước. Chi tính từ ngày 01/01/2008 đến ngày 31/12/2013, Tòa án các cấp đã thụ lý theo thủ tục sơ thẩm 9.683 vụ với 11.444 bị cáo. Trong đó, đưa ra xét xử theo thủ tục sơ thẩm 8.772 vụ với 10.265 bị cáo. Trong số các vụ án xâm hại tình dục phụ nữ và trẻ em mà Tòa án các cấp đưa ra xét xử, có 1.812 vụ với 2.641 bị cáo bị xét xử về tội “Hiếp dâm”, 3.276 vụ với 3.759 bị cáo bị xét xử về tội “Hiếp dâm trẻ em”, 31 vụ với 61 bị cáo bị xét xử về tội “Cưỡng dâm”; 25 vụ với 30 bị cáo bị xét xử về tội “Cưỡng dâm trẻ em”; 2.749 vụ với 2.878 bị cáo bị xét xử về tội “Giao cấu với trẻ em” và 879 vụ với 896 bị cáo bị xét xử về tội “Dâm ô với trẻ em”. Số liệu này cho thấy nạn nhân của các vụ án xâm phạm tình dục là trẻ em chiếm tỷ lệ lớn (6.929 vụ với 7.563 bị cáo, chiếm tỷ lệ 78,99% số vụ và chiếm 73,68% số bị cáo bị xét xử).

Qua theo dõi số liệu các vụ án xâm hại tình dục phụ nữ và trẻ em Tòa án các cấp đã thụ lý, giải quyết, thấy rằng tình trạng xâm hại tình dục đối với phụ nữ và trẻ em có xu hướng tăng lên trong những năm gần đây, cụ thể: Năm 2008: 1.494 vụ với 1.789 bị cáo; năm 2012: 1.736 vụ với 2.039 bị cáo và năm 2013: 2.050 vụ với 2.330 bị cáo<sup>50</sup>. Năm 2015: phát hiện 1.355 vụ với 1.448 đối tượng, trong đó XHTDTE là 1.371 em, chiếm gần 77% số vụ xâm hại trẻ em nói chung; năm 2016: phát hiện 1.641 vụ với 1.807 đối tượng, trong đó XHTDTE là 1.248 vụ với 1.267 đối tượng, chiếm 76,5% số vụ xâm hại trẻ em nói chung<sup>51</sup>.

### **3.2. Tác động và ảnh hưởng của BLHĐTCSG và XHTD**

Các nghiên cứu về BLHĐTCSG đều cho thấy có nhiều ảnh hưởng tiêu cực tới việc học tập, trạng thái tinh thần và sức khỏe thể chất của những em bị bạo lực và xâm hại. Các em chứng kiến bạo lực, mặc dù không phải là nạn nhân trực tiếp của bạo lực, song cũng có thể bị ảnh hưởng tương tự và lo lắng có thể trong tương lai chuyện đó sẽ xảy ra

<sup>48</sup> Plan Việt Nam, 2018. Tài liệu đã dẫn, trang 66

<sup>49</sup> Plan Việt Nam, 2018. Tài liệu đã dẫn, trang 67

<sup>50</sup> Plan Việt Nam, 2018. Tài liệu đã dẫn, trang 67

<sup>51</sup> Khổng Ngọc Oanh, P6/C45. Báo cáo tình hình tội phạm xâm hại tình dục trẻ em, ngày 7/12/2017

với mình.

**Bảng 2: Một số ảnh hưởng và tác động của BLHĐTCSG/XHTD**

<i>Ảnh hưởng của BLHĐTCSG/XHTD đối với việc học tập bao gồm:</i>	<i>Tác động thể chất, tâm lý của BLHĐTCSG/XHTD làm gia tăng nguy cơ:</i>
<ul style="list-style-type: none"><li>• Mất tập trung</li><li>• Đạt điểm thấp</li><li>• Không muốn tới trường</li><li>• Lo sợ không muốn tham gia các hoạt động trong lớp/trường</li><li>• Không dám nhờ GV giúp đỡ</li><li>• Bị cô lập trong các hoạt động tập thể của lớp, trường</li><li>• Muốn chuyển trường để thoát khỏi bạo lực và sự kì thị</li><li>• Bỏ học</li><li>• Hạn chế lựa chọn môn học và nghề nghiệp</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>• Mất tự tin</li><li>• Lo lắng, sợ hãi, tức giận</li><li>• Trầm cảm, tuyệt vọng</li><li>• Sức khỏe kém</li><li>• Mất niềm tin vào người khác</li><li>• Có hành vi tình dục nguy hiểm</li><li>• Xung đột trong gia đình</li><li>• Tự ngược đãi, tự làm tổn thương bản thân</li><li>• Tự tử (hoặc có ý muốn tự tử)</li><li>• Sử dụng đồ uống có cồn hoặc các chất kích thích khác</li><li>• Tổn thương cơ thể, mang thai (đối với em gái) và mắc các bệnh LTQĐTD</li><li>• Nghiện tình dục, hoặc đi XHTD người khác</li></ul>

Giáo viên cũng chỉ ra rằng bạo lực gây ra cho học sinh không những là vết sẹo hoặc đau đớn về thể xác, mà trong nhiều trường hợp là sự tổn thương tâm thần tồn tại trong một thời gian dài. Giáo viên cũng nhận thức rõ rằng bạo lực có ảnh hưởng lớn đến sức khỏe tinh thần của học sinh, gây ra cho các em cảm giác lo lắng, căng thẳng, giận dữ, sợ hãi, cô lập và không an toàn.

Một số giáo viên đã chứng kiến cho thấy tác động đầu tiên là sự suy giảm kết quả học tập của học sinh theo thời gian và trong một số tình huống, kết thúc bằng việc các em bỏ học. Có những học sinh cho biết các em đã trở nên cứng rắn, lì lợm hơn nhiều do thường xuyên bị bắt nạt và dần phải tập quen với việc phòng thủ như một hình thức tự bảo vệ. Điều này đặc biệt đúng đối với các em học sinh thuộc về cộng đồng LGBT, nhất là những em chuyển giới hoặc có biểu hiện không theo chuẩn mực giới thông thường.

### **3.3. Nguyên nhân chính của BLHĐTCSG**

Theo các nghiên cứu gần đây về BLHĐTCSG và BLG thì những nguyên nhân chính của BLHĐTCSG và nạn bắt nạt trong trường học là:

- *Khẳng định sức mạnh nam tính.* Sự yếu đuối, trong nhiều trường hợp liên quan đến sự nữ tính hay quan hệ đồng giới tính, thường là mục tiêu tấn công của người gây bạo lực.

Ở Việt Nam, quan niệm tương đối phổ biến trong xã hội vẫn cho rằng người đàn ông có nam tính phải là người đàn ông mạnh mẽ. Ở Việt Nam, nam tính thường được nhìn nhận với những đặc điểm như: nóng nảy, gia trưởng, quyết đoán và có khả năng tình dục

manh mẽ. Một nghiên cứu năm 2012<sup>52</sup>, đã đưa ra một số nhận định cụ thể để kiểm nghiệm những yếu tố được cho là cấu thành nam tính – kết quả cho thấy:

- “Đàn ông nên là người đưa ra quyết định cuối cùng trong mọi quan hệ”: khoảng 73% học sinh nam và 53% học sinh nữ đồng ý với quan điểm này.
- “Đàn ông phải mạnh mẽ (cứng rắn) hơn phụ nữ”: 92,7 % học sinh nam và 90% học sinh nữ đồng ý.
- “Đàn ông không nên thể hiện những cảm xúc yếu đuối, tiêu cực của mình”: 84% học sinh nam và 80% học sinh nữ đồng ý.
- “Bản tính của đàn ông là nóng nảy”: có 78,8% học sinh nam và 80% học sinh nữ đồng ý.
- “Theo lẽ tự nhiên thì đàn ông có nhu cầu tình dục cao hơn phụ nữ”: có 68% học sinh nam và 70 % học sinh nữ đồng ý với quan điểm này.

Kết quả trắc nghiệm trên cho thấy tỷ lệ đồng ý với tất cả những lời nhận xét không bình đẳng giới này là tương đối cao. Điều này cho thấy đa số học sinh (cả nam và nữ) vẫn mặc định rằng nam tính gắn liền với sự gia trưởng và kiểm soát phụ nữ.

Quan niệm về nam tính được hình thành và ăn sâu vào tâm trí trẻ bắt nguồn từ chính những cách cư xử, dạy dỗ trong gia đình và nhà trường.

Trong nghiên cứu gần đây của UNFPA về nam tính và lịch sử đời sống, các nhà nghiên cứu đã tìm thấy các mẫu hình nam tính khác nhau được hình thành từ chính hình ảnh của người cha, cũng như trong các môi trường khác như ở trường và các phương tiện truyền thông.

Ví dụ về việc những cách cư xử góp phần hình thành hình mẫu nam tính (truyền thống) trong gia đình:

- Cha mẹ thường mong muốn con trai tập trung vào việc học hành hơn là con gái;
- Việc nhà không phải là của nam giới mà là việc của nữ giới;
- Đàn ông phải tạo ra sự khác biệt, có vị trí trong xã hội để cho thế giới nhận biết anh ta là ai;
- Nam giới cần phải có suy nghĩ chín chắn, thông minh, hiểu biết và thành công;
- Với một số tình huống nhất định, nam giới được dung thứ nếu họ nổi giận và có những hành vi bạo lực, còn nữ giới thì không;
- Các cậu bé lớn lên sẽ trở thành những người đàn ông và sẽ phải chăm lo hương khói cho gia đình, nối dõi dòng họ và gìn giữ danh tiếng của gia đình;

<sup>52</sup> UNESCO, 2016. Tài liệu đã dẫn.

Khi trẻ đến trường, nếu như nhà trường không tạo dựng được một môi trường học tập bình đẳng, có sự nhạy cảm giới/trách nhiệm giới, không phân biệt đối xử về giới, thì đến lượt trường học tiếp tục là nơi tạo dựng và củng cố thêm các khuôn mẫu về giới, cũng như làm phát sinh các tình huống bạo lực trên cơ sở những định kiến, khuôn mẫu giới này.

Như vậy, thông qua các thông điệp mà cha mẹ và thầy cô đưa ra cho con cái, học trò của mình về nam tính, hình ảnh phổ biến mà đàn ông được mô tả là người có sức khoẻ, có kiểm soát tốt, sẵn sàng giúp đỡ phụ nữ, có trách nhiệm với việc thờ cúng của gia đình và có khả năng giao tiếp xã hội. Ngược lại, phụ nữ thường được hình dung là người hiền lành, chịu khó, đảm việc nhà và biết chăm sóc gia đình. Do vậy, các chuẩn mực giới điển hình được nhắc đi nhắc lại cả ở trường và gia đình sẽ có ảnh hưởng sâu sắc đến học sinh ngay từ khi các em còn nhỏ.

Mặc dù BĐG đã có những bước tiến bộ vượt bậc, tuy nhiên, nhiều nghiên cứu cho thấy phụ nữ và trẻ em gái vẫn còn là nhóm yếu thế hơn so với nam giới ngay trong chính gia đình mình. Sự phân biệt về vai trò của con trai và con gái có thể dẫn đến việc con gái sẵn sàng chấp nhận một vai trò phụ thuộc, thấp kém hơn trong quan hệ gia đình<sup>53</sup>.

- *Biểu hiện nữ tính bị coi thường, hạ thấp* là một lý do khác giải thích cho hành vi bạo lực trên cơ sở giới (Các số liệu cho thấy rằng các học sinh nam đã không thể hiện "nam tính" của mình theo như mong đợi về chuẩn mực giới, mà lại thể hiện ra bên ngoài sự nữ tính, yếu đuối hoặc nhẹ nhàng, thường bị gán cho biệt danh xấu và bị tẩy chay).

- Một nguyên nhân khác của BLHGĐTCSG là việc học sinh *không tuân theo các chuẩn mực giới thông thường*. Khi được hỏi về những yếu tố thúc đẩy việc gây ra bạo lực, thì có 12,9% cho rằng các nạn nhân mà bị họ bạo lực là vì những người này đã có thể hiện về giới cũng như xu hướng tính dục không tuân theo mong đợi (VD nam nhưng ăn mặc, nói năng, cử chỉ điệu bộ giống nữ; người chuyển giới).

- *Vị trí xã hội của trẻ em gái/phụ nữ thấp*, cũng là một nguyên nhân của bạo lực và xâm hại. Việc phụ nữ và trẻ em gái ít được trao quyền bình đẳng, cộng với vị trí thấp hơn trong gia đình và xã hội, khiến họ thường phải chấp nhận/chịu bị QR/XHTD và các hình thức bạo lực khác. Bên cạnh đó, cơ thể của các em gái và phụ nữ trẻ thường bị coi là đối tượng tình dục dễ bình phẩm hay động chạm cũng làm gia tăng vấn nạn QR/XHTD và bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái.

- *Sự hạn chế của pháp luật*, thể hiện ở việc thiếu những quy định phù hợp và chế tài cụ thể, nhất là những quy định về quấy rối tình dục và xâm hại tình dục; cộng với việc thực thi pháp luật chưa nghiêm; làm ảnh hưởng đến hiệu quả ngăn chặn và đẩy lùi nạn bạo lực giới, quấy rối và xâm hại tình dục trẻ em; trong đó có nạn BLHGĐTCSG.

- *Các nguyên nhân khác* của bạo lực/xâm hại cũng được đề cập như: đặc điểm tâm sinh lý của tuổi dậy thì, sự cần thiết phải khẳng định bản thân giữa các bạn đồng trang

<sup>53</sup> Vũ Thành Long, Vũ Thị Thanh Nhân (2012). Nam tính và bạo hành đối với phụ nữ. Nghiên cứu được thực hiện theo yêu cầu của Tổ chức Hoà bình và Phát triển (PYD). Trang 53

lúa; một số học sinh có hoàn cảnh gia đình nghèo, người dân tộc thiểu số, từ nông thôn đến thành phố để học hoặc có kiểu phát âm tiếng địa phương khác nhau, cũng thường là mục tiêu của sự châm chọc, kỳ thị. Ngoài ra, phương pháp dạy con/dạy trò theo truyền thống của người Việt “Thương cho roi cho vọt, ghét cho ngọt, cho bùi” hoặc sự trải nghiệm bạo lực của cha mẹ/thầy cô khi còn nhỏ hay áp lực về kinh tế cuộc sống và điểm số học tập của cha mẹ/thầy cô lên học trò/con em,... cũng là những nguyên nhân của BLHĐTCSG.

#### **4. QUY TRÌNH XỬ LÝ CÁC TÌNH HUỐNG BLHĐTCSG VÀ KỸ NĂNG HỖ TRỢ, XỬ LÝ BẠO LỰC GIỚI CỦA GVCN**

##### **4.1. Quy trình xử lý chính thức khi được báo cáo có ca bạo lực/xâm hại**

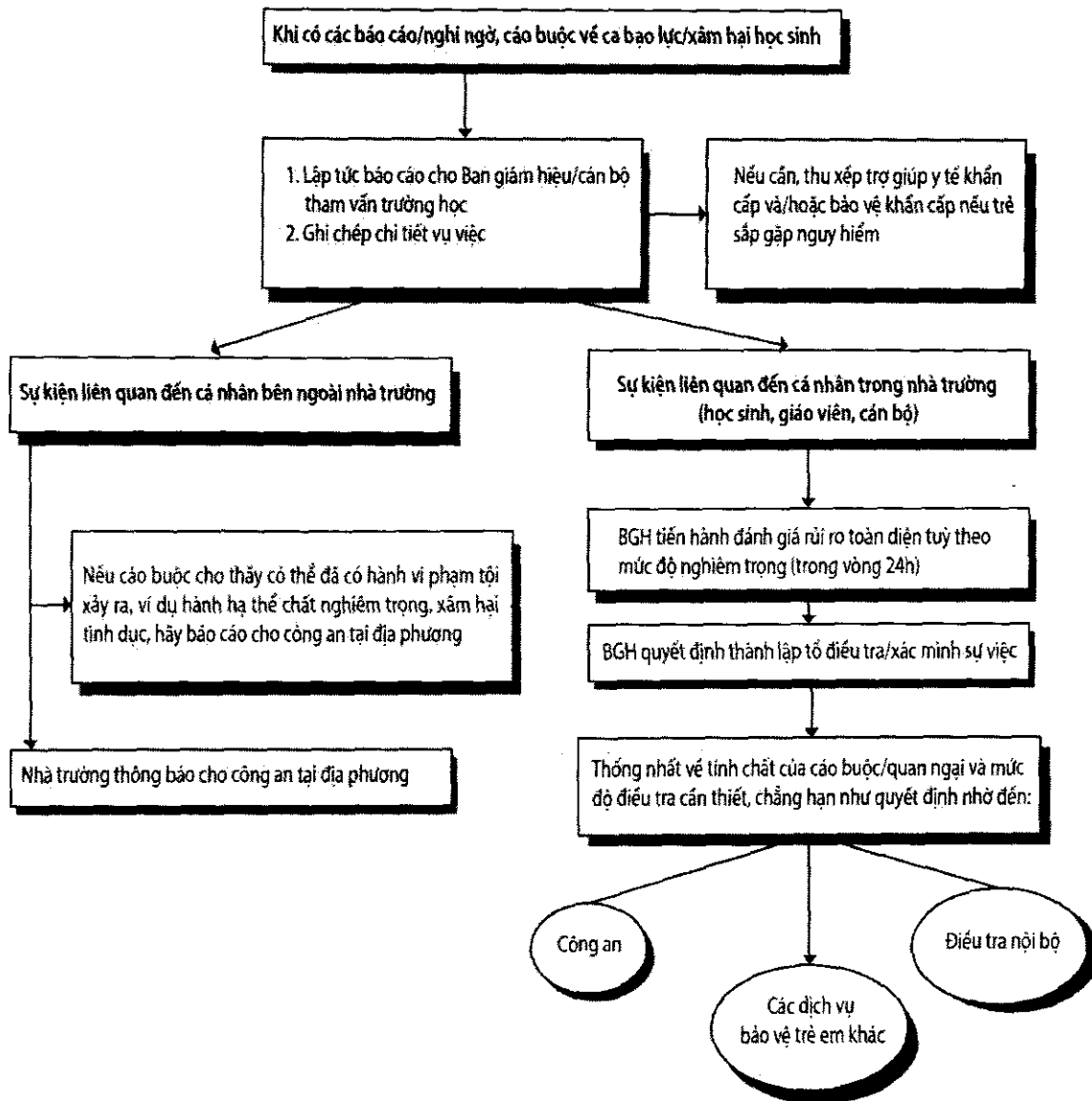
Trước hết, để xử lý hiệu quả các ca BLHĐTCSG, thì nhà trường cần phải xây dựng và triệt để thực hiện các nguyên tắc: hành động ngay lập tức, không được chậm trễ; đảm bảo giữ kín thông tin về trẻ và các bên liên quan (chỉ những người có trách nhiệm mới được thông báo); đảm bảo an toàn cho trẻ; đảm bảo những người có liên quan phải nắm bắt được thông tin để phối hợp hành động; và mọi quyết định đều phải vì lợi ích của trẻ và an toàn cho trẻ.

Khi có BLHĐTCSG xảy ra, cần một quy trình và các cơ chế có sẵn, để thực hiện, rõ ràng và an toàn để báo cáo sự việc, hỗ trợ các nạn nhân và thông tin sự việc tới các cơ quan chức năng có liên quan. Cần có một cơ chế báo cáo có tính bảo mật, nhạy cảm đối với các vấn đề của trẻ em, đồng thời phải bảo đảm mỗi cán bộ, nhân viên, GV trong trường, đặc biệt là GVCN (người gần gũi nhất với HS) nắm rõ tình hình và tự động áp dụng qui trình báo cáo đó khi có vụ việc bạo lực xảy ra. Do vậy, mọi thành viên nhà trường từ lãnh đạo đến cán bộ, giáo viên và học sinh đều phải được biết, được tập huấn/giới thiệu về một qui trình như vậy để sẵn sàng áp dụng khi cần.

GVCN có thể tham khảo qui trình xử lý sau đây đối với các tình huống BLHĐTCSG<sup>54</sup>:

<sup>54</sup> Plan quốc tế tại Việt Nam (2014), trích dẫn từ “Khuyến nghị dành cho GVCN, GV làm công tác tư vấn cho HS và BGH các trường phổ thông về phòng chống BLHĐTCSG”, UNESCO, 2017

**QUY TRÌNH BÁO CÁO VẤN ĐỀ BẢO VỆ TRẺ EM TRONG TRƯỜNG HỌC**



Lưu ý đối với GV và nhà trường khi áp dụng quy trình xử lý BLHĐTCSG:

- Ngay sau khi có báo cáo sơ bộ, BGH cùng GVCN sẽ tiến hành đánh giá nhanh để quyết định về tính chất nghiêm trọng của vụ việc, từ đó xác định các bước tiếp theo.
- Trong thời gian này (và trong cả quá trình điều tra vụ việc), điều vô cùng quan trọng là bất cứ nhu cầu khẩn cấp nào của HS như hỗ trợ về y tế, tâm lý cần được đáp ứng và/hoặc cần được chuyển cho các cơ quan có chuyên môn nếu có thể



- Nếu cần phải thực hiện việc phỏng vấn trực tiếp HS, hoặc có yêu cầu lấy lời khai của trẻ từ cơ quan công an, nhất thiết phải có sự giám hộ và chứng kiến của đại diện gia đình trẻ (nếu HS chưa đủ 18 tuổi).

#### *Hai cách ứng phó của nhà trường khi xảy ra các vụ việc bạo lực/xâm hại HS*

Trong trường hợp, các ca bạo lực/xâm hại liên quan đến giáo viên, HS, nhân viên của trường, BGH sẽ quyết định điều tra, xử lý nội bộ hoặc phải báo cáo sự việc với cơ quan chức năng để tham gia vào quá trình điều tra, giải quyết nếu thấy cần thiết.

#### *Cách 1: Điều tra và báo cáo nội bộ*

Khi điều tra nội bộ được thực hiện, quá trình này cần phải được thực hiện minh bạch và công tâm nhất có thể. Đại diện BGH hoặc GVCN có thể được chỉ định để thu thập thông tin. Nếu cần có thể có thêm sự hỗ trợ của Phòng giáo dục hoặc Sở giáo dục trong quá trình này.

**Lưu ý:** Người được chỉ định điều tra thông tin cần đảm bảo rằng học sinh là nạn nhân không tiếp tục bị tổn thương thêm trong quá trình điều tra, thu thập thông tin. Quá trình này cần được chuẩn bị với các biện pháp bảo vệ cần thiết cho học sinh, gia đình HS (nếu cần) và có thể cần có sự hỗ trợ của chuyên gia tâm lý hoặc cán bộ y tế.

#### *Cách 2: Báo cáo các cơ quan chức năng*

BGH (có thể tham vấn Phòng giáo dục hoặc Sở giáo dục) để ra quyết định trong việc có báo cáo sự việc với các cơ quan chức năng ngoài ngành không (như công an, cơ quan bảo vệ trẻ em, Hội phụ nữ, UBND,...).

Khi quyết định là sẽ báo cáo với cơ quan chức năng, BGH cần chuẩn bị một công văn/báo cáo bằng văn bản sự việc diễn ra. Công văn báo cáo này cần đồng kính gửi Phòng giáo dục/Sở giáo dục. Báo cáo về vụ việc cần:

1. Nêu cụ thể “Nhà trường báo cáo sự việc này đến ..... (cơ quan công an) và mong muốn sự việc được điều tra và đảm bảo tính bí mật hoàn toàn
2. Nêu rõ lý do về việc cần báo cáo (trách nhiệm của nhà trường)
3. Nếu có thể, viết rõ thông tin về sự việc đã xảy ra dựa trên các thông tin của báo cáo sơ bộ và quá trình điều tra nội bộ.
4. Nêu rõ các bước mà nhà trường đã làm đối với vụ việc xảy ra
5. Nêu rõ người liên hệ của nhà trường cho vụ việc này
6. Yêu cầu cho nhà trường được biết các quyết định của cơ quan chức năng sau
7. khi nhận được báo cáo cũng như sự phối kết hợp của nhà trường trong việc

dảm bảo an toàn cho HS đã báo cáo.

BGH cần theo dõi xem sau khi báo cáo. Cơ quan chức năng có các hành động cụ thể gì đối với vụ việc và HS đã được giúp đỡ như thế nào. Bên cạnh đó, nhà trường, GVCN/Cán bộ tham vấn cũng có trách nhiệm thông báo với HS và gia đình HS về việc báo cáo chính thức này.

#### **4.2. Kỹ năng trợ giúp và xử lý bạo lực giới của GVCN<sup>55</sup>**

##### **a. Kỹ năng nhận diện, phát hiện các trường hợp học sinh bị bạo lực giới**

Việc phát hiện các trường hợp học sinh bị BLG trong trường học thường dựa vào hai phương pháp chính là điều tra (investigate) và thú nhận (confession). Theo phương pháp điều tra, GVCN hoặc nhân viên tâm lý trường học chủ động đặt các câu hỏi đối với học sinh về các hành vi bạo lực có thể đã xảy ra đối với các em. Ngược lại, theo phương pháp thú nhận, GVCN/nhân viên tâm lý trường học chờ HS tiết lộ những hành vi bạo lực mà các em đã hứng chịu. Thông thường, phương pháp điều tra được khuyến khích thực hiện vì:

- Các câu hỏi được đặt ra truyền tới học sinh một thông điệp rằng, các hành vi bạo lực là không bình thường và những nạn nhân bạo lực không đơn độc trong việc chống lại các hành động bạo lực.
- Các câu hỏi được đặt ra chính là những gợi ý để các nạn nhân bạo lực giới có cơ hội để bộc lộ những hành động bạo lực mà các em phải hứng chịu;
- Các câu hỏi (sự hỏi han) có thể được học sinh xem là những chỉ báo quan trọng của sự quan tâm mà GVCN dành cho các em. Điều này có tác động tích cực đối với mối quan hệ giáo viên - học sinh trong nhà trường.
- Các câu hỏi là công cụ phá vỡ những rào cản của sự im lặng, đồng thời khẳng định bạo lực giới không phải là chuyện riêng, là điều cấm kỵ đối với cá nhân, mà là vấn đề cần được mọi người chung sức để giải quyết.

Điều tra tìm hiểu về BLHĐTCSG có thể được tiến hành khi GVCN nhận thấy những dấu hiệu bạo lực/xâm hại đối với học sinh, hoặc cũng có thể được tiến hành định kỳ đối với lớp học, hoặc nhóm học sinh ngẫu nhiên trong lớp. Mỗi cách này đều có những ưu điểm riêng (ví dụ, điều tra khi đã nhận thấy các dấu hiệu bạo lực thường dễ dàng hơn vì các câu hỏi đặt ra có cơ sở là các dấu hiệu cụ thể; điều tra định kỳ có thể giúp phát hiện sớm các trường hợp bạo lực, vì nhiều trường hợp học sinh bị bạo lực, nhưng lại không ý thức được điều này), giáo viên có thể suy xét và lựa chọn cách phù hợp đối với cá nhân mình cũng như tình hình lớp học.

Do những khác biệt về tính cách, kinh nghiệm sống, môi trường sống và quan hệ với người gây bạo lực, mỗi học sinh đều có những phản ứng và cách đối phó khác nhau đối

<sup>55</sup> Plan Việt Nam, 2018. Tài liệu đã dẫn. Dựa theo tài liệu từ trang 243-248

với hành vi BLG. Vì vậy, rất khó để có thể phác họa rõ nét chân dung của những học sinh bị bạo lực, cũng như những kẻ gây bạo lực. Tuy nhiên, những ví dụ dưới đây cho thấy có những phản ứng, những dấu hiệu thường được gắn với các trải nghiệm BLG.

➤ *Ví dụ: Dấu hiệu của người bị BLG:*

- Sợ một người nào đó (mức độ có thể chỉ đơn thuần là khó chịu, lo lắng, song cũng có thể là tỏ ra kinh hãi khi nói đến, hoặc tiếp xúc với người đó).
- Phản ứng thái quá đối với những thứ, hoặc những việc bình thường không đáng sợ hãi. Ví dụ, tỏ ra quá lo sợ khi gọi điện về nhà, hoặc khi về muộn.
- Có những dấu hiệu thương tích rõ ràng, nhưng không được giải thích hợp lý.
- Không tự quyết định dù chỉ là những việc nhỏ nhặt, giản đơn.
- Tỏ ra căng thẳng, nhưng lại không biết căn nguyên của những căng thẳng đó.
- Có những hành vi thể hiện phản ứng với bạo lực, như dễ khóc, thái độ phòng vệ, hung hăng, ngại nói chuyện khi một người nào đó ở bên...
- Cảm thấy bế tắc, không lối thoát; có ý định tự tử/tự sát.

➤ *Dấu hiệu của người gây BLG:*

- Ghen tuông quá mức, thường bày tỏ thái độ sở hữu ai đó một cách bất bình thường.
- Nói thay hoặc không để người kia được nói khi tiếp xúc với GVCN/chuyên gia;
- Khăng khăng đòi duy trì quan hệ gần gũi, mật thiết với người kia;
- Có tỏ ra mình rất quan tâm đến người kia.

Mỗi phương pháp phát hiện BLG đều có thể gặp phải những trở ngại nhất định, đòi hỏi GVCN/người tư vấn học đường cần ý thức rõ để sử dụng các phương pháp hiệu quả. Trước hết, GVCN thường gặp phải một số yếu tố trở ngại dưới đây khi đặt ra các câu hỏi (tra vấn) như:

- Hạn chế về hiểu biết và kinh nghiệm liên quan đến các vấn đề BLG/XHTD;
- Thiếu thời gian;
- Hạn chế về kỹ năng đặt câu hỏi;
- E ngại việc đụng chạm đời tư của người khác;
- Coi bạo lực giới là chuyện cá nhân của học sinh và gia đình;
- Không cảm thấy thoải mái khi tiếp xúc với người bị BLG/người gây ra bạo lực;
- Sợ bị trả thù;
- Thất vọng vì không biết cách giải quyết vấn đề.

Mặt khác, trong nhiều trường hợp học sinh là nạn nhân BLG, không muốn tiết lộ hoặc thú nhận điều này nhất là liên quan đến vấn đề QR/XHTD vì rất nhiều những trở ngại cả về khách quan và chủ quan mà GVCN cần phải biết để nhận diện các trường học HS bị BLG hiệu quả hơn:

➤ *Trở ngại khách quan:*

- Dư luận xã hội (cho rằng gây tiếng xấu hoặc bị dị nghị, kỳ thị) xung quanh những cá nhân bị BLG/XHTD;
- Bị đe dọa bởi kẻ gây bạo lực;
- Thất vọng vì đã từng bày tỏ, nhưng lại không được giúp đỡ, chia sẻ;
- Pháp luật không nghiêm, xã hội làm nger hoặc dung túng những hành vi BLG;
- Không sẵn có các dịch vụ hỗ trợ.

➤ *Trở ngại chủ quan:*

- Cho rằng hành vi BLG là bình thường;
- Cho rằng mình đáng bị đối xử như vậy;
- Lo sợ hậu quả của việc tiết lộ;
- Không biết mình đang bị quấy rối/xâm hại;
- Sợ thầy cô/người khác không tin mình;
- Không biết phải diễn tả các hành động bạo lực bằng từ ngữ như thế nào;
- Không biết liệu GVCN/nhân viên trường học có thể giúp mình không;
- Sợ bị cắt nguồn hỗ trợ tài chính từ kẻ bị tố cáo;
- Cảm giác xấu hổ;
- Không đủ tự tin để tiết lộ;

**b. Kỹ năng phỏng vấn trực tiếp**

Phỏng vấn trực tiếp là đòi hỏi bắt buộc trong việc xác định các trường hợp học sinh bị BLG. Quá trình này đòi hỏi giáo viên phải có những chuẩn bị nhất định, biết cách mở đầu và dẫn dắt quá trình và phải có những kỹ năng nhất định để tiến hành phỏng vấn hiệu quả.

➤ *Chuẩn bị phỏng vấn:*

- Lựa chọn địa điểm tạo cảm giác an toàn cho trẻ
- Nên để sẵn các tài liệu, sách hoặc tờ rơi về bạo lực giới ở phòng chờ;
- Nên tiến hành phỏng vấn riêng với cá nhân học sinh (yêu cầu người đi cùng, nếu có, ngồi đợi bên ngoài);
- Giành đủ thời gian để phỏng vấn;
- Không nên tiến hành phỏng vấn khi (i) không thể trao đổi cá nhân hoặc không có môi trường phù hợp để trao đổi cá nhân với học sinh, hoặc (ii) lo ngại việc đánh giá tình huống có thể gây nguy hiểm cho bản thân học sinh hoặc người khác.

➤ *Mở đầu phỏng vấn:*

- Cần giới thiệu các nguyên tắc khi làm việc với trẻ: bảo mật thông tin, quyền cung cấp thông tin, giới thiệu về bản thân, thời gian, mục tiêu của buổi phỏng vấn
- Nên bắt đầu với những câu hỏi mở cho phép học sinh tự do trả lời theo cách của mình. Nếu câu trả lời cho thấy những dấu hiệu học sinh bị QR/XHTD hoặc bị bạo lực, giáo viên cần tiếp tục với những câu hỏi cụ thể để làm rõ vấn đề.

- Một số câu hỏi chung GVCN có thể hỏi khi bắt đầu phỏng vấn, như: “Điều gì sẽ xảy ra khi em có mâu thuẫn hoặc bất đồng với bạn/cha mẹ?”; “Em có cảm thấy gần đây mình có những thay đổi đáng kể nào đó về thói quen, ăn ngủ hoặc vui chơi?”; “Em có cảm thấy sợ hãi ai đó?”; “Đôi khi cô/thầy thấy có người đánh mắng hoặc đe dọa những người mà họ yêu quý. Em đã từng gặp ai đó như vậy chưa?”.
- Sau những câu có tính giới thiệu, nên đặt những câu hỏi trực tiếp. Ví dụ: “Em có từng bị ai đó đánh đập/đe dọa?”; “em có cảm thấy sợ hãi ai đó sẽ đánh đập, thậm chí đe dọa sẽ giết em?”

#### *Những lưu ý khi đặt câu hỏi:*

- Nên hỏi về những hành vi cụ thể, tránh những câu hỏi chung chung.
- Sử dụng từ ngữ đời thường, tránh những từ chuyên môn;
- Tránh sử dụng các cụm từ như: bạo lực; lạm dụng; hành hạ...
- Hỏi về nhiều loại bạo lực khác nhau, ví dụ: thương tích, sợ hãi, tình dục...
- Hỏi về các vấn đề trong quan hệ hiện tại và trong quá khứ.
- Tránh những câu hỏi tại sao, nên tập trung câu hỏi về các sự việc xảy ra theo trật tự thời gian. Ví dụ: thay vì hỏi “tại sao bạn ấy đánh em?”, giáo viên nên hỏi “em đã làm gì trước đó khiến bạn ấy đánh em?”

#### *Những kỹ năng cần thiết để phỏng vấn:*

- Chia sẻ cảm xúc: ngữ điệu, cường độ và nhịp độ lời nói; ánh mắt, tư thế, biểu cảm khuôn mặt... tất cả phải thể hiện sự quan tâm chia sẻ và đồng cảm với học sinh;
- Lắng nghe: Chú ý nghe, đồng thời bày tỏ thái độ chia sẻ, quan tâm và ủng hộ đối với học sinh. Tránh ngắt lời, phán xét học sinh, lãng mạ kẻ gây bạo lực; hỏi những câu mà học sinh đã trả lời; lên mặt đạo đức, hứa hẹn, so sánh...
- Nghe chủ động: sử dụng các kỹ thuật nghe chủ động như tóm lược, trích lược để khẳng định/kiểm định thông tin.
- Tôn trọng khoảng lặng: cho học sinh đủ thời gian tĩnh lặng để kìm nén cảm xúc, suy nghĩ và phá vỡ sự e ngại. Sử dụng những câu thể hiện sự đồng cảm, chia sẻ. Ví dụ: “cô/thầy rất hiểu những cảm nhận của em”; “cô/thầy hiểu điều này rất khó ...”;
- Để ý những biểu đạt phi ngôn ngữ: chú ý quan sát ánh mắt, nét mặt và cử động của học sinh (vd, để ý xem học sinh có ánh mắt dò xét xem có ai đó xung quanh). Đặt những câu hỏi thăm dò có tính suy đoán trên cơ sở những biểu hiện phi ngôn ngữ của học sinh (vd, cô/thầy thấy em đang rất buồn và lo lắng. Điều gì khiến em buồn và lo lắng vậy?).
- Đồng cảm: cảm nhận, thấu hiểu và chia sẻ những cảm xúc của học sinh.

Bảo mật thông tin là yêu cầu tối quan trọng đối với các trường hợp BLG, nhất là các trường hợp bị XHTD. GVCN phải đảm bảo mọi thông tin về học sinh, cũng như những thông tin các em chia sẻ không được tiết lộ với người thứ ba để đảm bảo cuộc sống cá

nhân và danh dự của học sinh; để ngăn chặn việc sử dụng thông tin sai mục đích và để khuyến khích học sinh bày tỏ, chia sẻ. Tuy nhiên, nếu giáo viên cảm thấy học sinh có nguy cơ cao đối với những hành vi tự làm đau, tự hủy hoại hoặc tự sát, các thông tin có thể được tiết lộ với những người liên quan để ngăn chặn hành vi và đảm bảo sự an toàn cho học sinh (quyết định này cần phải được chia sẻ trước với nạn nhân).

### ***c. Hỗ trợ các trường hợp học sinh bị BLG/XHTD***

Trước hết, nếu có trường hợp học sinh bị BLG/XHTD GVCN cần thực hiện ngay sự hỗ trợ khẩn cấp về tâm lý, về thủ tục pháp lý hoặc hỗ trợ kết nối các dịch vụ như y tế, chính sách,...

An toàn, bảo mật và tôn trọng là ba nguyên tắc cơ bản trong hỗ trợ những trường hợp học sinh bị BLG/XHTD. Thông thường, sự an toàn của học sinh cần được bảo đảm bằng một nơi an toàn và một kế hoạch an toàn hợp lý đối các em. Sự bảo mật có thể được duy trì bằng cách lưu giữ thông tin cá nhân về học sinh ở một nơi an toàn, từ chối tiết lộ thông tin đối với bất cứ ai không liên quan. Sự tôn trọng đối với học sinh có thể được thể hiện ở việc lựa chọn nơi phỏng vấn, sự lắng nghe, cách đặt câu hỏi, sự kiên nhẫn, đồng cảm, khách quan trong quá trình tiếp xúc, phỏng vấn.

Trong nhiều trường hợp, học sinh bị bạo lực có thể sử dụng các cơ chế giải quyết vấn đề không phù hợp, gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của các em; đồng thời cũng có thể khiến những đánh giá về mức độ bạo lực đối với các em trở nên khó khăn. Vì vậy, GVCN cần hiểu những cơ chế này để đánh giá đúng mức độ bạo lực và để có những hỗ trợ phù hợp và kịp thời đối với học sinh. Các cơ chế cần lưu ý có thể là:

- **Phủ nhận:** Học sinh bị hành hung, các vết tích rõ ràng. Tuy nhiên, học sinh lại tự bảo mình rằng bạo lực chưa hề xảy ra; rằng những vết bầm tím này chẳng đáng kể gì; rằng kẻ hành hung chưa hề đánh mình, đó chỉ là sự tức giận.
- **Giảm nhẹ:** Học sinh bị hành hung, song lại cho rằng sự hành hung đó không hẳn là bạo lực; bạo lực phải nghiêm trọng hơn thế nhiều; hoặc người kia chỉ đánh mình khi tức giận...

GVCN cũng cần lưu ý những yếu tố có thể làm tăng mức độ bạo lực để đánh giá đúng nguy cơ và có biện pháp hỗ trợ phù hợp đối với các trường hợp bị bạo lực. Thông thường, các dấu hiệu sau đây cho thấy sự xuất hiện của yếu tố làm tăng mức độ bạo lực:

- Người bị bạo lực đe dọa hoặc cố gắng chấm dứt/Thoát khỏi quan hệ với kẻ gây bạo lực;
- Kẻ gây bạo lực cảm thấy sự kiểm soát của mình đối với nạn nhân đang bị đe dọa;
- Kẻ gây bạo lực thất nghiệp hoặc bỏ học;
- Nạn nhân từng có tiền sử bị bạo lực;
- Bạo lực có liên quan đến sử dụng vũ khí, dọa giết hoặc tự sát;

- Kẻ gây bạo lực có liên quan đến chất gây nghiện hoặc tiền sử mắc bệnh tâm lý;
- Kẻ gây bạo lực quá ghen tuông;
- Bạo lực liên quan đến cưỡng dâm, hoặc đe dọa cưỡng hiếp;

Các hành vi bạo lực thường diễn tiến theo một trật tự xác định về mức độ bạo lực. GVCN cần lưu ý trật tự này để có thể dự đoán nguy cơ bạo lực tiếp theo nhằm hỗ trợ học sinh một cách hợp lý và hiệu quả nhất. Ví dụ, các hành vi bạo lực thể chất thường được sắp xếp với mức độ tăng dần: từ đấm, xô đẩy, ném đồ, đến tát, đá mạnh, bóp cổ, đánh đập, tiến tới đe dọa bằng vũ khí và thực sự sử dụng vũ khí để hành hung người khác.

Trong kế hoạch an toàn được lập cho học sinh, giáo viên cần làm rõ mục tiêu an toàn cần đảm bảo và những nguồn lực đảm bảo an toàn trên cơ sở những yêu cầu thực tế của mức độ bạo lực và hoàn cảnh của học sinh. Cần làm rõ với học sinh những nơi nguy cơ cao mà các em cần tránh, những người có thể trực tiếp trợ giúp các em; những nơi an toàn đối với các em trong trường hợp bạo lực xảy ra; và các phương án tự giải thoát trong trường hợp bạo lực.

*Một số điều GVCN cần lưu ý khi tiến hành những trợ giúp tâm lý đối với học sinh*

*bị BLG/XHTD:*

- Ngồi tự nhiên, yên lặng, tránh ngắt lời nạn nhân;
- Tập trung chú ý và lắng nghe tích cực;
- Duy trì tương tác bằng ánh mắt và những biểu đạt phi ngôn ngữ khác;
- Tránh bày tỏ quan điểm cá nhân về sự cố xảy ra;
- Tránh đổ lỗi cho nạn nhân về những gì đã xảy ra.

Để tránh cảm giác xấu hổ, tội lỗi ở học sinh, khi tiến hành trợ giúp, GVCN có thể sử dụng các câu chia sẻ, như “Không ai trong chúng ta đáng bị đối xử theo cách này...”; “bất luận em làm gì, bạn ấy cũng sẽ tìm lý do để...”.

Để động viên học sinh trong quá trình tiến hành các trợ giúp, GVCN có thể sử dụng các lời nói như: “Em đã rất can đảm, thầy/cô tin là em có thể...”; “Em đang phải đối mặt với một vấn đề hết sức khó khăn, và em đã rất cố gắng để...”; “em đã tỏ ra hết sức mạnh mẽ trong tình huống hết sức khó khăn này”.

Nếu nhận thấy cần có những hỗ trợ từ các chuyên gia đối với học sinh là cần thiết, GVCN phải có trách nhiệm chuyển trường hợp học sinh bị bạo lực/xâm hại cho các chuyên gia (vd, nhân viên tâm lý, công tác xã hội, y tế...). GVCN cần xác định được toàn bộ những hỗ trợ cần thiết đối với trường hợp của học sinh và các nguồn cung cấp những hỗ trợ này; GVCN cũng cần suy xét thận trọng và cần giải thích cho học sinh tại sao các em lại cần đến những nguồn hỗ trợ khác; và cuối cùng, GVCN cần nhấn mạnh với học sinh rằng, mọi điều các em chia sẻ sẽ được giữ bí mật, không chia sẻ với người thứ 3 nếu không được sự cho phép của các em.

## C. THÔNGIỆP/KẾT LUẬN PHẦN II

- ⊙ Bạo lực giới xuất hiện không chỉ trong gia đình, xã hội mà ngày càng phổ biến trong cả môi trường học đường. Có nhiều hình thức khác nhau của BLHĐTCSG: bạo lực thể chất, bạo lực (bằng) lời nói, bạo lực tâm lý/xã hội, và bạo lực tình dục.
- ⊙ BLHĐTCSG không phải chỉ là các hình thức bạo lực trong khuôn viên nhà trường, mà còn là bạo lực xảy ra ở những không gian có liên quan đến nhà trường, như: xung quanh trường, trên đường từ nhà đến trường/ từ trường về nhà...
- ⊙ Với các mức độ khác nhau, HS nam, HS nữ, và HS LGBT đều có thể trở thành nạn nhân của các loại BLHĐTCSG, tác động tiêu cực đến sự phát triển sức khỏe thể chất, tinh thần, xã hội và kết quả học tập của các em.
- ⊙ Nguyên nhân chính của BLHĐTCSG là ảnh hưởng của các khuôn mẫu, định kiến giới, sự phân biệt đối xử giữa nam-nữ, sự quá coi trọng nam tính và hạ thấp nữ tính.
- ⊙ Mỗi nhà trường cần có sẵn và áp dụng một qui trình cụ thể về báo cáo, can thiệp xử lý các hành vi BLHĐTCSG để bảo vệ mọi trẻ em, trong đó luôn coi trọng nguyên tắc đặt lợi ích và sự an toàn của trẻ lên hàng đầu.
- ⊙ GV, cán bộ nhà trường và đặc biệt là GVCN có thể phòng ngừa và ứng phó với BLHĐTCSG thông qua nhiều biện pháp, cách thức khác nhau, tùy thuộc vào bối cảnh xảy ra bạo lực, đặc điểm HS, mức độ nghiêm trọng của vụ việc...



## D. BÀI TẬP/CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

*Khoanh vào chữ cái trước câu bạn cho là đúng:*

**1. Điều nào dưới đây là ví dụ về bạo lực học đường trên cơ sở giới về thể chất?**

- A. Một em trai trêu chọc một em gái vì quá ồn ào
- B. Một em gái không nói chuyện với một em gái khác vì bạn kia con nhà nghèo
- C. Một em trai xô ngã một em trai khác vì lý do em trai đó là 'trông như pê-đê'
- D. Một nhóm học sinh huýt sáo một em gái là học sinh mới khi em vào trường

**2. Điều nào dưới đây là ví dụ về bạo lực học đường trên cơ sở giới về tình dục?**

- A. Một giáo viên nói một học sinh nữ là sẽ không bao giờ vào được đại học vì chỉ con trai mới vào được
- B. Một học sinh nam theo một em gái vào phòng vệ sinh và bình luận cơ thể em gái đó thay đổi và hấp dẫn như thế nào
- C. Một em gái ăn trộm dây chuyền của một em gái khác
- D. Một em gái đẩy một em trai sau khi em trai đó bảo em gái đó xấu

**3. Điều nào dưới đây là ví dụ về bạo lực học đường trên cơ sở giới về tinh thần?**

- A. Nhiều bạn gái trong lớp tẩy chay một bạn nữ chỉ vì bạn này được nhiều bạn trai lớp khác mến mộ, yêu quý
- B. Một tài xế taxi gạt gẫm dối tình để chở nữ sinh đi học miễn phí
- C. Một bạn nam thường xuyên gửi đường link các phim có nội dung không lành mạnh cho một bạn gái.
- D. Hai em trai đánh nhau vì cùng thích một em gái

**4. Điều nào dưới đây là ví dụ về bạo lực học đường trên cơ sở giới về kinh tế?**

- A. Một HS lớp lớn hơn rủ rê bạn lớp bé đi cày game để kiếm tiền trên mạng
- B. Một nhóm HS thường trún lột tiền tiêu vặt của một nam sinh trong khối, vì cho rằng bạn này éo lá như con gái, 'nhìn ngứa cả mắt'.
- C. Bạn nữ than phiền về bạn trai mình với nhiều người chỉ vì bạn nam kia đề nghị mình cùng chia tiền hóa đơn khi đi ăn chung.
- D. Một nhóm bạn nữ xô xát vì mâu thuẫn trong khi làm nhiệm vụ trực nhật lớp.

**5. Điều nào dưới đây không đúng?**

- A. Kẻ đi xâm hại tình dục người khác có thể là bất kỳ ai
- B. Quấy rối tình dục trẻ em là một hình thức bạo lực giới
- C. GVCN có thể là chỗ dựa tin cậy khi HS bị quấy rối, xâm hại tình dục

D. Đôi khi người bị xâm hại tình dục cũng có lỗi, khi ăn mặc thiếu ý tứ

**6. Điều nào dưới đây giáo viên không nên nói khi học sinh báo cáo một vụ việc bạo lực?**

A. Thầy/cô muốn giúp em

B. Em có thể nói cho thầy/cô thêm về sự việc xảy ra không?

C. Thầy/cô không muốn nghe về điều này một lần nào nữa

D. Trường chúng ta muốn chấm dứt những điều như vậy

**7. Ý nào không phải là nguyên nhân của BLHĐTCSG?**

A. Gây bạo lực vì muốn khẳng định nam tính

B. Do các định kiến giới, sự phân biệt đối xử về giới

C. Bạo lực giới có nguồn gốc từ sự đề cao nữ tính, nữ quyền

D. Bị bạo lực vì không tuân theo các chuẩn mực giới thông thường

**8. Điều nào sau đây không có trong qui trình báo cáo, xử lý các vấn đề liên quan đến bảo vệ trẻ em trong trường học:**

A. Ghi chép chi tiết về vụ việc

B. Trợ giúp y tế khẩn cấp cho HS, nếu cần

C. BGH thành lập tổ điều tra, xác minh sự việc

D. BGH giao GVCN toàn quyền điều tra, xác minh, xử lý nội bộ vụ việc.

## **PHẦN III. LỒNG GHÉP GIỚI TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ, GIÁO DỤC HỌC SINH CỦA GVCN Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**

### **A. MỤC TIÊU**

Kết thúc phần này, người học có khả năng:

- Hiểu được ý nghĩa, sự cần thiết của việc giáo dục bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới trong trường học.
- Nhận diện được các khuôn mẫu/định kiến giới, sự phân biệt đối xử về giới trong từng nội dung quản lý, giáo dục học sinh để có biện pháp đáp ứng giới phù hợp.
- Xác định được trách nhiệm và bước đầu vận dụng được một số kỹ năng, cách thức lồng ghép giới trong quản lý, giáo dục học sinh của GVCN; nhằm xây dựng môi trường lớp học/trường học an toàn, thân thiện và bình đẳng; thúc đẩy sự phát triển toàn diện của mỗi học sinh; góp phần xây dựng nhà trường và xã hội phát triển bền vững.

### **B. CÁC NỘI DUNG**

#### **1. VAI TRÒ, NHIỆM VỤ CỦA GVCN VÀ SỰ CẦN THIẾT PHẢI LGG TRONG QUẢN LÝ, GIÁO DỤC HỌC SINH Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**

##### **1.1. Vị trí, vai trò và nhiệm vụ của GVCN ở trường THPT**

Giáo viên chủ nhiệm có vị trí vô cùng quan trọng trong trường THPT: Là cầu nối giữa gia đình- nhà trường - xã hội; Là người thừa lệnh Hiệu trưởng – Ban giám hiệu quản lý, giáo dục học sinh của một lớp học; là người luôn gần gũi, quan tâm và có tầm ảnh hưởng quan trọng tới nhân cách, kết quả giáo dục của học sinh.

Vai trò của GVCN trong trường THPT: Trước hết, là người chịu trách nhiệm trước nhà trường về mọi hoạt động của lớp mà giáo viên đó được phân công làm chủ nhiệm. Thứ hai, là người điều phối, hướng dẫn mọi hoạt động của lớp. Thứ ba, là người đại diện của lớp trong các mối quan hệ với gia đình, nhà trường, xã hội và các tổ chức đoàn thể. Thứ tư, là người truyền thụ kiến thức và giúp học sinh rèn luyện để hình thành và phát triển nhân cách.

Nhiệm vụ của giáo viên trường THPT: ngoài các nhiệm vụ của GV bộ môn (như dạy học theo qui định của chương trình, kế hoạch giảng dạy; tham gia công tác phổ cập ở địa phương; rèn luyện đạo đức, học tập văn hóa, bồi dưỡng chuyên môn; thực hiện điều lệ

nhà trường; giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo), giáo viên chủ nhiệm còn có những nhiệm vụ sau đây<sup>56</sup>:

- *Xây dựng kế hoạch các hoạt động giáo dục thể hiện rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục bảo đảm tính khả thi, phù hợp với đặc điểm học sinh, với hoàn cảnh và điều kiện thực tế nhằm thúc đẩy sự tiến bộ của cả lớp và của từng học sinh;*
- *Thực hiện các hoạt động giáo dục theo kế hoạch đã xây dựng;*
- *Phối hợp chặt chẽ với gia đình học sinh, với các giáo viên bộ môn, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, các tổ chức xã hội có liên quan trong việc hỗ trợ, giám sát việc học tập, rèn luyện, hướng nghiệp của học sinh lớp mình chủ nhiệm và góp phần huy động các nguồn lực trong cộng đồng phát triển nhà trường;*
- *Nhận xét, đánh giá và xếp loại học sinh cuối kỳ và cuối năm học; đề nghị khen thưởng và kỷ luật học sinh; đề nghị danh sách học sinh được lên lớp thẳng, phải kiểm tra lại, phải rèn luyện thêm về hạnh kiểm trong kỳ nghỉ hè, phải ở lại lớp; hoàn chỉnh việc ghi sổ điểm và học bạ học sinh;*
- *Báo cáo thường kỳ hoặc đột xuất về tình hình của lớp với Hiệu trưởng.*

Giáo viên và GVCN ở các trường phổ thông dân tộc nội trú, ngoài các nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều lệ trường trung học hiện hành, có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- *Chấp hành phân công của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của trường PTDTNT quy định tại Điều 3 của Quy chế này.*
- *Tìm hiểu và giáo dục chủ trương, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước cho học sinh.*
- *Tích cực tìm hiểu văn hóa, ngôn ngữ, phong tục, tập quán và đặc điểm tâm lý học sinh các dân tộc thiểu số ở địa phương.*
- *Vận dụng phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá phù hợp với học sinh PTDTNT; tham gia quản lý, giáo dục học sinh ngoài giờ chính khóa; bồi dưỡng và phụ đạo học sinh; hướng dẫn học sinh tự học; tổ chức các hoạt động lao động và trải nghiệm sáng tạo cho học sinh.*
- *Được bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giáo dục, chăm sóc học sinh PTDTNT và được hưởng các chế độ, chính sách ưu đãi theo quy định của Nhà nước.*

## **1.2. Sự cần thiết phải LGG trong quản lý, giáo dục học sinh ở trường THPT**

Lồng ghép giới đã được quốc tế và Việt Nam công nhận là một biện pháp chiến lược quan trọng để đạt được bình đẳng giới.

<sup>56</sup> Bộ GD&ĐT, 2011. Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT. Ban hành Điều lệ trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học, ngày 28/03/2011. Điều 31, khoản 2. Nhiệm vụ của GVCN

Các quốc gia và nhân loại muốn phát triển thịnh vượng, bền vững đòi hỏi phải có một nguồn nhân lực phát triển có chất lượng cao; để đạt được điều này, đảm bảo bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo là đặc biệt quan trọng. Bởi vì, thúc đẩy bình đẳng giới trong giáo dục là góp phần đào tạo nguồn nhân lực trẻ phát triển toàn diện, đóng góp hiệu quả vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội: chính trị, kinh tế, lao động việc làm, văn hóa, xã hội và gia đình. Do đó, lồng ghép giới trong quản lý, giáo dục học sinh của GVCN ở trường phổ thông được xem như là một giải pháp trước mắt và chiến lược lâu dài để thúc đẩy bình đẳng giới trong nhà trường và xã hội.

Để đạt được mục tiêu này, lồng ghép giới trong công tác quản lý, giáo dục học sinh ở bậc PTTH nói riêng và trong trường học nói chung là hết sức cần thiết bởi những lí do sau:

### ***1.2.1. Xây dựng môi trường giáo dục bình đẳng, an toàn và thân thiện; không có định kiến giới, phân biệt đối xử về giới và bạo lực trên cơ sở giới***

Định kiến giới, phân biệt đối xử về giới vẫn còn tồn tại dai dẳng, là nguyên nhân sâu xa gây nên tình trạng bất bình đẳng giới vào bạo lực trên cơ sở giới ở tất cả các cấp độ của xã hội, trong đó có nhà trường – nơi ươm mầm tri thức và đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cho xã hội.

Bất bình đẳng giới và bạo lực trên cơ sở giới trong trường học không chỉ cản trở nam, nữ học sinh và học sinh LGBT trong việc tiếp cận bình đẳng tới các cơ hội giáo dục và hưởng lợi công bằng một nền giáo dục có chất lượng; mà còn ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách toàn diện của học sinh. Đây được xem là một trong các yếu tố có tác động tiêu cực đến sự phát triển hài hòa và bền vững của một quốc gia.

Lồng ghép giới trong công tác quản lý, giáo dục học sinh của GVCN được coi là một biện pháp hữu hiệu thúc đẩy bình đẳng giới và xây dựng lớp/trường an toàn và thân thiện với mọi học sinh. Cốt lõi của biện pháp này là hình thành một môi trường văn hóa có trách nhiệm giới, tôn trọng sự khác biệt và đa dạng về bản dạng giới, chống phân biệt đối xử về giới. Bởi vì, trong xã hội Việt Nam nói chung và trong môi trường học đường nói riêng, những khuôn mẫu và chuẩn mực giới đã được hình thành và tồn tại từ rất lâu trong nhận thức và quan điểm của nhiều người. Việc đánh giá và nhìn nhận người khác thông qua việc áp đặt các khuôn mẫu giới là điều rất phổ biến. Ví dụ như đàn ông, con trai thì phải “nam tính” - mạnh mẽ, quyết đoán, làm những việc to lớn, có đau buồn thì cũng không nên khóc; còn phụ nữ, con gái thì phải “nữ tính” dịu dàng, nhẫn nhịn, biết chăm sóc người khác, nên làm những công việc gì đó nhẹ nhàng, không cần thiết phải học nhiều quá, không nhất thiết phải giỏi...v.v. . Chính từ những khuôn mẫu giới này, đã hình thành định kiến giới và phân biệt đối xử về giới; khiến bất kì ai, không tuân theo các chuẩn mực/khuôn mẫu giới thường bị lên án hoặc chỉ trích vì được coi là đi ngược lại với mong

đội của xã hội. Đây chính là những nguyên nhân gây nên tình trạng bất bình đẳng giới trong nhà trường nói riêng và trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Cũng chính vì lý do nói trên, bất bình đẳng giới và bạo lực trên cơ sở giới trong trường học được xem là hệ quả của định kiến giới và sự phân biệt đối xử về giới.

Nhằm giảm thiểu và tiến tới xóa bỏ bất bình đẳng giới và bạo lực trên cơ sở giới trong trường học nói chung và ở bậc PTTH nói riêng, việc cung cấp các thông tin, truyền thông để thay đổi nhận thức về bình đẳng giới và xây dựng năng lực phòng chống bạo lực trên cơ sở giới trong trường học cho học sinh, cán bộ giáo viên và các bên liên quan là rất cần thiết, nhằm tạo ra những thay đổi về nhận thức, thái độ và hành vi theo chiều hướng tích cực và nhất quán về bình đẳng giới. Trong đó, GVCN, lãnh đạo và các lực lượng giáo dục khác của nhà trường phải cam kết thúc đẩy bình đẳng giới bằng cách đưa bình đẳng giới trở thành mục tiêu và nguyên tắc xuyên suốt trong các hoạt động quản lý, giáo dục học sinh của lớp/trường; đồng thời, yêu cầu tất cả mọi thành viên, từ cán bộ, giáo viên, GVCN đến học sinh phải hành động có trách nhiệm giới nhằm chuyển biến tích cực về giới phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao.

### ***1.2.2. Cải thiện và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường***

Chất lượng giáo dục học sinh trong lớp học/trường học là mối quan tâm không chỉ của GVCN, lãnh đạo nhà trường mà còn là mối quan tâm chung của phụ huynh, học sinh, các lực lượng giáo dục khác và của toàn xã hội.

Để đảm bảo nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh trong lớp/trường, đòi hỏi GVCN và các lực lượng giáo dục khác cần phải thừa nhận và tôn trọng sự đa dạng về giới. Trước hết cần phải nhận ra có sự khác biệt về mong muốn, nhu cầu, năng lực, mối quan tâm giữa nam, nữ học sinh, nhóm học sinh LGBT và các nhóm học sinh yếu thế khác; nhận ra các đặc thù văn hóa, tôn giáo, cũng như các yếu tố liên quan đến giới tính chi phối cơ hội học tập và sự tham gia của các em trong các hoạt động giáo dục của lớp/trường. Trên cơ sở nhận thức đó, GVCN và các lực lượng giáo dục khác có các biện pháp nhạy cảm giới trong công tác quản lý, giáo dục học sinh nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho các em học tập và rèn luyện trong môi trường lớp học/trường học an toàn, thân thiện, bình đẳng; tôn trọng các bản dạng giới và “nói không” với bạo lực; nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường, thúc đẩy sự phát triển toàn diện của mỗi học sinh; góp phần đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cho xã hội.

Mặt khác, việc tăng cường tiếng nói và sự tham gia của học sinh vào các hoạt động quản lý, giáo dục của lớp/trường cũng là một biện pháp hữu hiệu để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường. Thực tế, mỗi học sinh (nam, nữ, LGBT hay nhóm học sinh yếu thế khác) có các đặc điểm giới, giới tính, điều kiện và hoàn cảnh sống khác nhau; nên các em sẽ có nhu cầu và khả năng tham gia các hoạt động học tập, trải nghiệm, vui chơi, giải trí,...hay tiếp cận điều kiện và cơ sở vật chất của lớp/trường cũng sẽ khác nhau.

Lồng ghép giới trong công tác quản lý, giáo dục học sinh sẽ giúp GVCN và các nhà giáo dục xem xét kỹ lưỡng các yếu tố này trong tất cả khâu lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động quản lý, giáo dục để nhận diện được sự đa dạng và những khác biệt về giới của từng học sinh; qua đó, có thể đưa ra các giải pháp phù hợp cho từng nguyên nhân hoặc các yếu tố về giới cản trở việc học tập và rèn luyện của từng cá nhân/nhóm học sinh khi các em tham gia vào các hoạt động học tập và giáo dục của lớp/trường.

Bên cạnh đó, GVCN cũng phải thường xuyên chú trọng giáo dục về bình đẳng giới, giới tính - sức khỏe sinh sản – tình yêu, tình dục và phòng chống bạo lực học đường, bạo lực trên cơ sở giới, quấy rối và xâm hại tình dục v.v. thông qua sinh hoạt chuyên đề hoặc lồng ghép trong các nội dung của công tác quản lý, giáo dục học sinh.

Như vậy, thực hiện lồng ghép giới trong công tác quản lý giáo dục, học sinh sẽ giúp GVCN và các lực lượng giáo dục khác tạo ra một “sân chơi” bình đẳng và công bằng cho mọi học sinh (nam, nữ và bản dạng giới khác) được tự do thể hiện tiếng nói và năng lực sở trường của mình một cách tích cực và hiệu quả nhất; qua đó, giúp mỗi học sinh phát huy tối đa năng lực học tập và tạo điều kiện cho các em đóng góp tối đa khả năng của mình trong các hoạt động giáo dục của lớp/trường. Vì thế mà chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường được cải thiện và nâng cao.

### ***1.2.3. Đảm bảo việc thực thi và bảo vệ các quyền cơ bản của học sinh, góp phần đạt được các mục tiêu phát triển bền vững***

Công ước Quốc tế về quyền trẻ em quy định: mọi trẻ em sinh ra và lớn lên, dù là trai hay gái đều có những quyền cơ bản của con người như quyền được sống, quyền được bảo vệ, quyền được học tập, quyền được tham gia và quyền được phát triển tối đa mọi năng lực, sở trường cho sự phát triển toàn diện của bản thân,....Thực hiện bình đẳng giới là một trong các yếu tố cơ bản để giúp các em học sinh (nam, nữ, LGBT) đạt được các quyền cơ bản của con người. Muốn đạt được bình đẳng giới thì phải thực hiện tốt công tác lồng ghép giới trên cơ sở mỗi cá nhân trong tổ chức phải có nhạy cảm giới và trách nhiệm giới.

Lồng ghép giới trong hoạt động dạy – học của nhà trường nói chung và trong công tác quản lý, giáo dục học sinh của GVCN nói riêng là biện pháp hữu hiệu nhất giúp xây dựng thành công môi trường giáo dục an toàn, thân thiện và bình đẳng để chăm lo, bảo vệ và đáp ứng các quyền cơ bản của học sinh; bao gồm học sinh nam, nữ, LGBT và các nhóm yếu thế khác được tiếp cận công bằng với nền giáo dục có chất lượng, nhằm phát huy tối đa tiềm năng con người; vừa góp phần giải quyết tình trạng bất bình đẳng giới, bạo lực trên cơ sở giới, đảm bảo được các quyền con người cơ bản của học sinh; vừa thúc đẩy và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường.

Mặt khác, những nỗ lực cải thiện và thúc đẩy bình đẳng giới của nhà trường sẽ góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của quốc gia và nhân loại; đặc biệt 2 trong 17 mục tiêu đó là mục tiêu số 5 “Đạt được bình đẳng giới và trao quyền cho tất cả

phụ nữ và trẻ em gái” và mục tiêu số 4 “Đảm bảo giáo dục chất lượng toàn diện và công bằng, thúc đẩy cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người”.

Thực tiễn đã chứng minh, không có một quốc gia nào/tổ chức nào mà sự phát triển và thịnh vượng của nó lại chỉ do một mình giới nam hoặc giới nữ tạo nên. Nhiều bằng chứng và kinh nghiệm trên thế giới cho thấy “*Những quốc gia rút ngắn được khoảng cách giữa nam và nữ trong việc học tập chính là những quốc gia đã đạt được sự tăng trưởng nhanh chóng và ổn định nhất trong vòng 50 năm qua*” (Ngân hàng thế giới)<sup>57</sup>. Do vậy, bên cạnh nhận thức và giải quyết được những thách thức về giới đối với nam giới và trẻ em trai; thì việc đầu tư nâng cao năng lực và trao quyền cho phụ nữ/em gái, giúp họ được tự do lựa chọn các cơ hội phát triển bản thân không chỉ đem lại lợi ích cho phụ nữ mà còn là cách chắc chắn nhất để đóng góp vào sự tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững của các quốc gia.

Như vậy, lồng ghép giới trong công quản lý, giáo dục học sinh của GVCN là việc xem xét, tính đến nhu cầu và mối quan tâm của học sinh (nam, nữ, LGBT) trong tất cả các bước của quá trình xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện các hoạt động quản lý, giáo dục học sinh nhằm xóa bỏ các biểu hiện bất bình đẳng giới trong giáo dục và đánh giá học sinh; nhằm tạo môi trường an toàn và thân thiện cho học sinh học tập và rèn luyện.

## **2. ĐỊNH HƯỚNG LGG TRONG QUẢN LÝ, GIÁO DỤC HỌC SINH CỦA GVCN**

### **2.1. Quy trình chung trong việc thực hiện LGG vào công tác quản lý, giáo dục HS**

Để thực hiện LGG hiệu quả trong hoạt động quản lý, giáo dục HS, GVCN trước hết cần nắm được các bước của qui trình LGG, bao gồm:

#### *Bước 1: Nhận thức về giới, bình đẳng giới.*

Ở bước này, đòi hỏi người thực hiện (GVCN) cần được trang bị hoặc tự trang bị cho mình những hiểu biết cơ bản nhất về giới, bình đẳng giới, kỹ năng LGG và các vấn đề giới có liên quan. Nhận thức này sẽ là nền tảng để triển khai các bước tiếp theo.

Chỉ khi có nhận thức đúng và giới và bình đẳng giới, GVCN mới hiểu sâu sắc hơn về trách nhiệm, lợi ích của việc LGG và tích cực thực hiện LGG trong mọi hoạt động thường ngày của mình nói chung và công tác chủ nhiệm nói riêng.

#### *Bước 2: Khảo sát nhu cầu giới và phân tích giới.*

Dựa trên những kiến thức cơ bản về giới và kỹ năng LGG đã có, GVCN tiến hành việc tìm hiểu, phân tích và đánh giá hiện trạng HS của mình hiện đang gặp những khó khăn, thách thức nào liên quan đến sự đa dạng về giới, bị phân biệt đối xử về giới hay bị BLMHĐTCSG,... Trong bước này, GVCN cũng cần rà soát và đánh giá được các điều kiện

<sup>57</sup> Trích từ nguồn: Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ - UNDP. Dự án VIE/96/011. Tài liệu tập huấn Phân tích giới và lập kế hoạch dưới góc độ giới. Hà Nội, 1998



dẫn sẽ đến sự thay đổi tích cực trong công tác LGG cũng như trong các hoạt động giáo dục của nhà trường (cơ hội, điểm mạnh, những lợi ích tiềm tàng hoặc những thách thức và điểm yếu có thể gây cản trở việc lồng ghép giới); và đánh giá được ý chí quyết tâm thực hiện lồng ghép giới của lãnh đạo nhà trường.

Ví dụ, GVCN có thể cần thực hiện việc khảo sát ban đầu để:

- *Tìm hiểu sự tham gia vào các hoạt động giáo dục của học sinh (nữ, nam, LGBT): Xem các học sinh đang làm gì? có bất bình đẳng giới nào đang tồn tại không?*
- *Tìm hiểu sự tiếp cận các nguồn lực và lợi ích của học sinh (nữ, nam, LGBT); để thấy được cá nhân/nhóm học sinh nào đang được sử dụng và quyết định việc sử dụng các nguồn lực trong lớp/trường; lợi ích đó được phân bổ như thế nào và ở mức độ nào?*
- *Tìm hiểu sự tham gia và quyền quyết định của học sinh (nữ, nam, LGBT) trong nhà trường. Ai/nhóm nào được tham gia và có quyền quyết định? Có bất bình đẳng trong quyền tham gia và ra quyết định không?*
- *Tìm hiểu các nhu cầu của học sinh (nữ, nam, LGBT) là gì?, các nhu cầu của mỗi giới có được đáp ứng công bằng không?*

Hoặc, để tiến hành LGG trong buổi họp cha mẹ học sinh, GVCN cần rà soát các điều kiện để LGG bao gồm: Chủ trương của BGH về công tác LGG, những nội dung nào sẽ lồng ghép, những đặc điểm văn hoá vùng miền của phụ huynh có phù hợp với các nội dung lồng ghép hay không, những định kiến giới của phụ huynh hiện có là gì....?

Trong bước này, GVCN có thể sử dụng thêm các công cụ hỗ trợ về mặt định lượng (VD phát phiếu thăm dò ý kiến), hoặc định tính (VD trò chuyện, phỏng vấn trực tiếp HS, cha mẹ HS, GV khác), kết hợp với việc quan sát trực tiếp của mình.

*Bước 3: Lập kế hoạch LGG.*

Căn cứ vào các kết quả có được từ bước 1, 2, GVCN cần lập kế hoạch lồng ghép giới trong hoạt động quản lý, giáo dục học sinh lớp chủ nhiệm và tiến hành triển khai kế hoạch này. Một bản kế hoạch LGG đầy đủ sẽ bao gồm việc xác định mục tiêu, lựa chọn nội dung và cách thức hoạt động; kiểm tra, giám sát các hoạt động có nhạy cảm và trách nhiệm giới.

Ví dụ, nếu ở bước 2, GVCN phát hiện HS trong lớp của mình có biểu hiện kỳ thị, hiểu chưa đúng về những bạn LGBT (hoặc được coi là LGBT), thậm chí gây bạo lực với các bạn này, thì GVCN có thể lập một kế hoạch giáo dục bao gồm các hoạt động truyền thông trang bị kiến thức đúng về LGBT cho toàn thể HS qua giờ sinh hoạt lớp; tổ chức các trò chơi tương tác hoặc xem phim ngắn về chủ đề LGBT để cung cấp thông tin cho HS, hoặc diễn thuyết về LGBT qua đó giúp HS hiểu, thừa nhận và tôn trọng sự đa dạng về bản dạng

giới; hướng dẫn cho các HS LGBT thể hiện khả năng, tài năng của mình để góp phần thay đổi cách nhìn nhận của người khác, v.v.

#### *Bước 4: Thực hiện và giám sát việc thực hiện LGG*

Việc thực hiện LGG có thể tiến hành trong nội bộ lớp mà GV đang chủ nhiệm, cũng có thể cần tới sự tham gia, phối hợp của các HS/GV khác trong trường, của cha mẹ HS, cộng đồng... GVCN tự giám sát quá trình thực hiện LGG của bản thân mình và đồng nghiệp để phát hiện những kết quả đạt được và chưa đạt được hoặc chưa hiệu quả; đồng thời, cũng có thể nhờ đồng nghiệp khác đánh giá, hoặc khuyến khích HS giám sát, nhận xét, nêu phản hồi về các hoạt động mà các em được tham gia để tìm ra những điểm cần cải thiện trong tương lai.

#### *Bước 5: Đánh giá kết quả, tác động của LGG*

Sau khi đã tiến hành các hoạt động LGG trong công tác quản lí, giáo dục HS, việc đánh giá tác động của việc LGG này sẽ giúp cho GVCN thấy được những hiệu ứng tích cực từ các nỗ lực của mình, đồng thời nhận diện khoảng trống nào cần được tiếp tục lấp đầy trong nhận thức, hành động, ứng xử của HS liên quan đến giới, BLHĐTCSG. Việc đánh giá các tác động này còn có thể giúp làm lan tỏa rộng hơn cách làm, biện pháp đã được chứng minh là hữu ích đến các tập thể các lớp khác trong trường, đến cha mẹ HS, hoặc đến trường học khác.

Khi đánh giá kết quả, tác động của LGG, GVCN cần phải trả lời các câu hỏi như:

- *Theo dõi:* Các mục tiêu đề ra đã đạt được hay chưa? Kết quả công việc quản lí, giáo dục HS đã đạt được là gì? Chất lượng công việc quản lí, giáo dục HS đã đạt được mức nào?,....
- *Đánh giá:* Chúng ta có thể rút ra được những bài học gì trong công tác quản lí, giáo dục HS? Chúng ta tạo nên những sự thay đổi tích cực trong công tác quản lí giáo dục học sinh và các hoạt động giáo dục trong nhà trường như thế nào? Chúng ta có thể học được gì từ sự thay đổi này? Các bước tiếp theo cần phải làm là gì?
- *Phổ biến kết quả:* Chúng ta phổ biến kết quả và các bài học này trong các khối lớp, nhà trường như thế nào? Làm thế nào để giữ được kết quả bền vững?

Trên thực tế, với đặc thù công tác và sự bận rộn của mình, người GVCN có thể không có điều kiện để luôn luôn áp dụng được đầy đủ tất cả các bước của qui trình LGG này. Tuy nhiên, việc hiểu được những bước chung nhất của qui trình LGG sẽ giúp GVCN ý thức được rõ ràng hơn về trách nhiệm và có trau dồi các kỹ năng LGG trong nhiệm vụ chuyên môn công tác chủ nhiệm; từ đó, đề xuất được cách thức thực hiện LGG phù hợp, khả thi nhất trong bối cảnh nhà trường và điều kiện, hoàn cảnh của HS lớp chủ nhiệm.

## **2.2. Một số định hướng LGG trong quản lý, giáo dục HS của GVCN**

### **2.2.1. Trong tìm hiểu, phân loại học sinh**

- Tránh những suy nghĩ, nhận định, cách làm có tính định kiến giới, khuôn mẫu giới trong phân loại, tìm hiểu học sinh (Ví dụ, luôn có xu hướng/dự định sẽ để các HS nam học khá môn tự nhiên kèm cặp các em nữ học yếu những môn này, với định kiến cho rằng HS nam thường giỏi KHTN, trong khi HS nữ yếu hơn ở lĩnh vực này).

- Gạt bỏ những khuôn mẫu giới, sự phân biệt đối xử trong công tác tìm hiểu, nghiên cứu hồ sơ, lý lịch HS. Ví dụ, có thể có GVCN định kiến rằng con của những bà mẹ đơn thân thường không được giáo dục tốt, thường hay ‘có vấn đề’ về mặt hành vi và cần được theo dõi uốn nắn; hoặc nếu học sinh nào công khai là LGBT thì chắc trong gia đình phải có chuyện gì đó không bình thường, v.v.

- Đối xử công bằng, bình đẳng với mọi HS khi lập kế hoạch công tác chủ nhiệm dựa trên việc tìm hiểu, phân loại HS; khi tiến hành việc phân công nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của lớp học.

### **2.2.2. Trong xây dựng tập thể học sinh vững mạnh, đoàn kết**

Để xây dựng tập thể học sinh vững mạnh thì GVCN cần có các biện pháp liên quan đến cả phòng ngừa và ứng phó với BLHĐTCSG. Phần này sẽ tổng hợp hướng dẫn từ các tài liệu gần đây liên quan đến BLHĐTCSG về một số biện pháp mà GVCN, các GV bộ môn cũng như cán bộ nhà trường có thể thực hiện nhằm phòng ngừa và ứng phó với BLHĐTCSG.

#### **a) Một số biện pháp GVCN có thể thực hiện để phòng ngừa BLHĐTCSG**

##### **❖ Trang bị kiến thức liên quan đến BLHĐTCSG**

- Tự trang bị những kiến thức, hiểu biết về giới, BLHĐTCSG, LGBTI, từ đó thay đổi nhận thức hoặc quan niệm của bản thân để hiểu biết đúng về những vấn đề này.

- Tham gia vào các khóa tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, hội thảo, tọa đàm và các hoạt động tương tự về các vấn đề liên quan đến giới cũng như phòng chống BLHĐTCSG.

##### **❖ Thông qua chương trình và SGK:**

- Hình thành ở HS nhận thức đúng đắn về quyền con người, về đa dạng giới, về xây dựng tình bạn, tình yêu, các quan hệ xã hội lành mạnh, về luật bảo vệ và trừng phạt các hành vi bạo lực,...

- Thay đổi định kiến giới trong chương trình và SGK: Trong hoạt động giảng dạy hàng ngày, cần chú ý và chủ động thay đổi một số đoạn văn, thơ, hình vẽ, trích dẫn trong SGK cũng như trong các tài liệu giảng dạy khác có định kiến, khuôn mẫu giới, gây hiểu sai quan niệm về bình đẳng giới.

❖ *Tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hoạt động trải nghiệm, hoạt động tập thể có mục tiêu phòng ngừa BLHĐTCSG như:*

- *Lồng ghép những khía cạnh liên quan đến bình đẳng giới và đa dạng giới và đa dạng tính dục vào các hoạt động giáo dục trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa để trang bị cho HS những hiểu biết và kỹ năng thích hợp đầy đủ liên quan đến các vấn đề này. Điều này sẽ giúp các em có hiểu biết và tự tin hơn để tham gia giải quyết vấn đề có liên quan đến BLHĐTCSG, trong đó có những hành vi bạo lực gây ra do thiếu tôn trọng đối với đa dạng bản dạng giới và đa dạng tính dục của những người xung quanh.*

- *Tổ chức thi sáng tạo, viết, vẽ các bản Nội quy lớp học, trong đó đưa ra các thông điệp về loại trừ bạo lực trên cơ sở giới và nạn bắt nạt (xem thêm ví dụ về xây dựng nội quy lớp học ở phần sau).*

- *Trong giờ sinh hoạt lớp, tích hợp các vấn đề bình đẳng giới, đa dạng giới, phòng chống bạo lực giới vào các nội dung nhận xét, bình bầu, rà soát lại hoạt động trong tuần của lớp. GVCN cũng có thể tổ chức để cả HS nam, nữ và nhóm học sinh yếu thế khác cùng tổ chức/điều khiển các hoạt động trong buổi sinh hoạt, hoặc gợi ý, hướng dẫn để HS tự tổ chức thảo luận, tranh luận, kể chuyện, đóng vai... về chủ đề liên quan đến phòng chống BLHĐTCSG.*

❖ *Tổ chức các hoạt động học tập trên lớp theo phương pháp cùng tham gia về nhận biết, cách phòng ngừa, ứng phó tích cực với BLHĐTCSG.*

- *Tổ chức cho HS tham gia qua các hoạt động học tập/bài học về bình đẳng giới và phòng chống BLHĐTCSG thông qua những tình huống/câu hỏi hướng dẫn như: Hiểu thế nào là BLHĐTCSG? Nhận diện các hành vi BLHĐTCSG? Ai là người chịu ảnh hưởng và ảnh hưởng như thế nào? Nguyên nhân của BLHĐTCSG? Ai trong nhà trường và cộng đồng mà bạn có thể tìm sự giúp đỡ? v.v. Liệt kê danh sách cá nhân và tổ chức có thể hỗ trợ ngăn chặn bạo lực ở trường học và thảo luận cách tiếp cận với những tổ chức này.*

- *Gợi ý các biện pháp để nâng cao nhận thức về thúc đẩy sự tôn trọng cũng như coi trọng sự khác biệt giới thông qua các hoạt động như thảo luận nhóm, tranh luận, đi thực tế, trò chơi, đóng vai, kể chuyện, dự án nhỏ; Rèn luyện kỹ năng giao tiếp kiên định để ứng phó với nguy cơ và các hành vi bạo lực/xâm hại...*

❖ *Nhận biết sớm các biểu hiện có thể dẫn đến hoặc là dấu hiệu của BLHĐTCSG*

GVCN và các lực lượng giáo dục khác của nhà trường có thể giám sát trường/lớp học, nhận diện và ứng phó một cách phù hợp các vụ việc bạo lực học đường trên cơ sở giới theo những cách sau:

- *Hướng dẫn HS cùng lập sơ đồ xác định những nơi nào trong nhà trường là an toàn, những nơi nào có thể nguy hiểm, và những nơi nào rủi ro nhất. Cán bộ nhân viên nhà trường cũng cần được cảnh báo về những góc tối, những khu vực ít được chiếu sáng,*

những bậc thêm hoặc phòng vệ sinh không được giám sát, nơi HS dễ có nguy cơ bị xâm hại thân thể hoặc tình dục.

- Giám sát những khu vực HS cho là kém an toàn, như quanh công trường vào đầu hoặc cuối giờ học, khu nhà vệ sinh và những nơi kín đáo tại sân trường, hoặc trong giờ giải lao.

- Theo dõi các dấu hiệu chơi đùa một cách thô bạo tại khu vực hành lang, khu vực vui chơi, căng tin, khi các em xếp hàng hoặc các nơi đông người khác.

- Lắng nghe, theo dõi các hành vi quấy rối bằng lời nói trong HS

- Phát hiện các em bị cô lập, lẻ loi trong lớp hoặc trên sân chơi

- Theo dõi sự tương tác giữa HS lớn và các em học sinh nhỏ hơn

- Theo dõi các em thường xuyên vắng mặt

- Theo dõi các em xin phép nghỉ ốm, đặc biệt những em thường xuyên cảm thấy uể oải, chán chường trong giờ nghỉ giải lao. Các em này có thể đang gặp phải những cảm xúc mạnh như buồn bã, lo lắng hoặc tương tự trong mối quan hệ bạn bè ở trường, tác động đến sự mỗi mệt thể chất.

- Hỏi về các vết bầm, vết thương, quần áo rách hoặc việc các em mất sách vở và dụng cụ học tập.

- Theo dõi những HS hay khóc, dễ gây hấn, có xu hướng thu mình..., vì có thể các em từng bị tổn thương bởi hành vi xâm hại và bạo lực.

- Theo dõi nếu có sự thay đổi không thể giải thích được về hành vi, điểm số, sự tham gia trong lớp hoặc đi học.

- ❖ *Đảm bảo sự bình đẳng trong đối xử với nữ sinh và nam sinh.*

- Trong giao tiếp hàng ngày, cũng như trong quá trình tổ chức các hoạt động quản lý, giáo dục học sinh, thái độ và hành vi ứng xử bình đẳng của GVCN đối với học sinh là rất quan trọng, vì nó có thể ảnh hưởng đến thái độ và cách hành xử của các em học sinh đối với nhau. Ví dụ, việc GVCN ít giao tiếp hoặc rèn dạy nhóm học sinh nữ theo khuôn mẫu “nữ tính” sẽ làm suy giảm lòng tự tin và tự tôn của các em, tăng nguy cơ HS nữ trở thành nạn nhân của bạo lực giới.

- Một trong những biện pháp để đảm bảo sự tham gia bình đẳng của các nhóm học sinh có bản dạng giới khác nhau là khuyến khích học sinh làm việc theo nhóm, trong đó chú trọng đến sự cân bằng về số lượng và năng lực tham gia của học sinh (nam, nữ, LGBT); mạnh dạn giao việc điều khiển nhóm cho những học sinh kém tự tin, khích lệ các em bày tỏ tiếng nói và sự tự do thể hiện bản thân. Kêu gọi HS tôn trọng sự đa dạng về giới và yêu cầu HS không xúc phạm và trêu ghẹo nhau, đặc biệt liên quan tới sự khác biệt về bản dạng giới. Luôn khuyến khích HS hành xử theo hướng “Mọi người đều khác biệt nhưng chúng ta đều bình đẳng”.

- ❖ *Xây dựng mối quan hệ tích cực với HS*

Một số nghiên cứu đã hỏi chính HS về việc làm thế nào để GV xây dựng mối quan hệ

tích cực với HS<sup>58</sup>. Các em nói rằng đó phải là những GV có khả năng tổ chức tốt và phân định ranh giới rõ ràng. GV quan tâm tới lớp học và quản lý công việc, đảm bảo trật tự và có thể đưa ra nhiệm vụ thúc đẩy HS tư duy và hành động. Tuy nhiên, mối quan hệ người với người cũng không kém phần quan trọng. Phong cách của GV có thể tạo ra sự khác biệt lớn đối với sự tham gia và mức độ tự tin của các em. HS nói rằng các em cảm thấy được khuyến khích và cố gắng nhiều hơn khi GV:

- Cười và đáp lại lời chào của HS một cách thân thiện
- Thể hiện sự tự hào về HS
- Quan tâm tới những gì các em làm
- Lắng nghe các em
- Giúp đỡ, khuyến khích các em
- Tôn trọng các em
- Tránh có những hành vi trừng phạt khắc nghiệt khi quản lý HS
- Giải thích mọi điều rõ ràng và phản hồi cũng như giúp đỡ các em khi cần thiết
- Cố gắng hiểu hoàn cảnh và các mối quan tâm của từng em

Hầu hết HS đều muốn GV của mình công bằng và quyết đoán, cũng như quản lý lớp theo cách thức tích cực để các em có thể tập trung vào việc học.

❖ *Thực hiện các biện pháp kỷ luật tích cực:*

Kỷ luật tích cực tập trung vào tăng cường các hành vi tích cực, và dạy mỗi học sinh có trách nhiệm với chính hành vi của mình. Thay vì quản lý các em thông qua nỗi sợ, biện pháp kỷ luật tích cực bao gồm<sup>59</sup>:

- Dạy các em về quyền, nghĩa vụ, quy định và chuẩn mực
- Dạy các em cách điều chỉnh hành vi của mình thông qua phát triển kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp như tôn trọng người khác, hợp tác, giao tiếp và giải quyết vấn đề
- Nâng cao nhận thức của học sinh về tác động của các hành vi tích cực và tiêu cực đối với người khác
- Khích lệ học sinh mong muốn trở thành người chu đáo và biết tôn trọng người khác
- Giúp mỗi học sinh hiểu cách sử dụng các quy tắc và mong đợi để bảo vệ quyền và nhu cầu con người.
- Sử dụng cách thức củng cố các hành vi tích cực: Củng cố các hành vi tích cực bằng những động tác đơn giản như ánh mắt, gật đầu, hoặc mỉm cười; khuyến khích những hành động, cử chỉ đẹp của HS bằng cách cho HS thêm điểm thưởng hoặc thêm 5 phút giờ ra chơi/ngỉ giải lao. Biểu dương kịp thời trước lớp những thành

<sup>58</sup> UNESCO, 2016. Tài liệu đã dẫn

<sup>59</sup> UNESCO, 2016. Tài liệu đã dẫn

công của HS (VD bằng cách đề nghị HS bầu “nhóm có hành vi, cử chỉ đẹp nhất trong tuần” và ghi tên nhóm ở vị trí nổi bật trong lớp học). Khen thưởng và công nhận các thành tích kịp thời, dù nhỏ cũng sẽ rất có tác dụng.

*b) Các biện pháp ứng phó khi xảy ra tình huống bạo lực*

❖ *Một số biện pháp kỉ luật, can thiệp những hành vi sai trái:*

Khi kỉ luật HS, hình thức kỉ luật cần tập trung vào hành vi sai trái và tác động của hành vi này chứ không phải tập trung vào con người HS.

- *Tùy thuộc vào bản chất của hành vi sai trái mà có một số biện pháp kỉ luật như sau:*
- Dành một ít thời gian vào giờ giải lao hoặc sau giờ học để thảo luận hành vi sai trái với HS – nguyên nhân và cách khắc phục;
  - Yêu cầu HS xin lỗi;
  - Thay đổi chỗ ngồi của HS trong lớp học;
  - Gửi giấy thông báo về cho phụ huynh hoặc đến thăm nhà;
  - Phân tích mức độ nghiêm trọng của tình huống để đưa ra quyết định có nên gửi HS tới văn phòng Hiệu trưởng hay không;
  - Khẳng định cho HS biết rằng các hành vi và lời nói bạo lực, dù ở mức độ nào, cũng không thể tha thứ.
- *Thường xuyên thi hành các hình thức kỉ luật đối với các hành vi bạo lực lời nói hoặc thể chất.* Đặc tính của các hình thức kỉ luật hiệu quả thường là:
- Hình thức kỷ luật không nặng nề, có thể sử dụng thường xuyên;
  - Tăng dần mức độ kỷ luật nghiêm khắc nếu học sinh tái diễn hành vi bạo lực;
  - Có thể dự đoán được hình thức kỷ luật nào là can thiệp hiệu quả với hành vi bạo lực và phải thực hiện kịp thời;
  - đảm bảo có sự tham gia và dựa trên sự mong đợi chung của mọi HS.

Ví dụ: Sử dụng hình thức kỉ luật không được nghỉ giải lao hoặc phải tham gia các hoạt động ngoại khóa có thể đáp ứng các đặc tính nêu trên

❖ *Đối với những vụ bạo lực ở mức nghiêm trọng hơn*

GVCN có thể tham khảo những việc cần làm sau đây, nếu được HS tiết lộ/báo cáo về vụ việc bạo lực<sup>60</sup>:

**Bạn nên:**

1. Chấp nhận những điều HS nói
2. Bình tĩnh, không hốt hoảng hoặc tỏ ra bị sốc

<sup>60</sup> Plan quốc tế tại Việt Nam (2014). Bộ nguyên tắc, nội quy ứng xử nhằm phòng ngừa và ngăn chặn bạo lực học đường trên cơ sở giới

3. Trung thực, nhìn vào HS khi các em báo cáo
4. Cho HS biết bạn cần phải cho người khác biết về sự việc
5. Nói với HS là em không có lỗi khi em bị xâm hại, bạo lực
6. Không hỏi những câu hỏi mang tính dẫn dắt câu trả lời chẳng hạn như “anh ta/cô ta đã làm... có phải không?”
7. Không lặp lại các câu hỏi
8. Không nên cố ép để lấy thông tin
9. Không nên nói chen từa, nói tiếp các câu kể của HS hoặc suy đoán
10. Hãy lưu ý xem HS có thể đã bị đe dọa
11. Tiến hành những bước cần thiết nhằm đảm bảo sự an toàn về thể chất và tâm lý của HS (Như giới thiệu HS đi khám y tế, gặp cán bộ tham vấn của trường, liên lạc với cha mẹ)
12. Cần phân biệt giữa những gì HS nói trên thực tế và những kết luận mà bạn đưa ra. Tính chính xác có tầm quan trọng rất lớn.
13. Không nên để những nghi ngờ cá nhân làm cản trở việc báo cáo lại về những cáo buộc đó tới BGH hoặc cơ quan có chức năng.

**Những điều nên nói:**

- ‘Thầy/cô đang cố hết sức để giúp em’
- ‘Thầy/cô rất vui vì em tin tưởng và kể với thầy/cô’
- ‘Em không có lỗi’

**Những điều không nên nói:**

- ‘Đáng ra em nên nói với ai đó trước’
- ‘Thầy/cô không thể tin được! Thầy/cô ngạc nhiên quá!’
- ‘Không phải như vậy chứ...người đó là bạn của thầy/cô’
- ‘Thầy/cô sẽ không nói cho ai khác’
- ‘Tại sao?’

**Trước khi HS ra về:**

1. Khẳng định lại với HS việc HS tâm sự với bạn là hoàn toàn đúng đắn
2. Cho HS biết bạn dự định làm gì tiếp theo và bạn sẽ thông báo cho HS biết về những việc sẽ diễn ra
3. Tìm kiếm trợ giúp ngay lập tức, trước hết là từ cán bộ tham vấn của nhà trường/BGH
4. Hãy viết ra một cách chính xác những gì mà HS vừa kể với bạn. Ký tên và ghi rõ ngày ghi chép.
5. Giữ tất cả những ghi chép tại một nơi an toàn. Những ghi chép này rất quan trọng, giúp nhà trường và các cơ quan chức năng quyết định điều gì là tốt nhất đối với học sinh và đóng vai trò như chứng cứ nếu cần thiết.



6. Tìm kiếm sự giúp đỡ cho chính bản thân nếu thấy cần trợ giúp

**Tóm tắt: 5 bước cần thực hiện khi nhận thông tin từ HS:**

1. **Lắng nghe:** không ngắt lời; để cho HS tự quyết định tốc độ và thời gian kể chuyện bằng chính ngôn từ của HS; kiên nhẫn; lắng nghe một cách tích cực; sử dụng ngôn ngữ cơ thể.
2. **Tiếp nhận sự việc một cách nghiêm túc, cẩn trọng.**
3. **Trấn an HS:** em rất dũng cảm; em hoàn toàn đúng khi tâm sự với cô/thầy; em làm rất tốt
4. **Hỗ trợ: thể chất/y tế; tâm lý- xã hội;** không hứa hẹn nếu không thể thực hiện.
5. **Báo cáo** – báo cáo cho BGH hoặc cán bộ tham vấn

**2.2.3. Trong tổ chức các hoạt động giáo dục đa dạng cho HS (Hoạt động học tập, hướng nghiệp, lao động; Hoạt động đoàn thể, xã hội; Hoạt động văn hóa, văn nghệ, TDTT;...).**

Giáo dục phòng ngừa, ứng phó BLHĐTCSG có thể tiến hành thông qua các hoạt động học tập/bài học dưới sự hướng dẫn của GVCN nhằm hình thành ở HS các quan niệm đúng về giới, giới tính, LGBT, bình đẳng giới, bạo lực trên cơ sở giới, BLHĐTCSG,...; hình thành và rèn luyện các kỹ năng tôn trọng lẫn nhau giữa nam nữ, với các bạn LGBT, xây dựng quan hệ thân thiện,... Các hoạt động/bài học cần được tổ chức bằng phương pháp cùng tham gia. Lòng ghép giáo dục bình đẳng giới vào chương trình giáo dục của nhà trường thông qua các hoạt động cụ thể và hấp dẫn HS một cách tự nhiên. Các ví dụ về các hoạt động như:

- Tổ chức các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức cho HS về bạo lực giới.
- Tổ chức các hoạt động tương tác tìm hiểu về ảnh hưởng của bạo lực giới.
- Tổ chức các hoạt động về “Thần tượng của bạn” và những điểm tích cực học được mà em thấy ở người đó.
- Tổ chức các hoạt động giúp HS tìm hiểu về kỹ năng giao tiếp quyết đoán, kỹ năng tìm kiếm sự giúp đỡ khi bị bạo lực giới.

Các hoạt động hay, hấp dẫn tạo cho các em những cơ hội phát triển nhận thức và thái độ đối với những vấn đề về bình đẳng giới, đa dạng giới và bạo lực giới, xây dựng các mối tương tác và quan hệ bạn bè tích cực giữa và trong nhóm bạn học với sự tôn trọng đúng mực đối với những khác biệt, phát triển và rèn luyện những kỹ năng phòng chống và báo cáo hành vi bạo lực.

Lý tưởng nhất là HS cần được tiếp xúc ngay từ khi còn nhỏ tuổi với các khái niệm về bình đẳng giới, và sự cần thiết phải tôn trọng giới tính và đa dạng tính dục theo các nguyên tắc về quyền con người. Sẽ hữu ích đối với HS nếu các em được giới thiệu các thông tin về những đòi hỏi bắt buộc liên quan đến các quyền con người, những ví dụ về

các tình huống giả định và những hành vi xử sự tốt nhất đã được thực hiện, cùng các nguồn tài liệu mà các em có thể tham khảo về những đề tài này. Một khi các em đã đạt được hiểu biết như thế thì có thể sẽ xuất hiện những khả năng có những cuộc thảo luận sâu với sự hiểu biết đầy đủ hơn, ví dụ tổ chức những hoạt động “đóng vai” và các dự án nghiên cứu khảo sát sâu.

Một ví dụ thực tế là Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng khoa học về Giới - Gia đình - Phụ nữ và Vị thành niên (CSAGA) đã tổ chức cuộc thi “Yêu thương không giới hạn”. Đây là một cuộc thi tìm kiếm các video, clip độc đáo, ấn tượng, phản ánh chân thực khát khao yêu và được yêu, ước mơ về cuộc sống dung dị, yêu thương và tôn trọng của cộng đồng LGBTI/Q (người đồng tính, song giới, chuyển giới).

Ngoài ra, GVCN có thể tổ chức hoạt động xây dựng nội quy lớp học để học sinh cùng tham gia có lòng ghép giới. Một ví dụ về nội quy như sau<sup>61</sup>:

### **Quy ước lớp học An toàn, Thân thiện và Bình đẳng**

#### ***Quy ước của lớp mình***

Chúng mình .....

1. Học tập chuyên cần
2. Vui chơi an toàn
3. Sẵn sàng giúp đỡ nhau
4. Lắng nghe, hợp tác với bạn bè, thầy cô
5. Mỉm cười, thân thiện với bạn bè
6. Yêu thương, tôn trọng bản thân, bạn bè và thầy cô
7. Chấp nhận sự khác biệt
8. Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi đúng lúc
9. Giữ gìn tình bạn với các bạn cùng trường, lớp
10. Giữ gìn tài sản của mình, của bạn bè, của lớp và của trường
11. Mặc trang phục gọn gàng, phù hợp độ tuổi
12. Nói KHÔNG với Bạo lực giới

*Lớp mình là Lớp học An toàn, Thân thiện và Bình đẳng!*

Giáo viên chủ nhiệm có thể tham khảo thêm các hoạt động dưới đây, được tóm tắt trong tài liệu "Chấm dứt bạo lực trong trường học: Hướng dẫn dành cho giáo viên" (2009) của UNESCO, là một công cụ rất hữu ích khi đưa ra các hoạt động cho học sinh để phòng ngừa và ngăn chặn BLHĐTCSG:

- Yêu cầu học sinh thảo luận với bạn và một số người khác “thế nào thì gọi là bạo lực? Thế nào thì không gọi là bạo lực? Bạo lực trên cơ sở giới là gì?”
- Tổ chức thảo luận tại lớp về bạo lực học đường với những câu hỏi dẫn dắt như: Ai bị ảnh hưởng và ảnh hưởng thế nào? Ai trong trường và trong cộng đồng mà em có thể tiếp cận để kêu gọi sự giúp đỡ?

<sup>61</sup> Plan quốc tế tại Việt Nam (2014). *Tài liệu đã dẫn*

- Lập một danh sách những người và tổ chức có thể hỗ trợ các em trong việc ngăn chặn bạo lực học đường và thảo luận cách để tiếp cận với những người này.
- Đề xuất các cách thức nâng cao nhận thức về quyền con người trong trường học và thúc đẩy sự tôn trọng và đánh giá cao sự khác biệt, ví dụ, thông qua các cuộc tranh luận, đi thực tế, trò chơi, đóng vai, kể chuyện và hỏi ý kiến của học sinh.
- Khuyến khích các hành vi có tính xây dựng bằng cách cộng thêm điểm thưởng hoặc cho thêm năm phút thời gian chơi / giải lao.
- Hàng tuần, kể về một gương tốt hoặc một ví dụ điển hình trước tập thể lớp, hoặc đề cử 'nhóm có hành vi cư xử tốt nhất' và tuyên dương nhóm đó ở một nơi đáng chú ý trong lớp học. Việc công nhận và tuyên dương kịp thời tuy là nhỏ nhưng sẽ đem lại sự hài lòng.
- Đảm bảo rằng khi thực hiện việc kỷ luật một học sinh, thì việc kỷ luật là tập trung vào hành vi sai trái của học sinh và tác động của nó - không phải là tập trung vào chính bản thân học sinh đó. Tùy thuộc vào bản chất của các hành vi sai lệch đó, xem xét và tham khảo một số phương pháp kỷ luật dưới đây để áp dụng:
  - + Dành thời gian sau giờ học hoặc trong thời gian nghỉ giải lao để thảo luận về hành vi sai trái - tại sao lại có hành vi đó? Nên làm gì để sửa chữa?
  - + Yêu cầu học sinh xin lỗi;
  - + Đổi chỗ ngồi;
  - + Gửi thông tin ghi chú tới cho phụ huynh, hoặc tới nhà học sinh ;
  - + Phân tích mức độ nghiêm trọng của tình hình và quyết định để gửi học sinh đến văn phòng của hiệu trưởng phụ thuộc vào tình hình.
  - + Cho học sinh biết rằng hành vi và lời nói bạo lực, dù chưa gây ra hậu quả nghiêm trọng, nhưng là điều không được dung thứ.
- Thường xuyên thi hành các hình thức kỉ luật đối với các hành vi bạo lực lời nói hoặc thể chất. Đặc tính của các hình thức kỉ luật hiệu quả là:
  - + Hình thức kỷ luật không nặng nề, có thể sử dụng thường xuyên;
  - + Tăng dần mức độ kỷ luật nghiêm khắc nếu học sinh tái diễn hành vi bạo lực;
  - + Có thể dự đoán được hình thức kỷ luật nào là can thiệp hiệu quả với hành vi bạo lực và phải thực hiện kịp thời;
  - + đảm bảo có sự tham gia và dựa trên sự mong đợi chung của mọi HS.
- Thành lập CLB phòng chống bạo lực cho học sinh. Giúp học sinh tổ chức các hoạt động để thúc đẩy một chiến dịch hòa bình và một khuôn viên an toàn cho tất cả mọi người. Xây dựng một môi trường lớp học không bạo lực cho học sinh học tập trong một bầu không khí thân thiện với tinh thần đoàn kết.

- Tổ chức một cuộc thi vẽ hoặc viết về quy định lớp học và đề nghị học sinh đưa ra các thông điệp về chống bạo lực trên cơ sở giới và bắt nạt (ví dụ lớp của chúng tôi không có "Cá mập").
- Trong các cuộc họp lớp, yêu cầu học sinh đóng vai một tình huống, ví dụ, "Điều gì sẽ xảy ra nếu bạn đang phải đối mặt với một kẻ gây bạo lực? Bạn sẽ làm gì?"
- Bằng cách tạo ra các tình huống mà trong giây lát thực tế, học sinh có thể thực hành đối phó với các tình huống căng thẳng, phức tạp hoặc chưa từng gặp phải. Đồng thời, khuyến khích các trò chơi mà học sinh vào những vai mà học sinh khác có thể gặp phải, để khuyến khích sự đồng cảm. Yêu cầu học sinh thảo luận về việc họ cảm thấy như thế nào và giải pháp cho vấn đề này là gì.
- Đảm bảo việc đối xử với các em trai và em gái là bình đẳng như nhau. Số lần và chất lượng tương tác thấp của giáo viên với các em gái làm giảm lòng tự trọng và sự tự chủ, làm tăng khả năng trở thành nạn nhân của các em.
- Nhắc nhở học sinh tránh xúc phạm hay trêu chọc nhau, đặc biệt là liên quan đến sự khác biệt về giới tính.
- Thực hiện bài tập lập bản đồ với học sinh để xác định các nơi chốn an toàn và không an toàn trong trường, xác định thời điểm và địa điểm nào có nguy cơ cao đối với học sinh. Nên cảnh báo với cán bộ và nhân viên nhà trường về các góc tối, khu vực không đủ ánh sáng, cầu thang và nhà vệ sinh không có giám sát, nơi học sinh có nguy cơ bị lạm dụng tình dục hoặc thể chất.

#### **2.2.4. Trong đánh giá kết quả học tập của học sinh**

- Trong đánh giá kết quả học tập của HS, GVCN nên áp dụng phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập công bằng cho mọi học sinh.
- Cần tránh sử dụng ngôn ngữ mang tính định kiến giới/khuôn mẫu giới khi nhận xét hay động viên kết quả học tập của HS. GVCN cần có biện pháp phù hợp để khích lệ cả học sinh nam và học sinh nữ chưa tự tin. Đặc biệt, cần chú ý động viên, khuyến khích những HS nữ có suy nghĩ thiếu tự tin về kết quả học tập của mình (Ví dụ, không nên đưa ra những nhận định hàm ý việc học tốt các môn KHTN là lợi thế đương nhiên của HS nam, còn HS nữ thì thường thiên về học khá các môn KHXX)
- Tránh tạo áp lực thành tích cho HS cả nam và nữ khi GVCN nhận xét, đánh giá kết quả học tập của cả lớp (Ví dụ, việc thường xuyên khen ngợi HS giỏi là nam, trong khi lại thường xuyên phê bình, chỉ trích HS yếu kém là nữ có thể tạo thêm áp lực cho em HS nữ và tăng thêm sự tự ti của em – đặc biệt nếu đó lại là những HS nữ hay mặc cảm, xấu hổ)
- Thực hiện đánh giá đồng đẳng bằng cách chia lớp thành các nhóm, mỗi tổ có cả nam và nữ. GVCN có thể để cho HS tự đánh giá lẫn nhau trong nhóm, giữa các nhóm và đánh giá chính bản thân mình.

### **2.2.5. Trong việc phối hợp với giáo viên bộ môn, cha mẹ HS, và các lực lượng giáo dục khác trong và ngoài nhà trường**

- Đảm bảo rằng có sự phối hợp thường xuyên, liên tục giữa BGH trường, GVCN, giáo viên bộ môn, phụ huynh, học sinh và cộng đồng các cấp. Sự hợp tác này nên có sự tham gia của cả HS nam và nữ, cả cha và mẹ các em để bảo đảm sự cân bằng giới ngay trong chính các thành phần tham gia hoạt động phối hợp.
- Các giáo viên cần hỗ trợ nhau trong việc thu thập dữ liệu thích hợp từ trường của mình liên quan đến BLHĐTCSG.
- GVCN trao đổi, chia sẻ với GV bộ môn về cách thức loại bỏ, giảm bớt các nội dung còn mang tính định kiến, phân biệt giới trong chương trình, SGK các môn học.
- Phối hợp thường xuyên với các cơ quan chính phủ, các tổ chức, bảo tàng và các phương tiện truyền thông là việc làm thiết thực để phổ biến các tài liệu giáo dục và thông điệp về sự cần thiết của bình đẳng giới tới mọi người dân.

Nhà trường có thể phối hợp với cộng đồng địa phương trong việc triển khai thực hiện “Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới” từ ngày 15/11 đến 15/12 hàng năm với các hoạt động chính: Xây dựng chủ đề và thông điệp truyền thông cho tháng hành động; tuyên truyền, biểu dương, khen thưởng các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong công tác bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực học đường trên cơ sở giới...

### **2.2.6. Trong công tác tư vấn, tham vấn học đường cho HS<sup>62</sup>**

- Bảo đảm một cơ chế báo cáo bảo mật, có nhạy cảm trẻ em, nhạy cảm giới, và dễ tiếp cận trong việc tiếp nhận, xử lý, theo dõi các ca tư vấn học đường.
- Mỗi quốc gia, vùng miền, đơn vị trường học có thể áp dụng những cách thức bảo mật khác nhau. Một số ví dụ thành công bao gồm: số điện thoại hỗ trợ, hệ thống báo cáo và hộp thoại, hòm thư hạnh phúc và nỗi buồn, giáo viên đầu mối, ...vv.
- Đảm bảo rằng tất cả các thành viên của tổ/ban tư vấn học đường đều thông suốt và có khả năng thực hiện một qui trình thống nhất, đồng bộ về hỗ trợ, thông tin, tư vấn, xử lý các vụ việc BLHĐTCSG, đồng thời tuân thủ các nguyên tắc cơ bản của tư vấn học đường.
- Thiết lập không gian thân thiện, chào đón và an toàn cho mọi học sinh (nam, nữ, LGBT) khi đến tư vấn. Địa điểm tư vấn có góc truyền thông, có thông điệp trực tiếp hoặc sách báo mang thông điệp mạnh mẽ rằng BLHĐTCSG là không được chấp nhận trong nhà trường và mọi HS dù là nam, nữ hay bản dạng giới khác đều nhận được sự trợ giúp bình đẳng khi gặp khó khăn.

<sup>62</sup>UNESCO, 2017. Theo tài liệu Khuyến nghị dành cho giáo viên chủ nhiệm, GV làm công tác tư vấn cho HS và BGH các trường phổ thông về phòng chống bạo lực học đường trên cơ sở giới,

- GVCN và mọi thành viên tổ/ban tư vấn cần được đào tạo và trang bị kiến thức về BLHĐTCSG, bình đẳng giới, đa dạng giới... để hiểu biết đúng và đầy đủ các vấn đề này, có khả năng áp dụng kiến thức để hỗ trợ tốt nhất cho học sinh gia đình các em.
- Phối hợp tích cực, chặt chẽ với gia đình HS (cả cha và mẹ) để giải quyết kịp thời, triệt để bất kỳ vụ việc nào bạo lực nào xảy ra trong lớp học, tránh xung đột kéo dài giữa các học sinh, hoặc giữa HS với GV.
- Cung cấp cho học sinh tên, địa chỉ liên hệ, số điện thoại của các tổ chức, cá nhân có thể tư vấn, hỗ trợ trẻ em liên quan đến các vấn đề về BLHĐTCSG.

Ví dụ:

- Số ĐT thường trực/ di động của Phòng/Tổ Tư vấn học đường của nhà trường, hoặc tương đương (nếu có);
- Tổng đài quốc gia hỗ trợ trẻ em: 111 (miễn phí)
- Các tổ chức hỗ trợ và bảo vệ cộng đồng người LGBT, phụ nữ và trẻ em bị bạo lực như: Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (ISEE), Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng Khoa học về Giới, Gia đình, Phụ nữ và Vị thành niên (CSAGA), Tổ chức bảo vệ quyền của người LGBT tại Việt Nam (ICS)...
- Các câu lạc bộ/hội của cha mẹ có con là LGBT ở Việt Nam (ví dụ PFlag)

### **3. Giới thiệu một số ví dụ về tổ chức các hoạt động học tập/bài học phòng chống và ứng phó với BLHĐTCSG**

Giáo dục phòng ngừa, ứng phó với BLHĐTCSG có thể tiến hành thông qua các hoạt động học tập/bài học dưới sự hướng dẫn của GVCN hoặc nhân viên nhà trường nhằm hình thành ở HS các quan niệm đúng về giới, giới tính, LGBTI, bình đẳng giới, bạo lực trên cơ sở giới, BLHĐTCSG,...; hình thành và rèn luyện các kỹ năng tôn trọng lẫn nhau giữa nam nữ, với các bạn LGBTI, xây dựng quan hệ thân thiện,... Các hoạt động/bài học cần được tổ chức bằng phương pháp cùng tham gia.

Tùy thuộc vào tính chất, nội dung, thời lượng của mỗi hoạt động gợi ý, GV có thể cân nhắc sử dụng các hoạt động này trong các không gian, thời gian phù hợp. Ví dụ, đối với các hoạt động có thời lượng dài 30-45 phút, có thể xem xét hướng dẫn cho HS thực hiện trong giờ sinh hoạt lớp, hoặc trong tiết học của Hoạt động trải nghiệm (theo chương trình GDPT mới), hoặc trong buổi học chuyên đề về kỹ năng sống mà một số trường học có tổ chức. Một số hoạt động có thời lượng ngắn hơn và tính chất phù hợp có thể được vận dụng để HS thực hành nhóm nhỏ trong các hoạt động câu lạc bộ (VD hoạt động “Tìm kiếm sự trợ giúp”). Đồng thời, GV hoàn toàn có thể dựa trên hoạt động đã gợi ý để thiết kế lại, điều chỉnh tăng/giảm về nội dung, thời lượng... để sử dụng một cách hợp lý nhất cho lớp học của mình. GVCN và nhân viên trường học có thể tham khảo một số ví dụ về

tổ chức các hoạt động này do UNESCO tổ chức biên soạn dưới đây<sup>63</sup>:

## (1) BẠO LỰC TRÊN CƠ SỞ GIỚI (BẠO LỰC GIỚI) LÀ GÌ?

**Thời lượng:** 40 phút

**Mục đích:** Thông qua hoạt động này HS có thể:

- Định nghĩa về bạo lực giới
- Cung cấp các ví dụ về các loại bạo lực giới khác nhau
- Nhận thức được bất kì ai cũng có thể là đối tượng của bạo lực giới, nhưng một số nhóm có khả năng bị trở thành đối tượng hơn là các nhóm khác.

**Từ khóa:** phân biệt đối xử, bạo lực giới

### Các bước thực hiện:

1. Nhắc lại cho HS là trong hoạt động trước các em đã học về các hình thức phân biệt đối xử và bạo lực, bao gồm về thân thể, tinh thần, tình dục và kinh tế. Hỏi lại các em về những nhóm hay người nào có khả năng chịu phân biệt đối xử và bạo lực cao hơn? Lập một danh sách các câu trả lời lên bảng.
2. Giải thích cho các em biết trên thế giới cũng như ở Việt Nam, trẻ em gái/phụ nữ có xu hướng chịu phân biệt đối xử trên cơ sở giới nhiều hơn trẻ em trai/nam giới. Tuy nhiên, một số nam giới cũng phải chịu phân biệt đối xử trên cơ sở giới đặc biệt là những người không tuân theo các chuẩn mực giới. Trong hoạt động này chúng ta sẽ nói về bạo lực giới.
3. Yêu cầu HS nhớ lại về thuật ngữ giới là gì? (đã học ở bài trước). Giải thích là khi đặt thuật ngữ bạo lực và giới cùng nhau chúng ta sẽ có khái niệm về bạo lực giới.
4. Cung cấp định nghĩa sau về bạo lực giới.

*Bạo lực giới là bạo lực nhắm tới cá nhân hoặc nhóm trên cơ sở giới của họ. Bạo lực giới là các hành vi gây ra hoặc có khả năng gây ra các tổn hại về thể chất, tình dục hoặc tâm lý cho người khác (nam, nữ hoặc LGBT) dựa trên các mong đợi về vai trò và khuôn mẫu giới. Bạo lực giới xảy ra là hệ quả của các mong đợi giới gắn với giới của một người và mối quan hệ quyền lực không bình đẳng giữa các giới.*

*Bạo lực giới có thể ảnh hưởng tới bất kì ai (bao gồm nam, nữ, LGBT).*

5. Yêu cầu HS nêu một số ví dụ về bạo lực giới. Hướng tới lấy ví dụ cho từng hình thức bạo lực về thể chất, tinh thần/tâm lý, tình dục, kinh tế. (Một số ví dụ được cung cấp dưới đây).

<sup>63</sup> UNESCO, 2016. Bộ công cụ hướng dẫn xây dựng mối quan hệ tôn trọng và bình đẳng trong trường học

### Một số ví dụ về bạo lực giới

**Thể chất:** Người chồng đánh vợ vì không chuẩn bị sẵn sàng bữa tối khi anh ta muốn.

**Tinh thần/ tâm lý:** Một bạn trai có những bình luận xấu về một bạn trai khác vì bạn trai đó trông nữ tính. Hoặc một bạn trai đe dọa sẽ làm hư tổn danh tiếng của một bạn gái nếu cô ấy không làm theo điều anh ta muốn.

**Tình dục:** Một người đàn ông ép buộc một phụ nữ quan hệ dù cô ta không muốn.

**Kinh tế:** Một nhóm học sinh nữ bắt một học sinh nữ khác mua đồ ăn cho nhóm, nếu không thì tẩy chay không cho chơi chung vì “mày béo như con voi Tây Nguyên”

6. Chia HS thành các nhóm nhỏ. Các em được phát một số tình huống, cũng như được yêu cầu tạo một tình huống của riêng mình. Những tình huống này cung cấp các ví dụ về một hình thức bạo lực giới có thể xảy ra đối với các em trong hoặc quanh trường. Các em sẽ nêu tên các loại bạo lực giới diễn ra trong tình huống này. Các em cũng sẽ nghĩ về những việc có thể làm để ngăn chặn hoặc ứng phó với loại bạo lực giới đó.

#### Tình huống 1

Vào thứ 5, Lan đi bộ đến trường. Bình thường cô ấy hay đi với các bạn của mình nhưng ngày hôm đó họ không có ở đó và cô ấy không muốn đến trường muộn. Còn hai dãy nhà để tới trường thì cô ấy phải đi qua một nhóm các bạn nam lớn tuổi hơn đang chờ trong một nhóm lớn hơn. Các bạn bắt đầu huýt sáo và một bạn còn cố tình dẫm vào chân cô khi cô đi qua.

#### Tình huống 2

Hải là một HS lớp 10. Các bạn cùng lớp của Hải trêu chọc Hải và nói Hải quá giống con gái. Khi Hải đi chơi bóng đá vào thứ 4 như bình thường thì các bạn trong nhóm nói rằng không muốn Hải chơi cùng nữa. Sau đó, khi Hải hỏi một người bạn trong nhóm tại sao các bạn lại đối xử với mình như vậy, người bạn đó của Hải cho biết có ai đó đã đăng các bức ảnh Hải mặc giống như con gái lên Facebook.

#### Tình huống 3

Năm nay Oanh 16 tuổi. Sau kỳ nghỉ hè dài, cơ thể của Oanh có sự thay đổi nhanh chóng. Ngày đầu tiên nhập học ở trường THPT, Oanh rất bối rối. Khi đang đi dọc hành lang để tìm lớp của mình, Oanh gặp một số bạn nam chỉ trỏ về phía mình và cười. Một số bạn còn tìm cách va chạm vào Oanh tại hành lang. Một bạn còn chỉ trực tiếp vào ngực cô ấy và ra dấu hiệu ám chỉ ngực cô ấy đã phát triển. Sau đó một số bạn khác cười theo. Oanh bắt đầu ước mình không bao giờ phải đến trường học này,....



Tình huống tự tạo: .....

Câu hỏi thảo luận:

- Loại hình BLG nào xảy ra trong tình huống? (thể chất, tinh thần/tâm lý, tình dục)
- Sự việc đó có thể ảnh hưởng tới người bị bạo lực như thế nào?
- Điều gì cần thay đổi để ngăn chặn điều này xảy ra?
- Điều gì cần thay đổi để có các biện pháp hiệu quả nếu vấn đề này xảy ra?

7. Mời các nhóm trình bày trước lớp và đưa ra gợi ý của nhóm mình về cách phòng ngừa và ứng phó.

**Lưu ý cho GV:**

Tạo ra một số tình huống tưởng tượng nhưng mang tính đại diện phù hợp với bối cảnh thực tế. Bao gồm một số ví dụ ở mức độ thông thường hoặc thấp hơn thay vì chỉ là những câu chuyện bạo lực giới cực đoan. Điều này giúp HS nhận thức được bạo lực có thể là một phần trong cuộc sống hàng ngày của các em. Khi yêu cầu các em tự nghĩ ra tình huống, đảm bảo các em không sử dụng tên mình hoặc tên người khác được biết tới và tránh vi phạm quyền riêng tư của ai đó qua việc sử dụng chi tiết về một vụ việc mà mọi người nhận ra.

8. Tóm tắt các điểm chính:

Hoạt động này giúp chúng ta nhận thức được:

- Bạo lực giới là bạo lực nhắm tới người khác trên cơ sở giới của họ.
- Bạo lực giới có thể xảy ra với bất kỳ ai, nhưng thông thường nhất là với những người không tuân theo các chuẩn mực giới.
- Bạo lực giới có thể ít được chú ý tới vì được nhìn nhận là một phần của chuẩn mực giới cho phép sử dụng bạo lực đối với những người không tuân theo các mong đợi giới.
- Chúng ta có thể chống lại bạo lực giới bằng cách học nhận diện các hình thức bạo lực. Chỉ đích danh đây là một hành động sai trái có thể là bước đi đầu tiên trong nỗ lực phòng ngừa hoặc ứng phó hiệu quả đối với vấn đề này.
- Chúng ta có thể tìm cách giảm thiểu tác hại gây ra bởi bạo lực giới thông qua kết hợp các chiến lược phòng ngừa và ứng phó hiệu quả.

## (2) ẢNH HƯỞNG CỦA BẠO LỰC GIỚI

**Thời lượng:** 30 phút

**Mục đích:** Thông qua hoạt động này HS có thể:

- Mô tả các hình thức bạo lực giới mà nam giới/em trai hay quan sát thấy, khởi xướng hoặc trở thành đối tượng trong và xung quanh nhà trường
- Mô tả các hình thức bạo lực giới mà phụ nữ/em gái hay quan sát thấy, khởi xướng hoặc trở thành đối tượng trong và xung quanh nhà trường
- Nhận diện ảnh hưởng thể chất và tâm lý của bạo lực học đường trên cơ sở giới đối với đối tượng, người chứng kiến, người cổ vũ và người gây bạo lực.

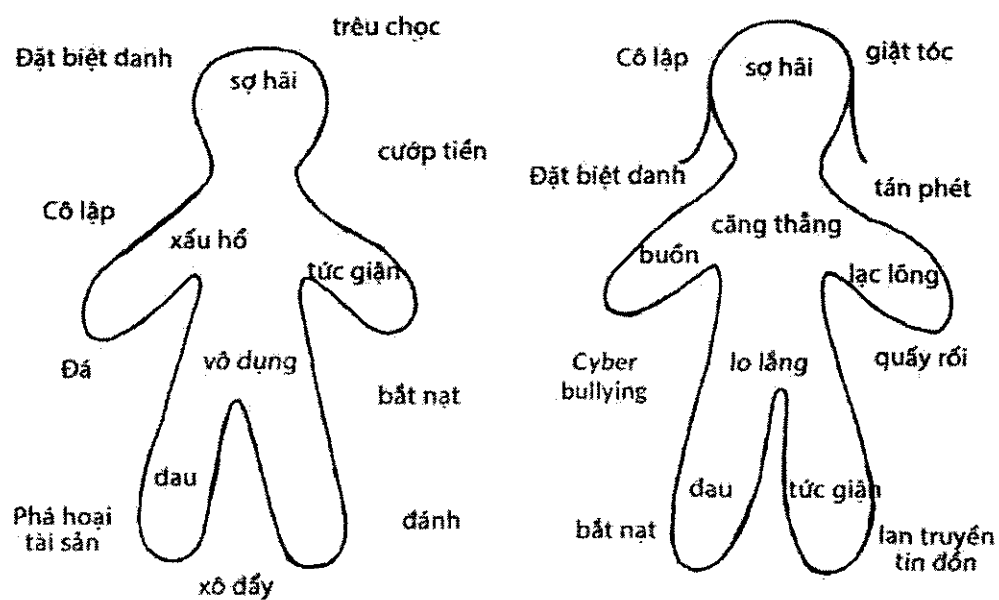
**Từ khóa:** bạo lực giới

**Các bước thực hiện:**

1. Chia HS thành nhóm ba hoặc bốn người cho hoạt động này.
2. Giải thích cho các em rằng trong hoạt động này, các em sẽ nói về các hình thức bạo lực mà HS nam, HS nữ và HS LGBT có thể gặp phải trong trường học. Sau đó các em sẽ nhận diện các cảm xúc mà người bị bạo lực có thể cảm thấy.
3. Đưa cho mỗi nhóm một tờ giấy (hoặc các nhóm sử dụng giấy vờ).
4. Gập tờ giấy làm đôi. Ở một mặt vẽ hình một HS nữ. Ở mặt còn lại vẽ hình một HS nam.
5. Ở khoảng trống ngoài cơ thể, liệt kê tất cả các loại bạo lực có thể xảy ra. Lập danh sách riêng cho HS nam, HS nữ và HS LGBT. Gợi ý cho các em bao gồm các ví dụ về bạo lực thể chất (đấm, đá), và bạo lực tinh thần/tâm lý (đe dọa, tin đồn, đặt biệt danh có tính xúc phạm).
6. Ở khoảng trống trong cơ thể, viết tất cả các cảm xúc mà những loại bạo lực này có thể gây ra ở người bị các hình thức bạo lực đó.

### **Lưu ý cho GV:**

Nhấn mạnh điều quan trọng là cần hiểu tác động tâm lý mà bạo lực gây ra. Khi chúng ta học về tác động của bạo lực chúng ta có thể cảm thông với đối tượng và ít có khả năng gây ra hoặc chấp nhận bạo lực hơn hoặc coi đó là trò đùa hoặc trêu chọc. Việc gọi tên các hành động này là các hình thức bạo lực hoặc bắt nạt là bước đầu tiên tới việc nhận thức loại hành động này là không thể chấp nhận được.



7. Thảo luận: hướng dẫn HS so sánh các loại bạo lực mà nam giới, phụ nữ và người LGBT gặp phải.

8. Hỏi HS:

- Đây là các hình thức bạo lực phổ biến nhất? Điều này có đúng với phụ nữ, nam giới và người có bản dạng giới khác không?
- Những loại bạo lực nào nam giới gây ra đối với nam giới khác? Với phụ nữ? Với người LGBT?
- Những loại bạo lực nào phụ nữ gây ra đối với phụ nữ khác? Với nam giới? Với người LGBT?
- Các em có để ý thấy xu hướng nào không?

9. Gọi các em trong nhóm trình bày những gì các em để ý thấy trong hoạt động này.

10. Tóm tắt các điểm chính:

Hoạt động này giúp chúng ta nhận thức được:

- Bạo lực trong nội bộ trường, cho dù là về thể chất, tinh thần/tâm lý hay tình dục, đều có nhiều tác động tiêu cực tới người bị bạo lực.
- Điều này có thể gây ra các thương tổn về tâm lý và thể chất và ảnh hưởng tới khả năng học tập của họ.
- Việc có thể cảm thông với người bị bạo lực giới khiến chúng ta ít có khả năng gây ra hoặc chấp nhận bạo lực giới hơn cho dù là bất kì hình thức nào.

- Tại nhiều nơi, trẻ em gái và trẻ LGBT có xu hướng gây ra và chịu các hình thức bạo lực khác nhau.
- Tại nhiều nơi, trẻ em trai có xu hướng là nạn nhân và người gây ra bạo lực thể chất, nhưng trẻ em gái có xu hướng chịu bạo lực giới nhiều hơn.

### (3) HÌNH MẪU TÍCH CỰC

**Thời lượng:** 40 phút

**Mục đích:** Thông qua hoạt động này HS có thể:

- Mô tả các đặc điểm và điểm mạnh các em quý trọng ở người khác
- Xem xét bản chất phi giới tính của các đặc điểm và thế mạnh mà các em quý trọng

**Từ khóa:** thế mạnh, giá trị, nhân cách

**Các bước thực hiện:**

1. Giải thích cho các em hoạt động này sẽ tập trung vào các đặc điểm tích cực mà chúng ta ngưỡng mộ ở người khác và giá trị nội tại của các em. Để bắt đầu, chúng ta sẽ tập trung vào các đặc điểm của một số người chúng ta biết và ngưỡng mộ.

2. Đưa ra ví dụ bằng cách mô tả đặc điểm của một người mà bạn ngưỡng mộ. Sau đó, đưa ra các ví dụ về những hành vi của người đó mà bạn nghĩ thể hiện những đặc điểm bạn đã mô tả. Viết một số đặc điểm hoặc thế mạnh của người đó lên bảng. Ví dụ:

Dũng cảm	Công bằng	Tài lãnh đạo
Trung thực	Sáng tạo	Tự tin
Tốt bụng	Thông minh	Yêu mến

3. Cho các em thời gian suy nghĩ về một người các em ngưỡng mộ hoặc tôn trọng. Đây phải là một người các em đã từng trực tiếp gặp. Đó có thể là một người gần gũi với các em như người thân hoặc bạn của gia đình. Các em có thể giữ bí mật tên người đó. Yêu cầu các em viết ra ít nhất ba từ để mô tả những đặc điểm các em ngưỡng mộ ở người đó.

4. Chia các em thành cặp hoặc nhóm ba người để kể về người các em ngưỡng mộ và chia sẻ những từ các em lựa chọn để mô tả những đặc điểm đặc biệt của người đó.

5. Gọi một số em tình nguyện trình bày về các đặc điểm tập hợp được trong nhóm. Lập một danh sách trên bảng. Bạn có thể bổ sung thêm một số từ. (Xem ví dụ về các thế mạnh được cung cấp ở cuối hoạt động này).

6. Chỉ ra những đặc điểm mà các em ngưỡng mộ không mang bản chất giới. Chúng ta có thể ngưỡng mộ những thế mạnh như lòng gan dạ, trung thành, thông thái, sáng tạo, hài

hước hoặc kiên nhẫn ở bất kì ai cho dù giới của họ là gì.

7. Sau khi HS đã hoàn thành làm việc theo nhóm, yêu cầu mỗi em vẽ một hình người đại diện cho hình mẫu của các em vào vở. Xung quanh hình người đó HS có thể lựa chọn từ trong danh sách của lớp để nêu tất cả các đặc điểm tích cực mà các em thấy ở người đó. Hoặc HS có thể làm tấm áp phích trưng bày để chia sẻ những gì các em ngưỡng mộ ở người khác.



**Lưu ý cho GV:**

Mỗi người đều có nhiều thế mạnh riêng. Những thế mạnh đó giúp chúng ta học hỏi điều mới, biết đúng sai và hòa hợp với người khác, giúp kiểm chế cảm xúc, hành vi và đối mặt với thách thức. Một số ví dụ đó là tốt bụng, công bằng, hài hước, dũng cảm, khoan dung, ham học hỏi, thật thà, chăm chỉ và hào phóng.

8. Yêu cầu HS xem lại các đặc điểm mà các em phát hiện và khoanh tròn một đặc điểm mà các em đặc biệt thích. Gọi mỗi em nêu đặc điểm đó trước lớp.

9. Khi đã hoàn thành, giải thích cho HS biết rằng thông thường con người nhấn mạnh những đặc điểm mà bản thân họ có. Điều đó có nghĩa là đặc điểm các em khoanh tròn có thể là thế mạnh mà bản thân các em có. Yêu cầu HS nghĩ về bản thân như một người có đặc điểm đó và cố gắng nhớ lại những tình huống mà các em đã sử dụng thế mạnh này.

**Lưu ý cho GV:**

Các nhà tâm lý học đã cho thấy khi chúng ta giúp HS nhận diện và sử dụng thế mạnh của mình và người khác, các em có nhiều khả năng sống khỏe và đạt thành tích tại trường học hơn.

10. Hỏi HS: Những đặc điểm nào chúng ta đều có thể cố gắng đạt được để khiến trường học trở thành nơi mọi người được đối xử một cách bình đẳng trên cơ sở tôn trọng không phân biệt giới và khác biệt có thể có? Một số ý tưởng có thể là tính công bằng, toàn diện

và khoan dung.

11. Khuyến khích các em giữ lại bản vẽ của mình để ghi nhớ thể mạnh các em ngưỡng mộ và sử dụng các thể mạnh các em có trong cuộc sống hàng ngày.

12. Hoạt động bổ sung để nâng cao kỹ năng viết:

Yêu cầu mỗi HS viết về người em ngưỡng mộ. Các em có thể giữ bí mật tên người đó. HS nên dùng ít nhất ba đặc điểm các em phát hiện ra ở người đó và mô tả chúng được thể hiện thế nào.

13. Hoạt động bổ sung cho sự tham gia của HS từ khía cạnh cộng đồng nhà trường: Phát triển một chương trình Bè bạn trong đó HS lớn tuổi hơn trở thành hình mẫu và người hướng dẫn cho các em nhỏ tuổi hơn. Các tấm gương tự nguyện này có thể giúp hướng dẫn bài tập, tham gia vào các hoạt động phát triển kỹ năng xã hội và hỗ trợ HS nhỏ tuổi hơn nếu cần thiết. Các tình nguyện viên có thể tham gia vào khóa tập huấn bạo lực học đường trên cơ sở giới để chuẩn bị cho vai trò của mình là hình mẫu tích cực.

**Lưu ý cho GV:**

GVCN cũng nên dành thời gian để suy nghĩ về đặc điểm cá nhân của mình. Đây là những đặc điểm khiến bạn là một GVCN tốt? Những đặc điểm nào GVCN cần có để đảm bảo đối xử với tất cả mọi người một cách công bằng?

GVCN có thể đóng vai trò hình mẫu giới tích cực cho HS. HS học hỏi từ việc quan sát thái độ, hành vi cũng như phong cách hướng dẫn của GVCN.

14. Tóm tắt các điểm chính:

Hoạt động này giúp chúng ta nhận thức được:

- Tất cả chúng ta đều có các thể mạnh riêng.
- Các thể mạnh này có thể có ở cả nam và nữ.
- Chúng ta có thể lựa chọn người chúng ta lấy làm hình mẫu cho bản thân trong cuộc sống của mình.
- Các thể mạnh và giá trị tích cực có thể được sử dụng để tạo môi trường tôn trọng và bao gồm tất cả mọi người.

Thể mạnh cá nhân\*

<b>Tốt bụng</b>	<b>Dũng cảm</b>	<b>Vị tha</b>
Bạn giúp đỡ người khác mà không mong đợi nhận lại gì	Bạn làm điều bạn biết là đúng cho dù cảm thấy sợ hãi hoặc lo lắng	Bạn bỏ qua cơn giận dữ và tổn thương khi ai đó làm bạn buồn

<p><b>Tài lãnh đạo</b></p> <p>Bạn nghĩ và đưa ra các gợi ý giúp cả nhóm</p>	<p><b>Hài hước</b></p> <p>Bạn thích cười và muốn làm người khác cười</p>	<p><b>Công bằng</b></p> <p>Bạn đảm bảo ai cũng có lượt. Bạn tuân thủ quy tắc</p>
<p><b>Tốt bụng</b></p> <p>Bạn giúp đỡ người khác mà không mong đợi nhận lại gì</p>	<p><b>Hào phóng</b></p> <p>Bạn chia sẻ đồ của mình cho người khác và để họ tham gia vào chơi cùng</p>	<p><b>Chăm chỉ</b></p> <p>Bạn kiên trì trong công việc kể cả khi việc đó không dễ dàng</p>
<p><b>Tốt bụng</b></p> <p>Bạn giúp đỡ người khác mà không mong đợi nhận lại gì</p>	<p><b>Kiểm chế</b></p> <p>Bạn kiểm chế các cảm xúc của mình kể cả khi bạn cảm thấy muốn la hét hoặc muốn trở nên xấu tính</p>	<p><b>Tò mò</b></p> <p>Bạn thích học hỏi những điều mới</p>

\* Đây là phiên bản rút gọn của danh sách 24 thể mạnh cá nhân đưa ra bởi hai nhà tâm lý học Chris Peterson và Martin Seligman (2004). *Thể mạnh và đức tính cá nhân: Sổ tay phân loại*. Nhà xuất bản Đại học Oxford.

#### (4) KỸ NĂNG GIAO TIẾP QUYẾT ĐOÁN

**Thời lượng:** 40 phút

**Mục đích:** Thông qua hoạt động này HS có thể:

- Phân biệt giữa hành vi giao tiếp quyết đoán, hành vi gây hấn và hành vi cam chịu
- Thực hành các chiến lược thể hiện giao tiếp quyết đoán để ứng phó hoặc phòng ngừa bạo lực giới

**Từ khóa:** giao tiếp, giao tiếp quyết đoán, bạo lực giới

**Các bước thực hiện:**

1. Giải thích cho các em rằng tất cả chúng ta đều cần các kỹ năng để thể hiện mong muốn và quyền của mình trong các mối quan hệ với bạn bè, gia đình, đồng nghiệp hoặc sếp mà không tỏ ra bạo lực hoặc gây hấn. Nhưng chúng ta cũng cần đảm bảo quyền của chúng ta được tôn trọng không phân biệt giới hoặc tuổi tác. Chúng ta không nên cảm thấy có lỗi khi nói không với một điều mà chúng ta biết không tốt cho chúng ta hoặc không mang tính tôn trọng hoặc nguy hiểm.

2. Giải thích có ba phong cách khác nhau mà một người có thể dùng để thể hiện cảm xúc, mong muốn, quan điểm hoặc nhu cầu của mình:

- **Gây hấn:** Một người thể hiện cảm xúc và ý kiến của mình bằng cách đe dọa, đòi hỏi,

trừng phạt hoặc bạo lực. Người này đòi hỏi quyền của mình mà không quan tâm đến quyền của người khác. Điều này tương tự như: “Đây là điều tôi muốn. Điều bạn muốn không quan trọng!” Gây hấn là cách bạn sử dụng quyền lực đối với người khác theo cách tiêu cực.

- *Giao tiếp quyết đoán* (một cách rõ ràng, lịch sự và tôn trọng người khác): Một người thể hiện cảm xúc, nhu cầu, quyền lợi chính đáng và ý kiến mà không trừng phạt hoặc đe dọa và không vi phạm quyền của người khác. Người đó có thể nói có hoặc không đối với các yêu cầu một cách lịch sự và tôn trọng, nhưng không hy sinh quyền lợi của mình và không cảm thấy có lỗi. Điều này tương tự như: “Tôi tôn trọng bản thân và tôi cũng tôn trọng bạn.”
- *Cam chịu*: Một người không thể hiện được cảm xúc, nhu cầu, ý kiến hoặc mong muốn của mình khiến người khác không hiểu được thông điệp. Người mang tính thụ động có thể cảm thấy có lỗi khi nói không mặc dù đó là một điều xấu hoặc nguy hiểm cho họ. Điều này tương tự như: “Điều bạn muốn là quan trọng; nhưng tôi thì không, do đó bạn không phải lo cho tôi.”

3. Đưa ra một số ví dụ ngắn để diễn tả sự khác biệt giữa ba cách giao tiếp này. (Hoặc dùng hai câu chuyện dưới đây làm ví dụ.)

*Tình huống 1*: Một HS nữ hỏi một nhóm các bạn nam liệu em có thể tham gia chơi đá bóng cùng không. Một trong số các bạn nam la lên: “Vớ vẩn ! Con gái vô dụng lắm! Chơi đá bóng chỉ dành cho con trai thôi!”

- Phản ứng gây hấn: HS nữ này hét lại vào mặt bạn nam và nói rằng: “Mày cũng chỉ chạy như con gái mà thôi!!! Nếu mày chạy như con gái và chơi bóng đá được thì tao cũng chơi được!!!”
- Phản ứng giao tiếp quyết đoán: HS nữ nói rằng “Tớ rất giỏi bóng đá. Tớ rất buồn vì bạn không cho tớ chơi cùng. Nếu tớ chơi cùng, tớ có thể giúp đội bạn thắng đấy. Con gái cũng có thể chơi đá bóng giỏi!”
- Phản ứng cam chịu: HS nữ không nói gì cả và khóc bỏ đi.

5. Chỉ ra rằng trong các tình huống chúng ta cần giải quyết xung đột hoặc trong các tình huống chúng ta cảm thấy bị áp lực phải làm điều chúng ta không muốn, giao tiếp quyết đoán là một kỹ năng hữu ích. Khi chúng ta làm vậy, chúng ta vẫn tỏ ra lịch sự nhưng đảm bảo là chúng ta không tham gia vào việc gì nguy hiểm hoặc không có lợi cho chúng ta.

6. Yêu cầu HS chọn một trong những lựa chọn sau để làm bài tập và qua đó thể hiện sự khác biệt giữa một phản ứng cam chịu, giao tiếp quyết đoán và gây hấn. HS cũng có thể chọn tình huống của riêng mình hoặc sử dụng tình huống dưới đây.

*Tình huống 2*: Một em gọi một em khác bằng một cái tên xúc phạm



Lựa chọn A: Vẽ tranh. Yêu cầu các em HS vẽ ba tranh hoạt hình đơn giản thể hiện cách người bị bạo lực hoặc người chứng kiến phản ứng một cách a) gây hấn; b) giao tiếp quyết đoán; và c) cam chịu.

Lựa chọn B: Tạo trạng thái “dùng hình”. Yêu cầu từng cặp các em ngồi đối diện nhau, một người thể hiện người gây bạo lực còn người kia đáp lại bằng cách: a) gây hấn; b) giao tiếp quyết đoán; và c) cam chịu. Khi các em đang thực hiện từng hành động thì GV yêu cầu một số cặp dừng lại với tư thế giữ nguyên. Các em còn lại đang chứng kiến sẽ đoán xem phong cách giao tiếp của mỗi cặp đang thể hiện là gì.

Lựa chọn C: Đóng vai. Chia các em làm việc theo cặp hoặc theo nhóm ba người để tạo ra vở kịch ngắn thể hiện cách người bị bạo lực hoặc người chứng kiến phản ứng một cách a) gây hấn; b) giao tiếp quyết đoán; và c) cam chịu. Gọi một số nhóm lên đóng vai trước lớp. Khán giả sẽ đoán xem phong cách giao tiếp của mỗi vở kịch là gì.

Lựa chọn D: Viết kịch bản. Yêu cầu các em viết ba kịch bản ngắn thể hiện cách người bị bạo lực hoặc người chứng kiến phản ứng một cách a) gây hấn; b) giao tiếp quyết đoán; và c) cam chịu.

Lưu ý cho GV:

Hoạt động “dùng hình” là các cặp HS thể hiện những cảnh không có chuyển động hay tiếng động. Chúng như là một bức ảnh. HS có thể tạo trạng thái này bằng cách sử dụng ngôn ngữ cơ thể và nét mặt.

#### 7. Tóm tắt các điểm chính:

Hoạt động này giúp chúng ta nhận thức được:

- Học cách giao tiếp quyết đoán giúp chúng ta biết cách bảo vệ quyền của mình hoặc quyền của người khác.
- Có thể thực hiện giao tiếp quyết đoán một cách lịch sự.
- Kỹ năng giao tiếp quyết đoán có thể được dùng trong gia đình, trong các mối quan hệ, trong trường học và tại nơi làm việc để giúp xây dựng các mối quan hệ tôn trọng lẫn nhau.

### **(5) SỬ DỤNG MỆNH ĐỀ “TÔI” ĐỂ CHIA SẺ CẢM XÚC VÀ KHẲNG ĐỊNH YÊU CẦU**

**Thời lượng:** 40 phút

**Mục đích:** Thông qua hoạt động này HS có thể:

- Học và thực hành mệnh đề “Tôi” như là chiến lược giao tiếp quyết đoán

- Thực hành cách nói “Tôi” trong tình huống phòng ngừa hoặc báo cáo vụ việc BLG
- Thực hành cách thể hiện nhu cầu cá nhân theo cách tích cực mà không đổ lỗi cho người khác

**Từ khóa:** giao tiếp, giao tiếp quyết đoán, cách nói “Tôi”

### Các bước thực hiện:

1. Trong hoạt động trước, chúng ta đã tìm hiểu về cách sử dụng giao tiếp quyết đoán khi có xung đột hoặc vấn đề trong quan hệ cần giải quyết. Điều này cũng hữu ích khi bạn muốn người khác biết về cảm xúc, ý thích, mong muốn, nhu cầu, hoặc mối lo ngại của mình. Khi chúng ta phải đối mặt với khó khăn hoặc với thách thức trong quan hệ, điều hữu ích là có thể nói cho người khác biết bạn cảm thấy gì trong khi vẫn kiềm chế được khả năng thể hiện cảm xúc của mình. Điều này có thể được thực hiện một cách tôn trọng và tự khẳng định mình thông qua sử dụng mệnh đề “Tôi”. Mệnh đề “Tôi” cho phép chúng ta thể hiện cảm xúc của mình một cách lịch sự và rõ ràng thay vì đổ lỗi cho người khác.

2. Trong mệnh đề “Tôi” người nói giải thích một hành động hoặc hành vi làm người đó cảm thấy gì. Ví dụ:

- **Khi** bạn không cho tôi tham gia trò chơi, **tôi cảm thấy** cô đơn
- **Khi** bạn cười nhạo tôi vì tôi bị điểm kém, **tôi cảm thấy** buồn
- **Khi** bạn nói tôi không thể chơi đá bóng vì tôi là con gái, **tôi cảm thấy** bị cô lập
- **Khi** bạn trêu chọc tôi vì tôi khác biệt, **tôi cảm thấy** bị tổn thương

3. Mệnh đề “Tôi” cũng có thể được dùng để gợi ý một cách lịch sự giải pháp cho vấn đề hoặc để yêu cầu giúp đỡ. Ví dụ:

- **Tôi cảm thấy** lo lắng **khi** bạn mượn bút tôi mà không hỏi và tôi không có bút khi cần, vì **vậy** hãy hỏi tôi trước khi dùng đồ của tôi.
- **Khi** bạn gọi tôi bằng cái tên trẻ con đó, **tôi cảm thấy** bạn nghĩ tôi vẫn còn là một đứa trẻ, mặc dù bạn nói bạn chỉ đùa thôi, vì **vậy** hãy gọi đúng tên tôi.

4. Yêu cầu các em sử dụng biểu mẫu sau để tự viết ví dụ của mình. Sau đó các em nên làm theo cặp hoặc theo nhóm để chọn ra một số ví dụ để thực hành và biểu diễn trước lớp.

<p>Mệnh đề “Tôi”</p> <p>Tôi cảm thấy ____ (nói ra cảm xúc của bạn)</p> <p>khi _____ (nói hành động hoặc điều xảy ra)</p> <p>nên/vì vậy _____ (nói yêu cầu của bạn)</p>
--

5. Tóm tắt các điểm chính:

Hoạt động này giúp chúng ta nhận thức được:

- Khi giải quyết các lo lắng hoặc thách thức trong các mối quan hệ, sẽ hữu ích khi có thể nói cho người khác bạn cảm thấy gì một cách tôn trọng và bình tĩnh.
- Mệnh đề “Tôi” là một cách nói tôn trọng người khác để thể hiện cảm xúc của bạn. Đây cũng là một cách nói lịch sự và quyết đoán để yêu cầu người khác.
- Mệnh đề “Tôi” cho phép bạn thể hiện cảm xúc của mình mà không đổ lỗi cho người khác.

**Lưu ý cho GV:**

Trong một số ngôn ngữ, mệnh đề “Tôi” có thể ít được sử dụng hoặc khó nói. Cùng thảo luận với HS về cách tốt nhất thể hiện mệnh đề “Tôi” trong ngôn ngữ của mình.

## (6) TÌM KIẾM SỰ GIÚP ĐỠ

**Thời lượng:** 20 phút

**Mục đích:** Thông qua hoạt động này HS có thể:

- Nhận diện những người mà HS có thể nhờ giúp đỡ nếu bị hoặc chứng kiến BLG
- Nhận diện những người mà HS có thể giúp đỡ trong cuộc sống thường ngày để góp phần giảm thiểu bạo lực giới

**Từ khóa:** tìm kiếm sự giúp đỡ, trợ giúp bạn bè, giúp bạn bè tìm kiếm sự giúp đỡ

**Các bước thực hiện:**

1. Giải thích cho HS là hoạt động này sẽ giúp chúng ta nghĩ về những người chúng ta có thể tìm đến để nhờ giúp đỡ, hỗ trợ hoặc tư vấn. Điều này sẽ giúp ích cho chúng ta trong tương lai khi chúng ta gặp phải khó khăn.

2. Yêu cầu mỗi HS trong lớp vẽ hai bàn tay lên giấy. Trên mỗi ngón tay của một bàn tay, viết tên hoặc ký hiệu một người các em có thể tìm đến để nhờ giúp đỡ khi gặp khó khăn hoặc khi cảm thấy buồn. Khuyến khích các em chọn ít nhất một người trong gia đình và một người trong môi trường khác (như tại nơi làm việc, trường học, câu lạc bộ). Trên mỗi ngón tay của bàn tay còn lại viết tên hoặc ký hiệu đại diện cho một người các em có thể hoặc muốn giúp đỡ.

3. Giải thích là có 5 bước để phát triển khả năng hoặc quyền lực bản thân để có biện pháp ứng phó thể hiện sự đồng cảm của chúng ta - mỗi bước cho từng ngón tay ở bàn tay giúp đỡ người khác.

- Bước 1. Quan sát và lắng nghe: Người đó đang nói gì, làm gì hay thể hiện gì qua ngôn ngữ cơ thể?

- Bước 2. Ghi nhớ: Bạn từng gặp phải tình huống tương tự vào lúc nào? Khi đó bạn cảm thấy thế nào?
- Bước 3. Tưởng tượng: Bạn cảm thấy thế nào trong tình huống này?
- Bước 4. Hỏi: Hỏi người đó về cảm xúc của họ.
- Bước 5. Thể hiện sự quan tâm của bạn: Nói hoặc làm một điều gì đó để thể hiện bạn đang cố gắng hiểu cảm xúc của họ.

4. Khuyến khích cả lớp nhớ về 5 người mà các em có thể tìm đến để nhờ giúp đỡ trong tương lai khi cần thiết. Khuyến khích HS quan tâm đến những người các em viết ở bàn tay còn lại để giúp đỡ, tư vấn hoặc hỗ trợ họ khi cần thiết. Nhắc HS là không thể đoán trước được ai sẽ tìm đến các em để nhờ giúp đỡ. Trợ giúp bạn bè là một cơ hội tốt để giúp xây dựng một cộng đồng lành mạnh không có bạo lực.

5. Tóm tắt các điểm chính sau:

Hoạt động này giúp chúng ta nhận thức được:

- Cần tìm kiếm sự giúp đỡ khi đối mặt với tình huống khó khăn.
- Cần giúp bạn bè tìm kiếm sự giúp đỡ nếu họ không thể tự mình tìm sự giúp đỡ.
- Mỗi người vừa có thể là người tìm kiếm sự giúp đỡ vừa có thể là người cung cấp sự giúp đỡ cho người khác.

### C. THÔNGIỆP/KẾT LUẬN PHẦN III

- ◎ Bất bình đẳng giới là nguyên nhân sâu xa của tình trạng bạo lực trên cơ sở giới và xâm hại tình dục trẻ em đã và đang xảy ra phổ biến trên thế giới và ở Việt Nam.
- ◎ Trong nhà trường phổ thông, bất kể học sinh (nam, nữ, hay LGBT) đều có thể là nạn nhân của các loại hình BLTCSG và xâm hại tình dục; nó gây tác động xấu đến sự phát triển sức khỏe thể chất, tâm thần, xã hội cũng như kết quả học tập của các em.
- ◎ Lồng ghép giới trong quản lý, giáo dục HS của GVCN trong trường THPT là rất quan trọng và cần thiết để xây dựng lớp học/trường học an toàn, thân thiện và bình đẳng; tạo môi trường công bằng cho học sinh học tập và phát triển toàn diện.
- ◎ Để phòng ngừa và ứng phó hiệu quả với BLHĐTCSG, GVCN cần:
  - Nâng cao nhận thức cho HS về giới, bình đẳng giới, bạo lực trên cơ sở giới. Qua đó, giúp HS có thái độ tôn trọng sự đa dạng tính dục và bản dạng giới để có hành vi ứng xử đúng trong các mối quan hệ giới.
  - Đa dạng hóa các hình thức và phương pháp giáo dục về bình đẳng giới và giáo dục phòng ngừa BLHĐTCSG thông qua các hoạt động quản lý, giáo dục HS của

GVCN, theo phương pháp cùng tham gia. Trong đó, HS phải trở thành chủ thể tích cực của sự thay đổi, đặc biệt là học sinh nam.

- Hình thành các kỹ năng giáo dục phòng ngừa và ứng phó với BLHĐTCSG như giáo dục kỷ luật tích cực, quan sát phát hiện các nguy cơ bạo lực, ứng phó với các tình huống bạo lực, xây dựng mối quan hệ thân thiện, tin cậy với HS, giúp các em HS nhận biết được các hành vi và hậu quả của BLHĐTCSG; cam kết nói “KHÔNG” với bạo lực.
- Phối hợp với gia đình và các lực lượng giáo dục khác để kịp thời phát hiện và xử trí ứng phó với BLHĐTCSG.

## D. BÀI TẬP TÌNH HUỐNG

**Một số bài tập tình huống thực hành LGG trong quản lý, giáo dục học sinh của GVCN ở trường phổ thông**

**Tình huống 1<sup>64</sup>.** Lan là một học sinh giỏi, luôn gương mẫu tham gia mọi hoạt động của lớp 11A. Trong một buổi họp lớp bầu lớp trưởng, Lan được đa số các bạn trong lớp bầu làm lớp trưởng, nhưng có một số bạn không đồng ý vì cho rằng lớp trưởng phải là con trai mới quản được các bạn nghịch trong lớp.

Bạn có đồng ý với ý kiến phản đối của các học sinh này không? Nếu là giáo viên chủ nhiệm của lớp 11A, bạn sẽ xử sự như thế nào?

**Tình huống 2<sup>65</sup>.** Trung là học sinh lớp 10, trường THPT A. Trung rất thích học văn và các môn xã hội, và rất muốn được đến trường mỗi ngày. Tuy nhiên, Trung luôn bị bạn bè chế nhạo là “thằng đàn ông mặc váy” vì Trung không thích toán hay các môn kỹ thuật như các bạn nam khác. Ở trường Trung thích chơi với các bạn nữ, mà không thích chơi với mấy bạn nam vì các bạn nam chỉ thích cãi lộn, đánh đấm. Nhiều khi mấy bạn nam còn cố ý gây sự để Trung đánh lại, nhưng Trung đều tránh xa và chẳng bao giờ muốn đánh lộn với họ. Vì vậy, các bạn thường gọi Trung là “đồ nhát gan, đồ mặc váy”. Có lần Trung khóc vì bị một bạn nam lớn hơn bắt nạt. Cô giáo chủ nhiệm nhìn thấy và hỏi Trung tại sao. Sau khi nghe Trung kể sự tình, cô giáo nói: “Chuyện chẳng có gì! Tốt nhất là Trung không nên hành động như một cô gái, không nên suốt ngày chỉ chơi với các bạn gái”. Trung ngạc nhiên và thật sự không hiểu tại sao cô lại khuyên Trung không nên chơi với các bạn nữ, khi Trung cảm thấy vui vì được chơi cùng các bạn?

Bạn có nhận xét gì về câu chuyện và cách xử lý của GVCN trong tình huống này?

<sup>64</sup> OXFAM, 2014. Dựa theo Ngân hàng câu hỏi và tình huống về Quyền trẻ em, tập 1, trang 53

<sup>65</sup> LIGHT, 2019. Dựa theo tài liệu tập huấn GVCN về Phòng chống và ứng phó với BLTCSG trong trường học

**Tình huống 4<sup>66</sup>:** Văn là một nam sinh học lớp 10A. Văn thường chơi với các bạn nữ trong lớp, thậm chí là chơi rất thân. Vóc dáng của Văn gầy và nhỏ nhắn, giọng nói nhẹ nhàng. Vì vậy Văn thường bị các bạn nam cười đùa, trêu chọc Văn là “pê-đê”, “thằng ẻo lả”, tẩy chay, không chơi với Văn, khiến em rất buồn. Thậm chí có lần Văn còn bị các bạn nam khác đánh trên đường đi học về chỉ vì trông Văn không giống như các bạn nam khác.

Là GVCN, nhận được tin báo của một học sinh trong lớp về câu chuyện của Văn, bạn sẽ xử lý như thế nào?

**Tình huống 5<sup>67</sup>:** M là nữ sinh lớp 11. M học giỏi đều các môn tự nhiên và xã hội, nhưng lại học không tốt môn Lý. Đầu học kỳ II, có thầy giáo dạy môn Lý mới chuyển đến trường và được phân công dạy lớp M. Trên lớp, thầy giáo dạy rất dễ hiểu và thân thiện với mọi học sinh. M đã mạnh dạn chia sẻ với thầy giáo là M không tự tin với môn Lý, thầy đã động viên M cố gắng học tập, kết quả sẽ khá lên. Sau đó, mỗi khi đến tiết Lý, thầy giáo thường đến chỗ M, ân cần hỏi han và giảng lại những kiến thức mà M còn băn khoăn. Tình cảm thầy trò ngày một tốt hơn, M rất quý trọng và nể phục thầy. Hôm đó, vào cuối tiết Lý, thầy giáo đến và đưa cho M một mẫu giấy, trong đó ghi: “cuối buổi học em ở lại, thầy giúp em củng cố kiến thức cho bài kiểm tra một tiết sắp tới”. M rất vui và háo hức chờ đến hết tiết 5. Khi các bạn ra về hết cũng là lúc thầy giáo dạy Lý lên lớp. Thầy đến bên và ngồi xuống cạnh M. Thầy đưa cho M một đề kiểm tra và bảo M đọc xem có làm được bài không. Trong khi M đọc, thầy giáo lấy tay vuốt tóc M, M rất e ngại nhưng không có phản ứng gì. Sau đó, thầy ngồi xích lại gần hơn, ghé má vào má M, vòng tay qua cổ M để chỉ vào đề kiểm tra và bắt đầu giảng. M thấy nóng bừng mặt, nhưng chưa biết phải làm thế nào, thì bất chợt, thầy xoay người M lại và ôm ghì lấy M. quá sợ hãi, M vùng ra, ôm cặp và bỏ chạy ra khỏi lớp.

Là GVCN của M, bạn sẽ làm gì khi biết câu chuyện này?

**Tình huống 6<sup>68</sup>:** Lan tính tình mạnh mẽ, thẳng thắn, mê các môn thể thao, ... hay bị các bạn gái và một vài bạn trai trong lớp gọi bằng “anh” hoặc “đại ca”. Thỉnh thoảng, Lan cũng chê các bạn gái lớp mình hơi tí thì ồm, hơi tí thì khóc, lại điệu đà, có sự kiện to nhỏ gì cũng đòi mặc áo dài, son phấn. Còn Lan, cứ quần jean, áo phông là thoải mái, năng động, tự do cá tính nhất. Điều này làm đám bạn gái thỉnh thoảng cũng cảm thấy ảm ức. Bù lại, Lan tốt bụng, hay giúp đỡ bạn bè nên được mọi người quý. Dù vậy, nhóm bạn vẫn “hạ quyết tâm” phải “cảnh tỉnh” cho Lan biết con gái dù có điệu đà, mít ướt, ... nhưng vẫn rất thú vị. Trước đây, Lan chỉ tham gia các hoạt động thể thao chứ không bao giờ chịu vào đội văn nghệ múa hát vì không thích và cũng không phải “gu” của Lan. Năm

<sup>66</sup> LIGHT, 2019. Tài liệu đã dẫn

<sup>67</sup> Plan, 2018. Dựa theo tài liệu giảng dạy về Phòng chống và ứng phó với BLTCSG trong trường học, trang 74

<sup>68&69</sup> <http://ask14.vn/>

nay, My- lớp trưởng- đề nghị với cô giáo cử Lan vào đội văn nghệ của nhóm con gái để đi thi ở trường, trang phục bắt buộc là áo dài.

Là GVCN của Lan, bạn sẽ xử sự ra sao?

**Tình huống 7<sup>69</sup>:** Giờ ra chơi, nhóm con trai túm tụm ‘ chém gió’ về chủ đề ‘đàn ông đích thực’. Ai cũng sôi nổi khoe “chiến tích” của mình về việc đã hút được bao nhiêu loại thuốc lá xìt, rượu mạnh; được đi bao nhiêu loại xe đẳng cấp nào; “cưa đổ” và “khám phá” được bao nhiêu cô gái... Trung được cả nhóm ngưỡng mộ vì có “nhiều chiến tích hiển hách”, Việt đang đứng nghe thì Trung một tay đưa cho Việt điếu thuốc, tay kia thì bật lửa, mặt hơi vênh lên, ra ý mời Việt hút thuốc. Việt lắc đầu. Trung bảo: “Chưa bao giờ thằng Trung này mời cái gì mà ai dám từ chối đâu nhé ! Thuốc lá xìt, người mời thì đẳng cấp mà vẫn không được à ? Hay cậu “có vấn đề”, không phải “X-men”, vì “phi điếu thuốc, bắt thành hảo hán” đấy ?”. Cả nhóm cười ha hả, bảo Việt rằng nếu cậu không hút thì ra kia mà nhảy dây với bạn con gái cho “trong sạch đội hình X-men”.

Nghe thấy các học sinh lớp mình chủ nhiệm bàn tán như vậy, bạn sẽ làm gì?

**Tình huống 8:** M ngồi người dân tộc Dao, sinh ra trong một gia đình nghèo, nhưng M rất chăm chỉ học tập và học giỏi, vì thế M được lên lớp 10 và đang học ở trường dân tộc nội trú. M luôn có ước mơ học tiếp để thi đỗ vào trường đại học Y, sau này trở thành một bác sĩ thật giỏi để chữa bệnh cho người dân nghèo ở bản của mình. Tuy nhiên, cuối học kỳ I M quen và yêu anh D đang học lớp 11 cùng trường. Dịp nghỉ hè, gia đình anh D đem lễ sang xin bố M cho cưới M về làm dâu. Bố M đồng ý ngay và còn nói rằng “con gái không cần phải học nhiều, chỉ cần biết chữ là được”. Nếu cưới chồng, sau kỳ nghỉ hè, chỉ có anh D được trở lại trường đi học, còn M phải nghỉ học ở nhà, biết bao ước mơ bị dang dở.

Nếu là GVCN của M, bạn sẽ làm gì trong tình huống này?

## PHẦN IV. PHỤ LỤC

### Phụ lục 1: Giải thích thuật ngữ<sup>70</sup>

**Giới:** Dùng để chỉ thái độ, cảm xúc và hành vi gắn với giới tính khi sinh của một người. Những hành vi được coi là phù hợp với các mong đợi của một nền văn hóa cụ thể thì được gọi là hành vi tuân theo chuẩn mực giới, và ngược lại hành vi không phù hợp với các mong đợi văn hóa thì được gọi là không tuân theo chuẩn mực giới. Những hành vi đó có thể là cách ăn mặc, hành động hàng ngày hoặc trong cách quan hệ với người khác. Vai trò và mong đợi giới là những điều mà một người hình thành dần dần, hoặc học được từ người khác xung quanh, nó có thể thay đổi theo thời gian, đồng thời có sự khác biệt trong và giữa các nền văn hóa.

**Vấn đề giới** chỉ sự bất bình đẳng giới trong một lĩnh vực cụ thể. Vấn đề giới bao gồm sự khác biệt hoặc khoảng cách bất bình đẳng giữa hai giới.

**Bình đẳng giới:** Sự coi trọng ngang nhau đối với tất cả mọi người không phân biệt giới của họ, và tạo điều kiện bình đẳng để họ phát huy đầy đủ quyền con người và năng lực của mình cho sự phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, chính trị và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó.

**Công bằng giới:** Là sự đối xử hợp lý đối với mọi người không phân biệt giới. Để đảm bảo công bằng, cần có các biện pháp khắc phục những yếu tố bất lợi về lịch sử và xã hội ngăn không cho tất cả mọi người có vị thế bình đẳng với nhau. Đảm bảo công bằng là một biện pháp để đạt được bình đẳng.

**Coi trọng giới:** Sự đối xử và coi trọng ngang nhau đối với tất cả các giới

**Biểu hiện giới:** Cách thức một người thể hiện giới của mình ra ngoài, bao gồm quần áo, kiểu tóc, giọng nói, hành vi và cách xưng hô.

**Bản dạng giới:** Việc một người tự nhận mình là nam, nữ, cả nam và nữ, hoặc hỗn hợp, và việc tự nhận này có thể tương ứng hoặc không tương ứng với giới tính khi sinh của họ. Khác với biểu hiện giới, bản dạng giới thường không thể hiện ra ngoài.

**Bạo lực trên cơ sở giới (hoặc bạo lực giới):** Là hành vi bạo lực nhắm tới cá nhân hoặc nhóm người trên cơ sở giới của họ. Bạo lực giới bao gồm bất kì hành động nào gây ra, hoặc có khả năng gây ra, các tổn hại về thể chất, tinh dục, tinh thần hoặc tâm lý của người khác dựa trên sự phân biệt đối xử giới, mong đợi vai trò giới và khuôn mẫu giới.

**Tính dục:** Kiến thức, niềm tin, thái độ, giá trị và hành vi tình dục của cá nhân. Các khía cạnh của tính dục bao gồm đặc điểm giải phẫu, sinh lý và hóa sinh của hệ thống phản hồi tình dục; bản dạng, xu hướng tính dục, vai trò, tính cách; suy nghĩ, cảm xúc và mối quan hệ. Biểu hiện tính dục chịu ảnh hưởng của các tư tưởng về đạo đức, tinh thần và văn hóa.

**Xu hướng tính dục:** Cảm giác hấp dẫn về tâm lý và tình dục đối với người khác có thể là người

<sup>70</sup> UNESCO, 2016. Xuất bản bởi Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc, 7 place de Fontenoy, 75352 Paris 07 SP, Pháp và UNESCO Băng Cốc, trang 1-3



khác giới, cùng giới hoặc thuộc một bản dạng giới khác.

**Người đồng tính** Người có cảm giác thấy hấp dẫn hoặc/và quan hệ tình dục với người cùng giới. Thông thường thuật ngữ này được dùng cho nam, nhưng cũng có thể dùng cho nữ.

**Người đồng tính nữ:** Phụ nữ có cảm giác thấy hấp dẫn hoặc/và có quan hệ tình dục với phụ nữ khác. Người đồng tính nữ cũng có thể là người vô tính, chuyển giới,...

**Người đồng tính nam:** Nam giới có cảm giác thấy hấp dẫn hoặc/và có quan hệ tình dục với nam giới khác. Người đồng tính nam cũng có thể là người vô tính, chuyển giới,...

**Người song tính:** Người có cảm giác thấy hấp dẫn hoặc/và có quan hệ tình dục với người thuộc nhiều hơn một giới.

**Người chuyển giới:** Thuật ngữ chung dành cho những người có bản dạng hoặc biểu hiện giới khác với giới tính được xác định khi sinh. Bản dạng chuyển giới không phụ thuộc vào tác động của các biện pháp y tế. Ví dụ, người được gán giới tính nữ khi sinh nhưng cảm nhận mình là nam (nữ chuyển giới thành nam) hoặc người được gán giới tính nam khi sinh nhưng cảm nhận mình là nữ (nam chuyển giới thành nữ).

**Người liên giới tính:** Đề chỉ những người sinh ra với đặc điểm giới tính bên trong hoặc/và bên ngoài cơ thể không rõ ràng hoặc có sự pha trộn giữa của nam và nữ. Người liên giới tính có thể tự nhận mình là nam hoặc nữ hoặc không thuộc cả hai giới. Trạng thái liên giới tính độc lập với xu hướng tính dục hoặc bản dạng giới.

Người liên giới tính có cùng các xu hướng tính dục và bản dạng giới giống như người không phải người liên giới tính.

**Nam giới có quan hệ tình dục với nam giới:** Nam giới có quan hệ tình dục với nam giới khác cho dù họ có quan hệ tình dục với phụ nữ hoặc có bản dạng giới đồng tính nam hay song tính hay không

**Phân biệt đối xử:** Sự loại trừ hoặc đối xử không công bằng đối với một người hoặc một nhóm người dựa trên các đặc điểm khác biệt như giới tính, giới, tôn giáo, dân tộc, sắc tộc (văn hóa), “chủng tộc” hoặc các đặc điểm cá nhân khác. Người chịu phân biệt đối xử bị ngăn cản không được hưởng các quyền và cơ hội bình đẳng như những người khác. Phân biệt đối xử đi ngược lại nguyên tắc cơ bản của quyền con người, đó là ai cũng có quyền bình đẳng về nhân phẩm và các quyền cơ bản.

**Kỳ thị:** Cách nhìn hoặc quan điểm tiêu cực của cá nhân hoặc xã hội đối với một cá nhân hoặc một nhóm người. Sự kỳ thị này sẽ dẫn đến phân biệt đối xử có thể dưới hình thức hành động hoặc loại trừ.

**Định kiến:** Những cảm xúc, cách nhìn hoặc thái độ hình thành không có lý do cụ thể và thường mang tính thù địch đối với một nhóm người thuộc chủng tộc, tôn giáo hoặc các đặc điểm khác.

**Khuôn mẫu:** Những ý tưởng khái quát hóa giản đơn về người khác dựa trên một hoặc một số đặc điểm của họ. Khuôn mẫu giới thường không phản ánh đúng và dẫn tới định kiến (xem định nghĩa) cũng như phân biệt đối xử. Khuôn mẫu về trẻ em gái, trẻ em trai, nam giới và phụ nữ

được gọi là khuôn mẫu giới.

**Bạo lực học đường trên cơ sở giới (BLHĐTCSG):** Mọi hình thức bạo lực (thể hiện rõ ràng hoặc ngầm ngầm), bao gồm nỗi lo sợ bạo lực, xảy ra trong môi trường giáo dục (bao gồm trong và ngoài trường, ví dụ như trong khuôn viên trường, trên đường đến trường hoặc từ trường về nhà, và trong các trường hợp khẩn cấp và xung đột) gây ra hoặc có khả năng gây ra nguy hại về thể chất, tình dục, tinh thần hoặc tâm lý của trẻ (các em nam, nữ, liên giới tính và chuyển giới với các xu hướng tính dục khác nhau). Tình trạng bạo lực học đường trên cơ sở giới là hệ quả của các khuôn mẫu, vai trò hoặc đặc điểm được gán cho hoặc được mong đợi từ các em vì giới tính hoặc bản dạng giới của trẻ. Tình trạng này còn có thể kết hợp với việc cô lập hoặc các hình thức gây tổn thương khác. Bạo lực học đường trên cơ sở giới bao gồm bạo lực thể chất, tâm lý, lời nói và tình dục.

**Bắt nạt:** Khi một người hoặc một nhóm người liên tục có hành động gây tổn thương người khác. Những người này được gọi là kẻ bắt nạt. Thông thường, kẻ bắt nạt nhắm tới những người được cho là yếu hơn hoặc khác biệt. Bắt nạt thường bao gồm các hành vi đặt các tên gọi gây tổn thương; đe dọa; phá hoại hoặc ăn cắp đồ; gây nguy hại về thể chất hoặc đổ lỗi cho người khác khi có việc xảy ra. Bắt nạt là một hình thức bạo lực.

**Bắt nạt trên mạng:** Một hình thức bắt nạt qua Internet (ví dụ như trong phòng chat, trang mạng xã hội, email) hoặc điện thoại di động (tin nhắn) để gây nguy hại hoặc sự không thoải mái cho người khác.

**Trừng phạt thân thể:** Bất kì biện pháp trừng phạt nào sử dụng vũ lực nhằm gây ra đau đớn hoặc không thoải mái cho dù nhẹ đến đâu.

**Chứng ghét sợ người đồng tính:** Sự sợ hãi, không thoải mái, không chấp nhận hoặc căm ghét người đồng tính hoặc đa dạng về giới tính.

**Bắt nạt do ghét sợ người đồng tính:** Một dạng bắt nạt giới dựa trên xu hướng tính dục hoặc bản dạng giới. Cũng có thể được gọi là bắt nạt trên cơ sở xu hướng tính dục.

**Cưỡng hiếp:** Ép buộc người khác quan hệ tình dục trái với mong muốn của họ.

**Tấn công tình dục:** Quan hệ tình dục mà không có sự đồng ý của người khác, bao gồm động chạm, sờ soạng, cưỡng hiếp, ép buộc quan hệ và các hành vi tương tự khác.

**Quấy rối tình dục:** Là những hành vi dùng lời nói hoặc biểu hiện cơ thể để khơi gợi tình dục đối với người khác, ví dụ như những lời bình luận khiếm nhã, hoặc cử chỉ tình dục. Quấy rối tình dục thường được thực hiện bởi người có quyền lực với người yếu thế hơn.

**Người gây bạo lực:** Người có hành vi bạo lực, gây tổn thương hoặc/và nguy hại cho người khác.

**Người cổ vũ bạo lực:** Người ủng hộ hoặc khuyến khích hành vi bạo lực.

**Nạn nhân:** Là người bị bạo lực.

**Người chứng kiến:** Trong tình huống bạo lực, người chứng kiến là người nhìn thấy hoặc nghe thấy hoặc được kể lại về một hành vi bạo lực.

**4. Nghị định số 48//2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2009 về các biện pháp đảm bảo bình đẳng giới quy định:**

▪ *Hình thức giáo dục về giới và bình đẳng giới*<sup>75</sup>:

- Đưa nội dung về giới và bình đẳng giới vào các chương trình giáo dục trong nhà trường, cơ sở giáo dục khác của hệ thống giáo dục quốc dân, ... phù hợp với từng cấp học và trình độ đào tạo;
- Lồng ghép nội dung về giới, bình đẳng giới trong các hoạt động ngoài giờ lên lớp.

---

<sup>75</sup> Nghị định số 48//2009/NĐ-CP ngày 15/9/2009 quy định các biện pháp đảm bảo BDG, Điều 5, Khoản 2.

### Phụ lục 3. ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

#### Đáp án cho các câu hỏi trắc nghiệm phần I

- ⊙ Đáp án câu 1:
  - Giới tính: 1, 3, 5, 9
  - Giới: 2, 4, 6, 7, 8, 10
- ⊙ Đáp án câu 2: B. Sai
- ⊙ Đáp án câu 3: B, D và E
- ⊙ Đáp án câu 4:

Định kiến giới	Phân biệt đối xử về giới	Bất bình đẳng giới
▪ Nam có khả năng học toán, kỹ thuật tốt hơn nữ	▪ Một số ngành kỹ thuật ít hoặc không tuyển nữ	▪ Phụ nữ ít có cơ hội tiếp cận việc làm mang tính kỹ thuật, công nghệ cao, thu nhập thấp

- ⊙ Đáp án câu 5:
  - Định kiến giới: 1, 2, 4, 7, 9, 10
  - Phân biệt đối xử về giới: 3, 5, 6, 8
- ⊙ Đáp án câu 6: B
- ⊙ Đáp án câu 7: C
- ⊙ Đáp án câu 8: A. Đúng
- ⊙ Đáp án câu 9:
  - Thứ tự điền các cụm từ: Công bằng giới, biện pháp, bù đắp, điều bất lợi
- ⊙ Đáp án câu 10: A, D và E
- ⊙ Đáp án câu 11: A và D

#### Đáp án cho câu hỏi trắc nghiệm phần II:

- ⊙ Đáp án câu 1: C
- ⊙ Đáp án câu 2: B
- ⊙ Đáp án câu 3: A
- ⊙ Đáp án câu 4: B
- ⊙ Đáp án câu 5: D
- ⊙ Đáp án câu 6: C
- ⊙ Đáp án câu 7: C
- ⊙ Đáp án câu 8: D

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Australia Aid, 2014. Phòng ngừa xâm hại tình dục trẻ em, hướng dẫn thảo luận với cán bộ cộng đồng.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo – Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục. Hướng dẫn lồng ghép giới trong công tác hướng nghiệp cho học sinh trung học. Hà Nội, 2015.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2016. Nhận thức giới và đáp ứng giới trong các hoạt động giảng dạy tại trường THCS và THPT. Tài liệu dùng cho khóa học E-LEARNING.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo - Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục. Hướng dẫn rà soát và phân tích giới Sách giáo khoa dưới góc độ giới. Hà Nội, 2010.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo - Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục. Báo cáo về các kết quả nghiên cứu Rà soát và phân tích SGK dưới góc độ giới. Hà Nội, 2010.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo - Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục. Các mô đun tập huấn giáo viên nhấn mạnh các vấn đề giới và nâng cao BĐG. Hòa Bình, 2011.
7. Bộ LĐTB&XH – Tổng cục dạy nghề. Tài liệu hướng dẫn lồng ghép giới và kỹ năng sống vào chương trình dạy nghề. Hà Nội, 2007.
8. Bộ LĐTB&XH – UN Women. Tài liệu hướng dẫn lồng ghép giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Hà Nội 2014.
9. Đào Thế Đức, Hoàng Cẩm, Lê Hà Trung, Lee Kanthoul – UNFPA (2012). “Dạy vợ từ thuở bơ vơ mới về”: Xu hướng, con đường hình thành lối sống bạo lực/phi bạo lực của nam giới tại thành phố Huế và huyện Phú Xuyên, Việt Nam.
10. Luật Bình đẳng giới, 2006. Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020 và Chương trình mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới 2011-2015. Hà Nội, 2011. Báo cáo tình hình thực hiện mục tiêu quốc gia về BĐG năm 2012, Hà Nội, 2013.
11. Luật trẻ em Việt Nam, 2016
12. Plan Việt Nam, 2018. Tài liệu giảng dạy về Phòng chống và ứng phó với BLTCSG trong trường học
13. Plan Việt Nam, 2014. Trích dẫn từ “Khuyến nghị dành cho GVCN, GV làm công tác tư vấn cho học sinh và Ban giám hiệu các trường phổ thông về phòng chống BLHĐTCSG”, UNESCO, 2017.
14. Quỹ hỗ trợ sáng kiến tư pháp, 2015. Hướng dẫn lồng ghép giới
15. Trần Thị Minh Đức - Chủ biên, 2006. Định kiến và Phân biệt đối xử giới. Lý thuyết và thực tiễn.
16. Vũ Thành Long, Vũ Thị Thanh Nhân, 2012. Nam tính và bạo hành đối với phụ nữ.

Nghiên cứu được thực hiện theo yêu cầu của Tổ chức Hoà bình và Phát triển (PYD).

17. UNESCO, 2017. Khuyến nghị dành cho GVCN, GV làm công tác tư vấn cho học sinh và Ban giám hiệu các trường phổ thông về phòng chống BLHĐTCSG.
18. UNESCO, 2016. Hướng tới môi trường học đường an toàn, bình đẳng và hòa nhập – Báo cáo nghiên cứu BLHĐ trên cơ sở giới có liên quan đến xu hướng tính dục, bản dạng và thể hiện giới tại Việt Nam.
19. UNESCO, 2015. Hướng dẫn bình đẳng giới trong chính sách và thực tiễn đào tạo giáo viên (*Xem chuyên đề 1*). Xuất bản năm 2015 bởi Tổ chức Văn hoá, Khoa học và Giáo dục Liên hợp quốc (UNESCO), Số 7, Place de Fontenoy, 75352 Paris 07 SP, Pháp.
20. UNESCO, 2005. Khóa e-learning. Tài liệu 1- Các thuật ngữ về giới.
21. UNESCO Băng Cốc, 2009. Mạng lưới về Giới trong Giáo dục khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Bộ công cụ Thúc đẩy bình đẳng giới trong giáo dục.
22. UNESCO, 2012. Hướng dẫn về bình đẳng giới đối với các ấn phẩm của UNESCO.
23. UNESCO, 2015. Hướng dẫn bình đẳng giới trong chính sách và thực tiễn đào tạo giáo viên. Chuyên đề 1 – Hiểu biết về giới. Xuất bản năm 2015 bởi UNESCO, số 7, Place de Fontenoy, 75352 Paris 07SP, Pháp.
24. UNFPA, 2007. “Thực hiện trên lời hứa bình đẳng”, Khung chiến lược về lồng ghép giới và trao quyền cho phụ nữ của UNFPA 2008-2011.

## CÁC ĐƯỜNG LINK HỮU ÍCH

Stt	Chủ đề	Link
1.	Clips thay đổi khuôn mẫu giới	<a href="https://drive.google.com/drive/folders/0BxnNufCxBAWdaEVxbHluOUE5T1U">https://drive.google.com/drive/folders/0BxnNufCxBAWdaEVxbHluOUE5T1U</a>
2.	Clip về Bất bình đẳng giới trong gia đình	<a href="https://www.youtube.com/watch?v=t2JBPBIFR2Y">https://www.youtube.com/watch?v=t2JBPBIFR2Y</a>
3.	Clip về Bất bình đẳng giới trong sự nghiệp	<a href="https://www.youtube.com/watch?v=7GvIjNuJXMk">https://www.youtube.com/watch?v=7GvIjNuJXMk</a>
4.	Chùm clips của UNDP về những điều bình thường hay bất thường	<a href="https://drive.google.com/drive/folders/0BxnNufCxBAWdQ3BKUi02SE9HUzA">https://drive.google.com/drive/folders/0BxnNufCxBAWdQ3BKUi02SE9HUzA</a>
5.	Clip tìm hiểu kiến thức về LGBT	<a href="https://www.youtube.com/watch?v=jgttvUECc5o">https://www.youtube.com/watch?v=jgttvUECc5o</a>